

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



LienVietPostBank
NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 20/09/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp)

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số:/SGDHN.-QĐ do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày..... tháng.....năm 2022)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày: . . . tháng.... năm 2022 tại:

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank)

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 62 668 668

Fax: (84 24) 62 669 669

Website: www.lienvietpostbank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Trụ sở chính: Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 38 181 888

Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Họ tên: Nguyễn Ánh Vân - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Số điện thoại: (84 24) 62 668 668

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 20/09/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp)

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 62 668 668

Fax: (84 24) 62 669 669

Email: khoinguonvon@lienvietpostbank.com.vn

Website: www.lienvietpostbank.com.vn

NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên trái phiếu: Trái phiếu Ngân hàng Bưu điện Liên Việt phát hành ra công chứng năm 2021 (Trái Phiếu)

Loại trái phiếu: không chuyển đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của LienVietPostBank theo quy định hiện hành.

Mã Trái Phiếu: LPB121036

Ngày Phát Hành: Ngày 30/12/2021

Ngày Đáo Hạn: Ngày 30/12/2031

Lãi suất: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,2%/năm.

Trong đó, Lãi Suất Tham Chiếu có nghĩa là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi.

Kỳ hạn trả lãi: định kỳ vào ngày tròn 01 (một) năm liên tục từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác.

Mệnh giá: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 1.731.000 (Một triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn) Trái Phiếu

Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 173.100.000.000 VND (Một trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm triệu Đồng)

*Để nắm rõ đầy đủ và biết thêm các thông tin chi tiết liên quan tới Các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu, Quý Nhà Đầu Tư vui lòng xem nội dung tại Mục V có tiêu đề “**Chứng khoán niêm yết**” và các nội dung khác liên quan có trong Bản Cáo Bạch này.*

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 46 Tòa nhà Keangnam Landmark 72, Khu E6, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Số Điện thoại: (84 24) 39 461 600 Fax: (84 24) 39 461 601

Website: www.kpmg.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS)

Địa chỉ: Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888 Fax: (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

[Phần còn lại của trang này được có ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1. Rủi ro về kinh tế	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	9
3. Rủi ro về ngành.....	10
4. Rủi ro khác.....	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	14
1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	14
2. Tổ Chức Tư Vấn.....	14
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	26
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng	28
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	37
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	38
6. Hoạt động kinh doanh.....	38
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	62
8. Vị thế của Ngân hàng trong ngành	68
9. Chính sách đối với người lao động.....	74
10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.....	75
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	77
12. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và kế toán trưởng	83
13. Tài sản.....	107
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	108
15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	112

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	113
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết.....	113
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT	113
1. Loại Trái Phiếu	113
2. Tính chất Trái Phiếu	113
3. Mã Trái Phiếu	114
4. Mệnh giá	114
5. Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết	114
6. Tổng giá trị theo mệnh giá phát hành thành công	114
7. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá.....	114
8. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	114
9. Thời Hạn Trái Phiếu	114
10. Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại	114
11. Xếp hạng tín nhiệm.....	115
12. Mục đích phát hành Trái Phiếu.....	115
13. Nguồn thanh toán Trái Phiếu.....	115
14. Lãi suất	116
15. Kỳ trả lãi	116
16. Phương pháp tính giá.....	116
17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn	118
18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết	119
19. Cam kết về bảo đảm	121
20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	121
21. Các loại thuế có liên quan.....	121
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	122
VII. PHỤ LỤC	123

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà Đầu Tư mua Trái Phiếu tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu, hạn chế về giao dịch Trái Phiếu được đầu tư và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Nhà Đầu Tư tiềm năng nên cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro trình bày trong phần này cùng với những thông tin khác được cung cấp trong Bản Cáo Bạch trước khi đầu tư vào Trái Phiếu. Khi một hoặc nhiều sự kiện nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi Trái Phiếu. Những vấn đề khác và những rủi ro khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện chưa biết đến hoặc cho là không quan trọng và không được trình bày trong Bản Cáo Bạch cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

a. Rủi ro về lãi suất

Hoạt động của Ngân hàng chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro cơ bản, phát sinh khi lãi suất thị trường biến động ảnh hưởng bất lợi và gây tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi, giá trị kinh tế vốn (thuộc Sổ ngân hàng) và giá trị danh mục kinh doanh (thuộc Sổ kinh doanh) của Ngân hàng. Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh.

Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: LienVietPostBank đã thiết lập các công cụ quản lý rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng bao gồm: trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất, thay đổi thu nhập lãi thuần và thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu. Các công cụ này được LienVietPostBank thường xuyên đo lường và giám sát.

Đối với rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh: LienVietPostBank thực hiện đo lường và giám sát hàng ngày với hệ thống các hạn mức như hạn mức trạng thái, hạn mức lãi lỗ...

Tài sản và công nợ của Ngân hàng được phân loại theo thời hạn sớm hơn thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Ngày định giá lại tài sản và ngày đáo hạn dự kiến có thể khác nhiều so với ngày quy định trong hợp đồng, đặc biệt với ngày đáo hạn tiền gửi của khách hàng.

LienVietPostBank thường xuyên cập nhật lãi suất huy động/cho vay phù hợp với diễn biến thị trường, theo định hướng của NHNN đồng thời phù hợp với biên lợi nhuận đặt ra của Ngân hàng.

LienVietPostBank đã triển khai áp dụng Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của NHNN Quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“**Thông tư số 41**”) kể từ năm 2019 (trụ cột 1 của Basel II) và dự án đánh giá mức độ đủ vốn ICAAP (trụ cột 2 của Basel II) là những bước đi quan trọng trong công tác quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế trong đó nâng cao năng lực quản lý rủi ro nói chung và quản lý rủi ro về lãi suất nói riêng.

b. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với LienVietPostBank.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo Ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc dịch bệnh như dịch Covid-19 gây tác động tới toàn bộ nền kinh tế toàn cầu, hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của LienVietPostBank và đòi hỏi LienVietPostBank phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

Để quản lý, kiểm soát rủi ro tín dụng, LienVietPostBank triển khai chặt chẽ công tác quản trị rủi ro tín dụng xuyên suốt từ Hội sở đến các Đơn vị kinh doanh (ĐVKD):

- Việc thẩm định, kiểm soát giải ngân, phê duyệt tín dụng được phân cấp thẩm quyền giữa ĐVKD và Hội sở vừa đảm bảo tính chủ động của ĐVKD trong công tác cấp tín dụng vừa đảm bảo tính độc lập, khách quan trong bối cảnh LienVietPostBank triển khai tăng cường bán lẻ.
- Rủi ro tín dụng được nhận diện sớm, kiểm soát, xử lý qua các công cụ phân tích dữ liệu hệ thống, kiểm tra trực tiếp bởi 3 tuyến phòng thủ. Theo đó, các bộ phận nghiệp vụ chủ động xác định nguyên nhân, đo lường, đánh giá chi tiết để có các giải pháp giảm thiểu, ngăn ngừa rủi ro phát sinh.
- Công tác quản trị danh mục giúp kiểm soát đảm bảo tuân thủ các hạn mức tín dụng và các tỷ lệ đảm bảo an toàn, phân tích các thay đổi trên toàn danh mục để dự báo sớm các biến động có thể dẫn đến rủi ro, thực hiện đề xuất thay đổi các chính sách có liên quan.
- Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát, LienVietPostBank tích cực chủ động trong việc nắm bắt các khó khăn của Khách hàng, áp dụng các giải pháp đồng hành hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid.
- Công tác xử lý nợ luôn luôn được chú trọng, tăng cường các biện pháp phân luồng, xử lý, thu hồi nợ quá hạn và nợ xấu.

Do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nên tình hình kinh tế chịu ảnh hưởng khá nặng nề. Trước tình hình này, LienVietPostBank đã có nhiều biện pháp hỗ trợ khách hàng như: cơ cấu nợ, miễn giảm lãi, hạ lãi suất cho khách hàng hiện hữu và cho vay mới với lãi suất ưu đãi đối với khách hàng mới.

c. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi LienVietPostBank có trạng thái ngoại tệ.

Để hạn chế rủi ro này, LienVietPostBank đã thiết lập hệ thống hạn mức dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của LienVietPostBank và các quy định của NHNN, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Hạn mức trạng thái, Hạn mức giao dịch cấp cho một khách hàng, Hạn mức giao dịch viên, Hạn mức cắt lỗ, Hạn mức kỳ hạn, ... Trạng thái ngoại tệ được quản lý hàng ngày, đồng thời, chiến lược phòng ngừa rủi ro tỷ giá được LienVietPostBank sử dụng linh hoạt thông qua các công cụ phái sinh như giao dịch hoán đổi, giao dịch kỳ hạn... và các công cụ khác nhằm hạn chế tối đa rủi ro ngoại hối, đảm bảo duy trì hạn mức đã thiết lập, phù hợp với khẩu vị rủi ro của LienVietPostBank trong từng thời kỳ.

d. Rủi ro về thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do LienVietPostBank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao để thực hiện nghĩa vụ đó.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, các Khối, Phòng của LienVietPostBank thường xuyên phối hợp dự báo và tính toán chính xác nhu cầu thanh khoản ở từng thời điểm để chủ động thu xếp nguồn vốn chi trả theo yêu cầu. LienVietPostBank tiếp tục tạo dựng uy tín với khách hàng gửi tiền lớn/truyền thống, đồng thời chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới. Theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng ấn tượng qua các năm. Bên cạnh đó, LienVietPostBank (i) xây dựng danh mục đầu tư với tỷ trọng đầu tư hợp lý vào các loại chứng khoán, giấy tờ có giá, các loại tài sản có tính thanh khoản cao có khả năng chuyển đổi nhanh sang tiền mặt với chi phí thấp; (ii) dự báo kịp thời nhu cầu rút tiền của khách hàng nhằm chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường; và (iii) tuân thủ đúng các tỷ lệ bảo đảm an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

LienVietPostBank đã xây dựng hệ thống quản lý và cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với quy định của pháp luật và thông lệ thị trường; xây dựng các văn bản quy định về quản lý rủi ro thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý rủi ro thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng thực hiện kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản trong đó bao gồm các kịch bản có diễn biến bất lợi (khách hàng rút tiền đột xuất với khối lượng lớn, các khoản nợ quá hạn gia tăng...) nhằm đánh giá tác động đối với thanh khoản của Ngân hàng và

các chỉ tiêu an toàn thanh khoản. Từ đó, Ngân hàng lập kế hoạch dự phòng, dự kiến các biện pháp xử lý về nguồn vốn, sử dụng vốn, dòng tiền tương lai, đảm bảo thanh khoản của Ngân hàng được thông suốt.

Đặc biệt, kể từ năm 2021, LienVietPostBank đã bắt đầu triển khai Basel III dự kiến hoàn thành trong năm 2022, theo đó sẽ bổ sung toàn diện về phương pháp cũng như kỹ thuật đo lường và quản lý rủi ro thanh khoản hiện đại.

e. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Rủi ro từ các cam kết ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh). Khi đó LienVietPostBank sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro từ các cam kết ngoại bảng, LienVietPostBank đã ban hành quy trình thẩm định và cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, quy định về tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng cũng như mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh. LienVietPostBank thường yêu cầu ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do LienVietPostBank định giá. Ngoài ra, Ngân hàng còn đưa ra các cam kết dưới dạng cam kết giao dịch hoán đổi lãi suất, cam kết mua bán giấy tờ có giá và các cam kết khác.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được hoàn thiện nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các TCTD tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng TMCP như LienVietPostBank.

Trong những năm gần đây, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, bao gồm: Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12; Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; Luật Đất đai số 45/2013/QH13; Luật Nhà ở số 65/2014/QH13; Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13. Năm 2017, Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD. Theo đó, Luật các TCTD năm 2010 được sửa đổi theo hướng yêu cầu tiêu chuẩn cao hơn đối với lãnh đạo ngân hàng, bổ sung các quy định cho phép can thiệp sớm hơn đối với TCTD yếu kém và biện pháp cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt... Sau khi Luật các TCTD sửa đổi được ban hành, dự kiến Chính phủ và NHNN sẽ sớm ban hành các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện. Do đó, cơ sở pháp lý về hoạt động của các TCTD,

chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, trong đó có LienVietPostBank trong thời gian tới sẽ tiếp tục có những thay đổi tích cực.

Với đặc thù là một nền kinh tế đang phát triển và đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ nên mặc dù Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh trong lĩnh vực này nhưng có thể đánh giá, hệ thống pháp luật về ngân hàng tại Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện để dần đáp ứng các chuẩn mực quốc tế. Do vậy, đây vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các Nhà Đầu Tư liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

Để giảm thiểu những rủi ro do luật pháp mang lại, LienVietPostBank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng và đặt việc tuân thủ lên hàng đầu trong mọi quyết định hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Phòng Pháp chế của LienVietPostBank với chức năng quản lý rủi ro pháp lý trong toàn bộ hoạt động của Ngân hàng thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin pháp lý, tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc về các hoạt động của Ngân hàng nhằm hạn chế những rủi ro pháp lý có thể gặp phải.

3. Rủi ro về ngành

Bên cạnh các rủi ro đặc thù đã đề cập ở trên, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực/ngành ngân hàng tại Việt Nam còn chịu sự tác động và rủi ro từ áp lực cạnh tranh giữa các ngân hàng cùng ngành. Theo đó, LienVietPostBank không chỉ chịu áp lực cạnh tranh với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước chi phối mà còn phải chịu sự cạnh tranh ngày càng lớn từ các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân khác, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và các công ty công nghệ tài chính (fin-tech). Ngành ngân hàng dần phải chia sẻ thị phần kinh doanh tiền tệ với các loại hình công ty mới. Là một quốc gia có nền kinh tế mở và tốc độ tăng trưởng cao, Việt Nam đã và đang ngày càng chủ động và đẩy mạnh quá trình toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Điều này đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ mở rộng hơn nữa các quan hệ hợp tác quốc tế, cũng như tham gia nhiều hơn vào các thị trường, khu vực thương mại tự do với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Do vậy, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ ngày càng gia tăng mạnh mẽ. Các ngân hàng nói chung và LienVietPostBank nói riêng, bên cạnh các cơ hội và thuận lợi, sẽ phải đối mặt với không ít những rủi ro, thách thức và sự cạnh tranh khốc liệt trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin (CNTT)

Hệ thống CNTT tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ việc LienVietPostBank phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc vận hành sai, không tuân thủ chặt chẽ quy trình theo dõi, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng (hacker)...

Công tác quản trị và vận hành các hệ thống CNTT tại LienVietPostBank được thực hiện và kiểm soát chặt chẽ theo hệ thống quy trình, quy định được ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật. Các phương án, kịch bản xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố CNTT cũng được xây dựng và diễn tập định kỳ giúp hệ thống CNTT hoạt động ổn định và an toàn trong suốt thời gian qua, được các tổ chức CNTT quốc tế đánh giá cao.

Ngoài ra, trước các nguy cơ về an ninh mạng ngày càng gia tăng, Ngân hàng đã tăng cường các công tác chuẩn bị, nâng cao tính sẵn sàng CNTT tại LienVietPostBank để đối phó với những tác động xấu từ bên ngoài và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngày càng khắt khe về tuân thủ trong thời gian tới như: thành lập tổ công tác đặc biệt ứng phó với các tình huống về an ninh mạng, phối hợp chặt chẽ với NHNN, Hiệp hội An ninh mạng Việt Nam (VNISA), Bộ Công an (C50, PC50) thực hiện tốt công tác cảnh báo và giám sát an ninh mạng của LienVietPostBank.

Với mục tiêu “An toàn – Chính xác – Hiệu quả”, Ngân hàng luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ và công nghệ. Nghiên cứu xây dựng chuẩn hóa và triển khai nhiều quy định quy trình đồng bộ đảm bảo 100% dịch vụ được thực hiện an toàn, chính xác và kịp thời, qua đó ngày càng củng cố nâng cao uy tín của LienVietPostBank với khách hàng.

- **Xây dựng công hỗ trợ một cửa IT Support:** mục đích của Công hỗ trợ kỹ thuật là đơn giản hoá và tạo ra sự chủ động, phối hợp tối đa trong công tác xử lý các vấn đề phát sinh phức tạp hoặc các sự cố có mức độ ảnh hưởng lớn đến người dùng trong quá trình chuyển giao và vận hành các sản phẩm, dịch vụ công nghệ. Khối Công nghệ Thông tin đang từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt mọi yêu cầu của Ngân hàng
- **Kiến trúc hệ thống & Hiện đại hóa Ngân hàng:** hệ thống hạ tầng mạng truyền dẫn đã được triển khai các kênh thuê riêng, đảm bảo dự phòng nhằm đáp ứng mức độ sẵn sàng cao. Các điểm giao dịch đều được đảm bảo kết nối 2 kênh từ 2 nhà cung cấp khác nhau. Với nguồn lực tài nguyên máy chủ và hệ thống lưu trữ, LienVietPostBank đã có những đầu tư hiệu quả trong năm 2020, đảm bảo đủ tài nguyên cho các ứng dụng/dịch vụ hiện hữu cũng như các dự án trong năm 2021. Bên cạnh đó, một số dự án mới đã được triển khai và hoạt động hiệu quả như ứng dụng Điều chuyển vốn FTP và hệ thống Báo cáo Quản trị BI. Các ứng dụng/dịch vụ này đều góp phần nâng cao nền tảng công nghệ của Ngân hàng.
- **Bảo mật và an ninh thông tin:** trong tình hình thực tế ngày càng gia tăng các mối đe dọa từ những cuộc tấn công mạng nhằm vào các tổ chức, đặc biệt là các dịch vụ ngân hàng như các kênh giao dịch trực tuyến, Khối CNTT đã rất tích cực và hiệu quả trong công việc đào tạo nguồn nhân lực, cũng như triển khai một số dự án nâng cấp và hiện đại hóa hệ thống bảo mật thông tin như hệ thống tường lửa thế hệ mới, các giải pháp giám sát tài khoản đặc quyền. Ngoài ra, phòng An ninh thông tin cũng đã xây dựng bộ quy chế về An Toàn Bảo Mật thông tin, đáp ứng các quy định của NHNN.

4. Rủi ro khác

Rủi ro liên quan tới Trái Phiếu

Trái Phiếu là Nợ Thứ Cấp, không được bảo đảm

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Do đó, trong trường hợp LienVietPostBank phá sản hoặc giải thể, tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của LienVietPostBank. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của LienVietPostBank. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà LienVietPostBank có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu, cụ thể:

- Trái Phiếu chỉ được LienVietPostBank mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại trước hạn, LienVietPostBank vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
- LienVietPostBank được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của LienVietPostBank bị lỗ.

Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì đảm bảo rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của LienVietPostBank và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

Phát hành thêm chứng khoán

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm LienVietPostBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể

có các điều khoản khác hoặc tương tự so với các Trái Phiếu đang phát hành) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì đảm bảo rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

Lãi Trái Phiếu có thể phải chịu thuế

Việc thanh toán lãi đối với Trái Phiếu có thể bị khấu trừ hoặc khấu lưu thuế nếu pháp luật có yêu cầu. Nhà Đầu Tư cần nhận thức rằng pháp luật có thể yêu cầu LienVietPostBank thực hiện khấu trừ hoặc khấu lưu thuế từ khoản tiền đến hạn mà Ngân hàng phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu

Lãi suất của Trái Phiếu được áp dụng thả nổi, thay đổi định kỳ 12 tháng một lần theo công thức đã quy định. Do đó, lãi suất của Trái Phiếu có thể thay đổi (tăng hoặc giảm) theo như diễn biến của nền kinh tế vĩ mô Việt Nam cũng như diễn biến thị trường trong từng giai đoạn tại thời điểm xác định lãi suất.

Ngoài ra, hiện chưa có quy định cụ thể nào về việc áp dụng trần lãi suất đối với trái phiếu có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên do TCTD và doanh nghiệp phát hành. Tuy nhiên để thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt theo từng thời kỳ, NHNN có thể quy định mức trần lãi suất áp dụng đối với trái phiếu do TCTD và doanh nghiệp phát hành và không loại trừ việc quy định mới này có thể bị áp dụng hồi tố đối với Trái Phiếu.

Bảo hiểm tiền gửi

Nhà Đầu Tư cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của LienVietPostBank.

Trong năm 2021, sự bùng phát mạnh mẽ của dịch bệnh Covid-19 theo đó là chính sách giãn cách xã hội của Chính phủ dẫn đến ngưng trệ phần lớn hoạt động sản xuất kinh doanh trong đó có ngành Ngân hàng. Tại LienVietPostBank bằng việc chủ động xây dựng các phương án đối phó dịch bệnh được xây dựng chặt chẽ, chi tiết, linh hoạt và phù hợp theo các chỉ đạo của Ủy ban Phòng, Chống dịch bệnh cũng như các cơ quan chủ quản khác đã giúp đảm bảo mọi hoạt động của Ngân hàng được duy trì ổn định, an toàn, liên tục. Các chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng đều đạt hoặc vượt so với kế hoạch đặt ra.

Đến nay tình hình dịch bệnh đã từng bước được kiểm soát, hoạt động của nền kinh tế đã dần trở lại trạng thái bình thường mới. Tuy nhiên tác động của dịch bệnh vẫn đang còn một số dư âm nhất định, dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát toàn bộ và có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và trả nợ vay của các khách hàng, tiềm ẩn rủi ro gia tăng nợ quá hạn.

DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU. CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CẦN CÓ NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁCH QUAN ĐỂ CÓ THỂ NHẬN ĐỊNH MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ CÁC NHÂN TỐ RỦI RO CÓ THỂ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Ông Huỳnh Ngọc Huy	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Doãn Sơn	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ánh Vân	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Gấm	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Trần Thanh Tùng	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch niêm yết Trái Phiếu (Bản Cáo Bạch) này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ Chức Tư Vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Đại diện được ủy quyền: Bà Trần Thị Thu Thanh Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 07/2021/UQ-TGD ngày 26/02/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, đại lý phát hành số 02/2021/HĐT/VT.C.HS.SHS/LPB ngày 19 tháng 10 năm 2021 ký kết với Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong Bản Cáo Bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “LienVietPostBank”, “Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết”, “Ngân hàng”, “Ngân hàng Bưu điện Liên Việt”: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
- “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng Cổ đông
- “HĐQT”: Hội đồng Quản trị
- “HĐTV”: Hội đồng Thành viên
- “BKS”: Ban Kiểm soát
- “BCTC”: Báo cáo tài chính
- “CASA”: Tiền gửi không kỳ hạn
- “CAR”: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu
- “CCCD”: Căn cước công dân
- “CMND”: Chứng minh nhân dân
- “CNTT”: Công nghệ Thông tin
- “ĐVKD”: Đơn vị Kinh doanh
- “LNTT”: Lợi nhuận trước thuế
- “LNST”: Lợi nhuận sau thuế
- “PGDBĐ”: Phòng Giao dịch Bưu điện
- “HNX”: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- “FTP”: Hệ thống điều chuyển vốn nội bộ
- “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- “NHTM”: Ngân hàng thương mại
- “NIM”: Biên lợi nhuận ròng
- “NPL”: Tỷ lệ nợ xấu
- “TCTD”: Tổ chức tín dụng
- “TGD”: Tổng Giám đốc
- “TMCP”: Thương mại Cổ phần
- “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
- “TTS”: Tổng Tài sản
- “USD”: Đồng đô la Mỹ
- “UBCKNN”: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- “VND”: Đồng Việt Nam;
- “VSD”: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- “Vốn CSH”: Vốn Chủ sở hữu
- “PGD”: Phòng Giao Dịch

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tên đầy đủ bằng tiếng việt: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt

Tên viết tắt: LienVietPostBank

Tên viết bằng tiếng nước ngoài: Lien Viet Post Joint Stock Commercial Bank

Mã cổ phiếu: LPB

Sàn niêm yết cổ phiếu: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

**LienVietPostBank**
NGÂN HÀNG BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT**Logo:**

Vốn điều lệ đăng ký: 12.035.904.740.000 VND (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 20/09/2021)

Vốn điều lệ thực góp: 12.385.863.230.000 VND (Ngày 14/02/2022, Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và thực hiện tăng vốn điều lệ lên 12.385.863.230.000 đồng. Ngân hàng đang thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi nội dung vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội)

Trụ sở chính: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 210 đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84 24) 62 668 668

Fax: (84 24) 62 669 669

Website: www.lienvietpostbank.com.vn

Mã số thuế: 6300048638

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 20/09/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn - Chức vụ: Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Hoạt động ngân hàng thương mại, hoạt động ngân hàng bán lẻ. Mã ngành: 64

Các lĩnh vực hoạt động:**• Huy động vốn:**

- Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các TCTD khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- Vay vốn của các TCTD khác hoạt động tại Việt Nam và của TCTD nước ngoài.
- Vay vốn ngắn hạn của NHNN theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của NHNN.

- **Hoạt động tín dụng:**

Cấp tín dụng cho tổ chức, cá nhân dưới hình thức cho vay, chiết khấu/tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của NHNN.

- **Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:**

- Cung ứng các phương tiện thanh toán.
- Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng.
- Thực hiện các dịch vụ thu hộ, chi hộ.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của NHNN.
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán quốc tế theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện dịch vụ thu và chi tiền mặt cho khách hàng.
- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước.

- **Các hoạt động khác:**

- Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.
- Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN.
- Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập/mua lại công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có, góp vốn/mua cổ phần của doanh nghiệp khác để kinh doanh ngoại hối trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được NHNN chấp thuận.
- Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN.
- Thành lập/mua lại công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập bằng vốn tự có hoặc góp vốn/mua cổ phần của doanh nghiệp khác để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật.
- Tư vấn tài chính, tiền tệ cho khách hàng dưới hình thức trực tiếp tư vấn cho khách hàng hoặc thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật.
- Bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
- Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để thực hiện các hoạt động kinh doanh khác có liên quan đến hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt tiền thân là Ngân hàng TMCP Liên Việt được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN (“Giấy phép”) do Thống đốc NHNN Việt Nam cấp ngày 28/03/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008. Thời gian hoạt động theo Giấy phép là 99 năm kể từ ngày cấp.

Sau hơn 13 năm hoạt động, LienVietPostBank đã trở thành một trong những ngân hàng TMCP tầm trung ở Việt Nam với vốn điều lệ đạt gần 12.386 tỷ Đồng. Tại ngày 31/03/2022, Ngân hàng có 01 Trụ sở chính, 03 Văn phòng đại diện, 76 Chi nhánh, 480 Phòng Giao dịch, 613 Phòng Giao dịch Bưu điện trên cả nước. Số lượng nhân viên là 10.981 người.

Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 2008

- ❑ Thành lập Ngân hàng TMCP Liên Việt với mức vốn điều lệ 3.300 tỷ VND.
- ❑ Khai trương hoạt động Ngân hàng TMCP Liên Việt tại tỉnh Hậu Giang.
- ❑ Trở thành công ty đại chúng

Năm 2009

- ❑ Tăng vốn điều lệ từ 3.300 tỷ VND lên 3.650 tỷ VND theo hình thức chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2010

- ❑ Hợp tác cùng Công ty Cổ phần Him Lam thành lập Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần nhằm hỗ trợ phát triển huyện nghèo Xín Mần, tỉnh Hà Giang. Đây là mô hình công ty công ích hỗ trợ phát triển đầu tiên do một doanh nghiệp thực hiện đối với một trong 61 huyện nghèo trên toàn quốc.

Năm 2011

- ❑ Tăng vốn điều lệ từ 3.650 tỷ VND lên 5.650 tỷ VND thông qua chuyển đổi 2.000 tỷ VND trái phiếu.
- ❑ Tăng vốn điều lệ từ 5.650 tỷ VND lên 6.010 tỷ VND thông qua sáp nhập Công ty dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện.
- ❑ Khai thác hệ thống hơn 10.000 điểm giao dịch sau khi Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam góp vốn vào Ngân hàng TMCP Liên Việt bằng giá trị Công ty Dịch vụ Tiết

Năm 2012

- ❑ Khánh thành Trụ sở của Công ty Cổ phần Phát triển Xín Mần tại khu vực chợ trung tâm Thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
- ❑ Xếp thứ 39 trong tổng số 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- ❑ Tăng vốn điều lệ lên 6.460 tỷ VND thông qua phát hành riêng lẻ cho Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam.

Năm 2013

- ❑ Nhận Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2012 do Ban Biên tập và cộng đồng độc giả của Thời báo Kinh tế Việt Nam bình chọn.
- ❑ Đạt danh hiệu Thương vụ M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2013 do Báo Đầu tư và Công ty AVM Vietnam phối hợp tổ chức.
- ❑ Ký kết Biên bản ghi nhớ và Hợp đồng tư vấn kỹ thuật và chuyên gia công nghệ giữa Tập đoàn Bưu chính Pháp với Tổng Công

kiệm Bưu điện và bằng tiền mặt.

- ❑ Đổi tên thành Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank).
- ❑ Xếp thứ 87 trong tổng số 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam trên bảng xếp hạng VNR 500.

Năm 2014

- ❑ Đầu tư, góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện Việt Lào với giá trị góp vốn 300 tỷ Đồng.
- ❑ Được Global Banking & Finance Review (Anh) trao tặng 02 giải thưởng “Ngân hàng Trách nhiệm Xã hội tốt nhất Việt Nam và Ngân hàng Tiết kiệm tốt nhất Việt Nam”.

Năm 2017

- ❑ Chuyển đổi CoreBanking thành công, đáp ứng yêu cầu quản trị, kinh doanh của gần 140 Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Ngân hàng và hơn 1.000 Phòng Giao dịch Bưu điện trên toàn quốc.

Năm 2015

- ❑ Nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam 2014 lần thứ 11 với chủ đề Tạo dựng môi trường kinh doanh bình đẳng và lành mạnh” do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.
- ❑ Đổi trụ sở chính tới Số 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2018

- ❑ Lần đầu tiên được Moody’s (Tổ chức xếp hạng tín nhiệm toàn cầu) xếp hạng tín nhiệm ở mức B2 và triển vọng Tích cực.
- ❑ Chỉ số tín nhiệm tiền gửi, nhà phát hành nợ nội tệ và

ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) và LienVietPostBank.

- ❑ Nhận giải thưởng “Chứng chỉ xuất sắc trong xử lý điện thanh toán theo chuẩn quốc tế STP năm 2013” do Ngân hàng Wells Fargo N.A trao tặng.

Năm 2016

- ❑ Nhận Bằng khen do Chủ tịch nước Trương Tấn Sang trao tặng vì các thành tích hoạt động xã hội từ thiện trong giai đoạn 2011-2015.
- ❑ Ngân hàng Bưu điện Liên Việt và Công ty Cổ phần Him Lam cam kết dành trên 11.000 tỷ Đồng để phát triển mắc ca trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- ❑ Chính thức trở thành ngân hàng thương mại cổ phần có mạng lưới lớn nhất với Chi nhánh ở 63 tỉnh, thành trên toàn quốc và hơn 10.000 điểm giao dịch trên mạng lưới bưu điện đến tận cấp huyện, xã.
- ❑ Đổi trụ sở chính tới Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Năm 2019

- ❑ Chính thức được NHNN chấp thuận tuân thủ sớm Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định về tỷ lệ an toàn vốn trước thời hạn.
- ❑ Tăng vốn điều lệ lên 8.881 tỷ VND thông qua chi trả cổ tức và chào bán cho cổ

- ❑ Nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội.
- ❑ Được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom với mã chứng khoán là LPB. Ngày 05/10/2017 là ngày giao dịch đầu tiên với 646 triệu cổ phiếu LPB chào sàn với mức giá tham chiếu là 14.800 VND/cổ phiếu.
- ❑ Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam giành Giải thưởng AICTA. Đồng thời, Ví Việt cũng nhận được giải Sao Khuê - TOP 10 Sản phẩm ứng dụng công nghệ xuất sắc nhất Việt Nam 2017 và là Sản phẩm duy nhất trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng do Hiệp hội Doanh nghiệp phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam trao tặng.

Năm 2020

- ❑ Tăng vốn điều lệ lên 9.769 tỷ VND thông qua trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu
- ❑ Niêm yết gần 977 triệu cổ phiếu LPB tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)..
- ❑ Tăng vốn điều lệ lên 10.746 tỷ VND thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- ❑ Hoàn thành tiêu chuẩn Basel II trước thời hạn.

ngoại tệ dài hạn được nâng lên 1 bậc, từ B2 lên B1. Triển vọng đối với xếp hạng tín nhiệm tiền gửi bằng nội tệ và nhà phát hành nợ nội tệ và ngoại tệ chuyển từ "tích cực" sang "ổn định".

- ❑ Tăng vốn điều lệ lên 7.500 tỷ VND thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức, chào bán cho cổ đông hiện hữu và phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động.

đồng hiện hữu.

Năm 2021

- ❑ Tăng vốn điều lệ lên 12.036 tỷ VND thông qua phát hành cổ phiếu chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu.
- ❑ Lợi nhuận đạt mức cao nhất trong lịch sử kể từ khi thành lập, đạt 3.638 tỷ VND lợi nhuận trước thuế

Năm 2022

- ❑ Tháng 3/2022, tăng vốn điều lệ lên 12.386 tỷ VND thông qua phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động.

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Ngân hàng được thành lập năm 2008 với vốn điều lệ là 3.300 tỷ VND. Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, trải qua 11 (mười một) lần phát hành cổ phiếu thông qua các hình thức khác nhau, đến nay Ngân hàng đã nâng số vốn điều lệ lên 12.386 tỷ VND.

Chi tiết quá trình tăng vốn được trình bày dưới đây:

Bảng 1: Quá trình tăng, giảm vốn điều lệ kể từ khi thành lập

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
1	2008		3.300.000.000.000	Thành lập		<ul style="list-style-type: none"> - Giấy phép thành lập và hoạt động số 91/GP-NHNN ngày 28/03/2008 của NHNN. - Giấy ĐKKD số 6403000058 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008.
2	2009	350.000.000.000	3.650.000.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành 16.500.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu. - Phát hành 4.000.000 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu cho CBNV. - Phát hành 14.500.000 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược. 	35.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 229/NHNN-HGI2 ngày 22/06/2009 của NHNN về việc chấp thuận tăng vốn điều lệ (VĐL) năm 2009. - Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng số 433/UBCK-GCN của UBCKNN ngày 02/10/2009. - Giấy ĐKKD số 6403000058 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần 2 ngày 30/10/2009.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2021



TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
3	2011	2.000.000.000.000	5.650.000.000.000	Phát hành 200.000.000 cổ phiếu từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi.	20.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 400A/2009/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2009 của LienVietPostBank - Quyết định số 145/QĐ-NHNN ngày 27/01/2010 của NHNN. - Giấy chứng nhận chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng số 513/UBCK-GCN ngày 09/02/2010 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 6300048638 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần 4 ngày 04/04/2011.
4	2011	360.000.000.000	6.010.000.000.000	Tăng vốn điều lệ từ sáp nhập Công ty Dịch vụ Tiết kiệm bưu điện	36.000.000	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 244/TTg - ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc VNPost góp vốn vào Ngân hàng TMCP Liên Việt ngày 21/02/2011. - Công văn số 4856/NHNN-TTGSNH ngày 24/06/2011 của NHNN về việc chấp thuận tăng vốn. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/03/2010 của LienVietPostBank; - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 268A/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2011 của LienVietPostBank - Quyết định số 1663/QĐ-NHNN ngày 29/07/2011 về việc sửa đổi mức vốn điều lệ ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. - Giấy ĐKKD số 6300048638 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần 5 ngày 12/07/2011.

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2021



TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
5	2012	450.000.000.000	6.460.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam nay là Tổng Công ty Bưu Điện Việt Nam	45.000.000	- Công văn số 4856/NHNN-TTGSNH ngày 24/06/2011 của NHNN. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 268A/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2011 của LienVietPostBank - Giấy ĐKKD số 6300048638 thay đổi lần 7 ngày 06/01/2012.
6	2018	1.039.994.280.000	7.499.994.280.000	- Phát hành 38.759.428 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. - Phát hành 33.557.727 cổ phiếu để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. - Phát hành 31.682.273 cổ phiếu chào bán cổ phiếu cho Cán bộ nhân viên Ngân hàng.	103.999.428	- Công văn số 5408/NHNN-TTGSNH ngày 11/07/2017. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/03/2017 đính kèm Tờ trình số 101e/2017/TTr-HĐQT ngày 08/03/2017. - Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 73/GCN-UBCK ngày 31/10/2017 của UBCKNN. - Giấy ĐKKD số 6300048638 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần thứ 15 ngày 07/03/2018.
7	2019	1.381.446.670.000	8.881.440.950.000	- Phát hành 37.497.490 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu. - Phát hành 100.647.177 cổ phiếu để chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	138.144.667	- Công văn số 6646/NHNN-TTGSNH ngày 04/09/2018 của NHNN. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 28/03/2018 đính kèm Tờ trình số 114e/2018/TTr-HĐQT ngày 07/03/2018. - Công văn số 1925/UBCK-QLCB ngày 28/03/2019 của NHNN. - Giấy ĐKKD số 6300048638 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần thứ 16 ngày 30/10/2019

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2021



TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
8	2020	888.042.240.000	9.769.483.190.000	- Phát hành 82.481.320 cổ phiếu để trả cổ tức - Phát hành 6.327.414 cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần	88.804.224	- Công văn số 201/NHNN-TTGSNH ngày 10/01/2020 của NHNN. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 24/04/2019 đính kèm Tờ trình số 113/2019/TTr-HĐQT ngày 12/04/2019. - Công văn số 1011/UBCK-QLCB ngày 19/02/2020 của NHNN. - Giấy ĐKKD số 6300048638 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần thứ 18 ngày 26/08/2020
9	2020	976.905.960.000	10.746.389.150.000	- Phát hành 97.690.596 cổ phiếu để trả cổ tức	97.690.596	- Công văn số 7585/NHNN-TTGSNH ngày 16/10/2020 của NHNN. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 25/06/2020 đính kèm Tờ trình số 470/2020/TTr-HĐQT ngày 10/06/2020. - Công văn số 7304/UBCK-QLCB ngày 14/12/2020 của NHNN. - Giấy ĐKKD số 6300048638 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần thứ 19 ngày 21/01/2021
10	2021	1.289.515.590.000	12.035.904.740.000	- Phát hành 128.951.559 cổ phiếu để trả cổ tức	128.951.559	- Công văn số 4536/NHNN-TTGSNH ngày 24/06/2021 của NHNN. - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 29/04/2021 đính kèm Tờ trình số 195/2021/TTr-HĐQT ngày 07/04/2021. - Công văn số 4316/UBCK-QLCB ngày 05/08/2021 của NHNN. - Giấy ĐKKD số 6300048638 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 03/04/2008, thay đổi lần thứ 20 ngày

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG NĂM 2021

TT	Thời gian tăng vốn	Số vốn tăng thêm (đồng)	VĐL sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành thêm (cổ phiếu)	Cơ sở pháp lý
						20/09/2021
11	2022	349.958.490.000	12.385.863.230.000	- Phát hành 34.995.849 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	34.995.849	- Công văn số 4536/NHNN-TTGSNH ngày 24/06/2021 của NHNN. - Công văn số 669/UBCK-QLCB ngày 14/02//2022 của NHNN. - Ngân hàng đang thực hiện các thủ tục liên quan để hoàn thiện quá trình xin cấp giấy ĐKKD cho mức vốn điều lệ mới

Nguồn: LienVietPostBank

2. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

Cơ cấu tổ chức của LienVietPostBank bao gồm 15 Khối và 4 Văn phòng/Trung tâm chức năng, cụ thể:

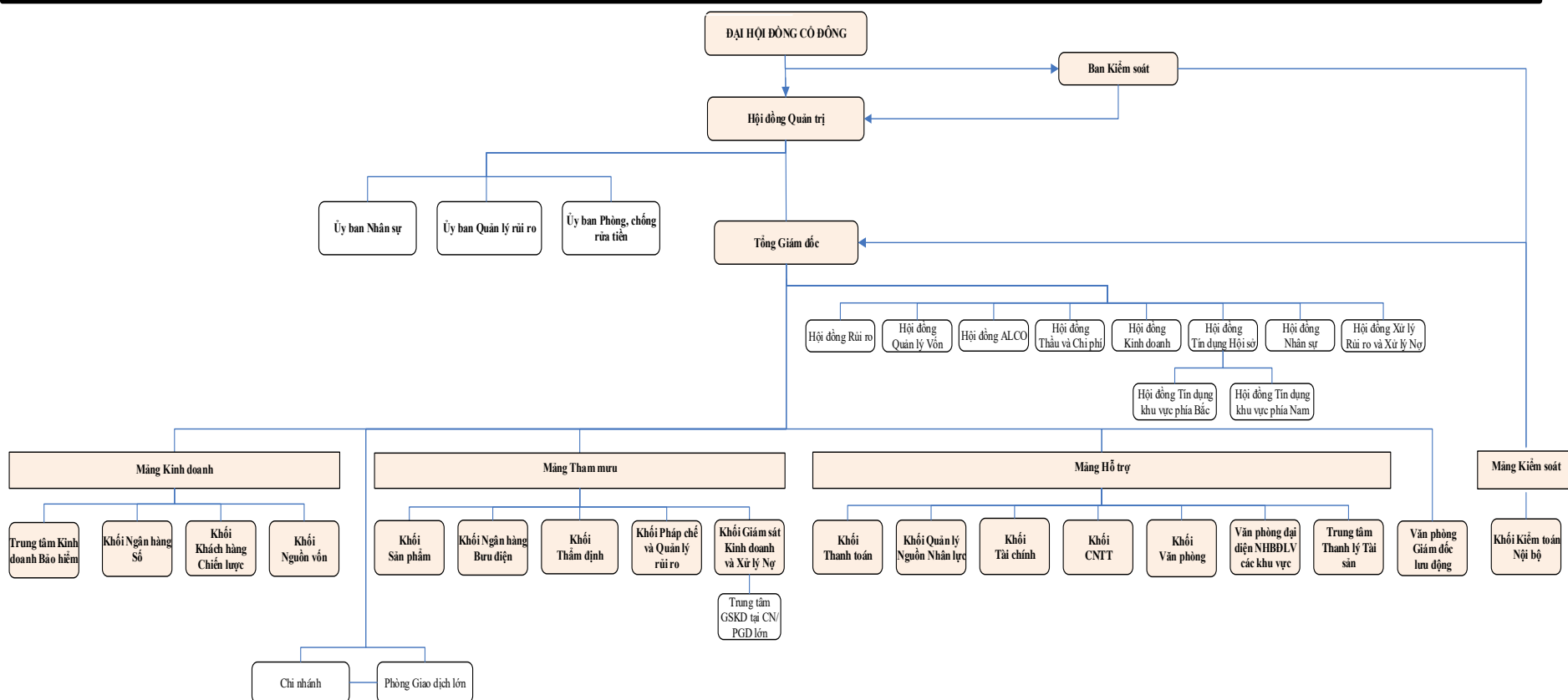
- Khối Ngân hàng Số
- Khối Khách hàng Chiến lược
- Khối Nguồn vốn
- Trung tâm Kinh doanh Bảo hiểm
- Khối Giám sát Kinh doanh và Xử lý Nợ
- Khối Sản phẩm
- Khối Ngân hàng Bưu điện
- Khối Thẩm định
- Khối Pháp chế và Quản lý rủi ro
- Khối Thanh toán
- Khối Quản lý Nguồn Nhân lực
- Khối Tài chính
- Khối Công nghệ Thông tin
- Khối Văn Phòng
- Khối Kiểm toán nội bộ
- Văn phòng đại diện Ngân hàng Bưu điện Liên Việt các khu vực
- Văn phòng Giám đốc lưu động
- Trung tâm thanh lý tài sản

Các Khối/Trung tâm thuộc sự điều hành của Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối/Trung tâm. Mỗi Khối/Trung tâm chức năng được chia làm nhiều phòng, được phân chia theo định hướng khách hàng và thực hiện những nhiệm vụ chuyên môn riêng trong mục tiêu chung của Ngân hàng, nhằm đảm bảo phát huy tối đa những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của đội ngũ nhân viên trong việc phục vụ khách hàng. Giữa các Khối/Trung tâm có sự trao đổi thông tin thường xuyên thông qua các cuộc họp Ban TGD và họp giao ban toàn hệ thống.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

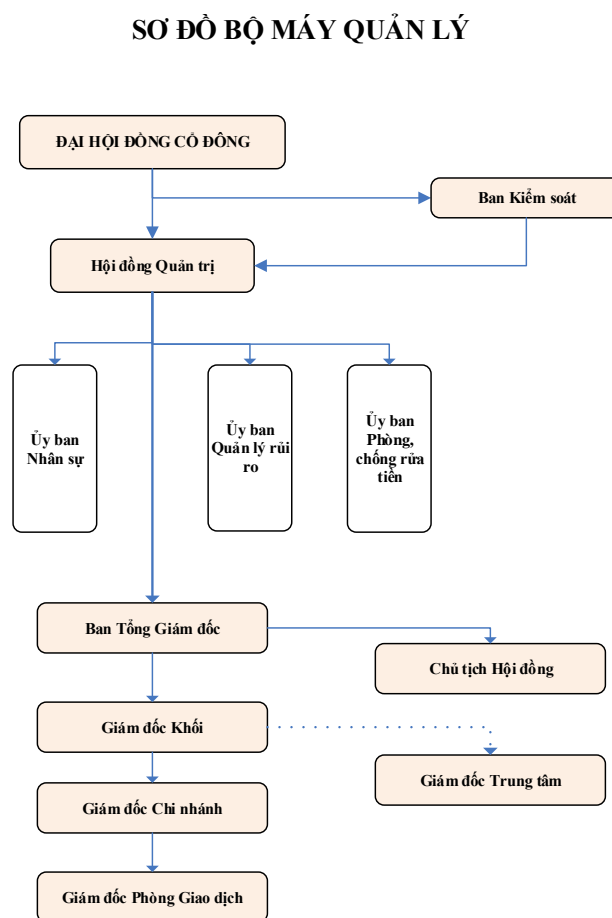
Hình 1: Cơ cấu tổ chức của LienVietPostBank

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của LienVietPostBank



▪ Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.

ĐHĐCĐ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
- Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;
 - Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
 - Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - Quyết định thành lập Công ty con;
 - Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc; cổ đông lớn; người có liên quan của Người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của Ngân hàng; Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng;
 - Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
 - Chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
 - Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của Pháp luật có liên quan.
- **Hội Đồng Quản Trị**

HĐQT là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT:

- Chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại khoản 2 Điều 30 Điều lệ Ngân hàng.
- Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT.
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm p khoản 2 Điều 59 của Luật các TCTD.
- Quyết định các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Luật các TCTD và quy định nội bộ của Ngân hàng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ quy định tại Điều 30 Điều lệ Ngân hàng.
- Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật các TCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của ĐHĐCĐ. Bao gồm nhưng không giới hạn các văn bản sau:
 - ✓ Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT;
 - ✓ Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng;
 - ✓ Quy chế, quy định về tổ chức và hoạt động của các Đơn vị trực thuộc Ngân hàng;
 - ✓ Các Quy chế, quy định về phân cấp, ủy quyền, giới hạn để Tổng Giám đốc điều hành trong các hoạt động huy động vốn, cấp tín dụng, đầu tư, mua sắm tài sản và các vấn đề khác của Ngân hàng.
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
- Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.

- Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
- Quyết định phương án phát hành trái phiếu trừ trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi trừ trường hợp giá chào bán đã được ấn định trong Phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng.
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
- Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền.
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng.
- Quyết định kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Ngân hàng, trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Phân cấp phán quyết đối với các đơn vị, cá nhân thuộc Ngân hàng, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, TGD theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với hoạt động nội bộ, quản lý rủi ro và mức đủ vốn theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do ĐHĐCĐ phân công, giao theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Quyết định mọi vấn đề khác của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.

▪ Ban Kiểm Soát

BKS là cơ quan đại diện cho cổ đông, có trách nhiệm như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Ban hành quy định nội bộ của BKS; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Khối Kiểm toán Nội bộ;
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
- Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện Người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có;
- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của Ngân hàng;
- Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;

- Thực hiện giám sát đối với kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;
- Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán BCTC của Ngân hàng;
- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các văn bản khác của Ngân hàng.

▪ **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và 14 Phó Tổng Giám đốc quản lý điều hành các Khối/Trung tâm nghiệp vụ và các khu vực của Ngân hàng. Kế toán trưởng thực hiện quản lý về mặt tài chính - kế toán trong toàn hệ thống LienVietPostBank. Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây.

- Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, chịu trách nhiệm cao nhất trước HĐQT và Pháp luật trong việc điều hành hoạt động của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, các quy định nội bộ khác của Ngân hàng và quy định của pháp luật có liên quan.
- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng.
- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
- Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
- Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT.
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền.
- Đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

- Ký kết hợp đồng nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ của Ngân hàng và quy định nội bộ của Ngân hàng.
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
- Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
- Ủy quyền bằng văn bản với tư cách Người đại diện theo Pháp luật của Ngân hàng cho các Phó Tổng giám đốc hoặc cá nhân khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Người đại diện theo pháp luật.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá đối với hoạt động nội bộ, quản lý rủi ro và mức đủ vốn theo quy định của pháp luật.
- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng và quy định của Pháp luật có liên quan.
- **Các Ủy Ban:** Tham mưu và giúp việc cho HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
- **Các Hội Đồng:** Tham mưu và giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các vấn đề do từng Hội đồng phụ trách.
- **Khối Công nghệ Thông tin:**
 - Tham mưu, nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển CNTT; quản lý và vận hành hệ thống CNTT của Ngân hàng phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ trong toàn hệ thống Ngân hàng.
- **Khối Giám sát Kinh doanh và Xử lý Nợ:**

Tham mưu, giúp việc cho cấp có thẩm quyền về các vấn đề:

 - Quản trị nợ và xử lý các khoản nợ cần xử lý trên toàn hệ thống
 - Kiểm soát, phê duyệt giải ngân, giám sát tín dụng, giám sát phi tín dụng
 - Thúc đẩy triển khai các chỉ đạo điều hành kinh doanh, phát triển dịch vụ tại ĐVKD thông qua các Trung tâm Giám sát Kinh doanh.
- **Khối Khách hàng Chiến lược:**
 - Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, các Ủy ban và TGD/Hội đồng trong việc xây dựng, duy trì và phát triển các mối quan hệ với các đối tượng là cơ quan quản lý Nhà nước, các khách hàng chiến lược. Xây dựng kế hoạch chiến lược và triển khai công tác kinh doanh đối với các khách hàng chiến lược trên toàn hệ thống.
- **Khối Kiểm toán Nội bộ**
 - Kiểm tra, đánh giá và xác nhận mức độ đầy đủ, tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - Tư vấn các giải pháp biện pháp khắc phục sai sót, tham gia vào quá trình xây dựng, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

- **Khối Nguồn vốn:**
 - Chịu trách nhiệm quản lý tập trung nguồn vốn và ngoại tệ trên toàn hệ thống.
 - Triển khai kinh doanh trên thị trường vốn, thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối.
- **Khối Ngân hàng Bru điện:**
 - Tổ chức, triển khai các hoạt động hợp tác với VNPOST
 - Thiết kế, xây dựng và triển khai các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng trên kênh PGDBĐ
 - Phát triển mạng lưới, quản lý công tác xây dựng cơ bản hệ thống PGDBĐ.
- **Khối Ngân hàng Số:**
 - Nghiên cứu, phát triển sản phẩm Thẻ và Ngân hàng Số.
 - Xây dựng chiến lược, kế hoạch và triển khai kinh doanh các sản phẩm Thẻ, Ngân hàng Số trên toàn hệ thống.
- **Khối Pháp chế và Quản lý rủi ro**
 - Tham mưu giúp việc cho cấp có thẩm quyền và tư vấn cho các đơn vị trong công tác áp dụng và thực thi pháp luật trong toàn hệ thống.
 - Nghiên cứu, xây dựng và vận hành hệ thống quản lý rủi ro.
 - Nghiên cứu, xây dựng và vận hành hệ thống giám sát tuân thủ về phòng, chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố và triển khai tuân thủ FATCA.
- **Khối Quản lý Nguồn Nhân lực**
 - Quản trị và phát triển nhân sự.
 - Nghiên cứu, xây dựng chính sách, vận hành chỉ tiêu hiệu quả làm việc cá nhân và lương kinh doanh.
 - Xây dựng chiến lược, chính sách và vận hành công tác đào tạo
- **Khối Sản phẩm:**
 - Nghiên cứu, thiết kế, xây dựng các cơ chế, chính sách quy trình liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên hệ thống Ngân hàng.
 - Thực hiện các hoạt động liên quan đến công tác triển khai, thúc đẩy kinh doanh các sản phẩm dịch vụ do Khối Sản phẩm xây dựng hoặc đối tác bên ngoài phối hợp xây dựng.
 - Quản lý công tác chất lượng, dịch vụ của lực lượng bán hàng và tại quầy.
- **Khối Thanh toán**
 - Tham mưu giúp việc cho cấp có thẩm quyền trong việc quản lý điều hành các hoạt động thanh toán trong nước và nước ngoài tại Ngân hàng.
 - Nghiên cứu, phát triển và triển khai các sản phẩm, dịch vụ thanh toán trong Ngân hàng.

▪ Khối Thẩm định

- Tham mưu, tư vấn, giúp việc cho cấp có thẩm quyền trong việc quản lý, điều hành hoạt động thẩm định tín dụng, tái thẩm định các khoản cấp tín dụng thuộc phạm vi của Khối Thẩm định; Thẩm định, đánh giá các định chế tài chính trong nước và nước ngoài; Thẩm định giá tài sản bảo đảm và các tài sản khác.

▪ Khối Tài chính:

- Tham mưu, giúp việc cho cấp có thẩm quyền, tư vấn cho các đơn vị trong hệ thống trong công tác hoạch định và triển khai các kế hoạch tài chính, ngân sách; quản lý, điều hành, thực hiện nghiệp vụ về tài chính – kế toán trong hệ thống.
- Đầu mối công tác báo cáo, thống kê của toàn Ngân hàng theo quy định của NHNN và các Cơ quan quản lý.
- Tham mưu/giúp việc cho Ban Lãnh đạo và đầu mối vận hành trong công tác quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO), quản lý tỷ lệ an toàn vốn (CAR), đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP) và các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động của Ngân hàng theo quy định của NHNN và theo Thông lệ quốc tế tại các Hiệp ước Basel II và Basel III.

▪ Khối Văn phòng

- Quản trị hành chính văn phòng, văn thư lưu trữ, bảo vệ, tạp vụ; quản lý/phát triển mạng lưới hệ thống, quản lý công tác xây dựng cơ bản;
- Thực hiện công tác trợ lý/thư ký; truyền thông, thương hiệu, tổ chức sự kiện.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và đánh giá kết quả kinh doanh toàn Ngân hàng
- Quản lý phần vốn góp của Ngân hàng tại các tổ chức, doanh nghiệp khác.
- Giúp việc cho ban thường vụ, ban chấp hành Đảng bộ, phối hợp hỗ trợ tổ chức đoàn thể hoạt động theo quy chế.

▪ Trung tâm Thanh lý tài sản

- Đánh giá thực trạng tài sản về mặt kỹ thuật
- Tài sản thanh lý là những tài sản kém, mất phẩm chất; tài sản hư hỏng không có khả năng phục hồi; tài sản lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả và không thể nhượng bán nguyên trạng; tài sản vượt quá thời gian sử dụng mà không thể tiếp tục sử dụng
- Thẩm định hoặc thuê thẩm định tài sản
- Quyết định thanh lý (theo ủy quyền) hoặc đề xuất thanh lý (bao gồm cả mức giá khởi điểm/ giá trị thanh lý).
- Quyết định (theo ủy quyền) hoặc đề xuất các thức tiến hành thanh lý.

▪ Trung tâm Kinh doanh Bảo hiểm

- Tham mưu, đề xuất định hướng chiến lược phát triển dịch vụ bảo hiểm tại Ngân hàng.

- Đầu mối tìm kiếm, đàm phán với các công ty bảo hiểm tiềm năng về các sản phẩm, hoa hồng, các loại phí...Đề xuất công ty bảo hiểm xây dựng/chỉnh sửa các sản phẩm phù hợp với thực tế triển khai trên toàn hệ thống Ngân hàng.
 - Nghiên cứu, xây dựng các chính sách và triển khai thúc đẩy các sản phẩm kinh doanh về bảo hiểm trên toàn hệ thống.
- **Văn phòng Giám đốc lưu động:**
- Phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai mô hình Giám đốc lưu động nhằm tăng cường phát triển kinh doanh, kiểm soát rủi ro tại các ĐVKD trong hệ thống.
- **Văn phòng Đại diện Ngân hàng Bưu điện Liên Việt các khu vực:**
- Là đầu mối tạo dựng và duy trì các mối quan hệ giữa Ngân hàng với Chi nhánh NHNN, các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành nghề tại tỉnh/thành phố. Đồng thời hỗ trợ các ĐVKD trong khu vực, tạo điều kiện để các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ.
- **Chi nhánh:**
- Thực hiện kinh doanh trực tiếp.
 - Quảng bá Thương hiệu của Ngân hàng, đầu mối đại diện cho Ngân hàng trong việc xây dựng và phát triển các mối quan hệ giữa Ngân hàng với các đơn vị liên quan, các đối tác, tổ chức kinh tế xã hội và cơ quan quản lý nhà nước tại địa bàn
 - Quản lý, giám sát hoạt động của các Phòng Giao dịch và Phòng Giao dịch nâng cấp từ PGDBĐ trực thuộc chi nhánh.
- 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông**

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tại ngày 28/03/2022

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost)	Số 05 đường Phạm Hùng - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội - Việt Nam	0102595740	122.175.343	9,86%

Nguồn: Danh sách cổ đông của LienVietPostBank chốt tại ngày 28/03/2022 do VSD cấp

4.2. Danh Sách Cổ Đông Sáng Lập

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 120, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 quy định trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người không phải cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHCĐ. Đến thời điểm hiện nay, các quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3. Cơ Cấu Cổ Đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại ngày 28/03/2022

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	61.155	1.184.690.341	95,65
1	Cổ đông tổ chức	100	207.438.922	16,75
2	Cổ đông cá nhân	61.055	977.251.419	78,90
II	Cổ đông nước ngoài	203	53.895.982	4,35
1	Cổ đông tổ chức	39	51.951.503	4,19
2	Cổ đông cá nhân	164	1.944.479	0,16
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	61.358	1.238.586.323	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của LienVietPostBank chốt tại ngày 28/03/2022 do VSD cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- 5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có**
- 5.2. Thông tin về công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có**
- 5.3. Thông tin về những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Không có**
- 5.4. Thông tin về những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có**

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

6.1.1. Chủng loại và chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Với định hướng trở thành Ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, LienVietPostBank đã chủ động tập trung nghiên cứu, triển khai các sản phẩm, dịch vụ có tính chất đặc thù, riêng biệt, tạo điểm nhấn cho hoạt động của Ngân hàng trong bối cảnh thị trường nhiều cạnh tranh, với các sản phẩm/dịch vụ nổi bật sau:

a) Sản phẩm tín dụng

Sản phẩm cho vay cán bộ hưu trí:

Hướng tới khách hàng là các cán bộ hưu trí, LienVietPostBank đã xây dựng và triển khai một sản phẩm tín dụng đặc thù, khác biệt, duy nhất trên thị trường với rủi ro thấp, hiệu quả cao: cho vay hưu trí với xuất phát điểm từ việc LienVietPostBank phối hợp cùng với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam chi trả bảo hiểm xã hội cho các cán bộ hưu trí thông qua hệ thống PGDBĐ. Tập dụng ưu thế mạng lưới các PGDBĐ trải rộng khắp toàn quốc, LienVietPostBank đã triển khai sản phẩm cho vay đối với cán bộ hưu trí tại khắp 63 tỉnh, thành trên cả nước. Trong năm 2017, sản phẩm này đã nhận được sự tin dùng từ các cán bộ hưu trí với tổng dư nợ đạt hơn 7.500 tỷ VND, đến hết 31/12/2018 tổng dư nợ đạt 9.556 tỷ VND, đến hết 31/12/2019 tổng dư nợ đạt hơn 9.890 tỷ VND, đến hết 31/12/2020, tổng dư nợ đạt 11.646 tỷ VND và đến hết 31/12/2021, tổng dư nợ đạt 11.499 tỷ VND.

Sản phẩm cho vay phát triển nông nghiệp:

Trên cơ sở phát triển nông nghiệp vẫn là định hướng chung của toàn xã hội, và với lợi thế là một ngân hàng có mạng lưới rộng khắp cả nước, LienVietPostBank là một trong những ngân hàng đi đầu trong lĩnh vực cho vay nông nghiệp nông thôn với sản phẩm Cho vay phát triển nông nghiệp dành riêng cho nhóm đối tượng khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp cư trú trên địa bàn nông thôn hoặc có hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp với mức cho vay lên đến 80% tổng nhu cầu vốn, thời hạn vay linh hoạt theo chu kỳ sản xuất kinh doanh và thời gian thu hồi vốn của khách hàng, đáp ứng đa dạng nhu cầu, khả năng và đối tượng khách hàng trên các địa bàn và ngành nghề sản xuất khác nhau. Đây là một trong những sản phẩm mũi nhọn đã và đang triển khai rất tốt của LienVietPostBank trong năm 2021 và các năm vừa qua với các ngành nghề đa dạng như trồng trọt, chăn nuôi, làng nghề, sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ lẻ. LienVietPostBank duy trì thường xuyên chính sách ưu đãi lãi suất cho vay đối với các khách hàng vay vốn trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Năm 2021, sản phẩm tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2020 (mức tăng trưởng dư nợ sản phẩm đạt 58,3%).

Sản phẩm cho vay khách hàng cá nhân thông qua tổ liên kết:

Sản phẩm tập trung vào đối tượng khách hàng trong độ tuổi lao động. Sản phẩm được triển khai đồng bộ từ Hội sở Ngân hàng Bưu điện Liên Việt đến các ĐVKD thông qua việc hợp tác với Hội nông dân, Hội phụ nữ các cấp, phục vụ mục đích tiêu dùng và kinh doanh, dành cho khách hàng khu vực nông thôn.

Nhóm sản phẩm cho vay mua nhà đất:

Đây là nhóm sản phẩm có tốc độ tăng trưởng tốt qua các năm vừa qua và còn tiềm năng phát triển ổn định trong các năm tiếp theo với nhu cầu về nhà ở lớn, và thu nhập bình quân đầu người

của Việt Nam vẫn đang tiếp tục được cải thiện. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng của sản phẩm đạt 36,6% so với năm 2020.

Sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp:

Đối với mảng khách hàng doanh nghiệp (KHDN), LienVietPostBank triển khai đa dạng các dịch vụ đối với phân khúc KHDN bao gồm các dịch vụ tài khoản, các dịch vụ thu hộ, chi hộ, dịch vụ tiền gửi, tiền vay, phát hành bảo lãnh và các dịch vụ thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ. Các đối tượng KHDN mà LienVietPostBank hướng tới: các KHDN hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất. Tại thời điểm 31/12/2021, tổng dư nợ cho vay KHDN của Ngân hàng đạt 111.807 tỷ VND, chiếm 53,52% tổng dư nợ cho vay toàn hàng. Hiện tại LienVietPostBank đã có một số sản phẩm dành cho KHDN có hoạt động xuất nhập khẩu mang tính cạnh tranh trên thị trường như cho vay theo L/C xuất, cho vay theo hợp đồng xuất, cho vay khách hàng ngắn hạn có hàng hóa hình thành trong tương lai và hàng hóa thế chấp tại kho của Công ty CP Liên Việt Logistic.

b) Ngân hàng số LienViet24h

Tháng 10/2020, LienVietPostBank chính thức ra mắt siêu ứng dụng ngân hàng số LienViet24h, được nghiên cứu và phát triển trên nền tảng ngân hàng hợp kênh, tích hợp 3 trong 1 Ví Việt, Ngân hàng số và Thẻ, nhằm đem lại những trải nghiệm ngân hàng số mới mẻ, hữu ích với nền tảng công nghệ tiên tiến (như hệ thống bảo mật tuyệt đối – chứng chỉ được cấp bởi GlobalSign; xác thực tài khoản qua nhiều yếu tố như mật khẩu, qua SMS, sinh trắc học; định danh tài khoản điện tử với giải pháp eKYC...) và nhiều tiện ích vượt trội:

- Tính năng xác thực tài khoản bằng hình thức eKYC, giúp khách hàng dễ dàng đăng ký, sử dụng các dịch vụ ngân hàng mọi lúc mọi nơi mà không cần đến ngân hàng. Chỉ với thiết bị di động có kết nối Internet, khách hàng, dù không có tài khoản ngân hàng, cũng có thể dễ dàng tận hưởng các dịch vụ ngân hàng và dịch vụ thanh toán một cách trọn vẹn nhất ngay tại không gian ưa thích của mình 24/7 với LienViet24h của LienVietPostBank.
- LienViet24h liên kết tất cả các tài khoản và thẻ mà khách hàng đang có, giúp người dùng dễ dàng sử dụng, quản lý các nguồn tiền để thực hiện giao dịch và đồng nhất trải nghiệm trên tất cả các kênh giao dịch.
- LienViet24h có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, hỗ trợ cá nhân hóa trải nghiệm người dùng: vừa cho phép người dùng tự thiết kế giao diện hiển thị vừa có tính năng gợi ý các tiện ích, dịch vụ ưa thích tùy theo nhu cầu, sở thích, thói quen người dùng... mang lại sự thuận tiện tối đa và trải nghiệm thú vị cho khách hàng.
- LienViet24h hướng tới phát triển một hệ sinh thái tài chính số toàn diện, với bước đầu tiên là phát triển hệ sinh thái thanh toán không dùng tiền mặt. LienVietPostBank đã kết nối với hơn 200 đối tác cung cấp sản phẩm, dịch vụ nhằm đáp ứng hầu hết nhu cầu thanh toán cơ bản của người dân Việt Nam, trên cả các kênh trực tuyến (như thanh toán điện, nước, internet, viễn thông, truyền hình, trả học phí, phí bảo hiểm, trả phí dịch vụ chung cư, thanh toán khoản vay tiêu dùng, thanh toán dịch vụ công v.v...) và cả tại các điểm chấp nhận thanh toán offline

(thanh toán nhanh chóng, dễ dàng bằng cách quét mã QR) với mạng lưới hơn 51.000 điểm chấp nhận thanh toán tại 63 tỉnh, thành phố trên cả nước của chính LienVietPostBank và hệ thống điểm chấp nhận thanh toán rộng rãi của các đối tác lớn khác như VNPay, Payoo, SmartPay. Bên cạnh đó, LienViet24h còn cung cấp các sản phẩm hướng tới phát triển tài chính vi mô như: gửi tiết kiệm online (với số tiền nhỏ nhất chỉ 100.000 VND/lần gửi), cho vay cầm cố sổ tiết kiệm online, cho vay từ hạn mức thẻ tín dụng, mua bảo hiểm trực tuyến.

Một số kết quả đạt được tại thời điểm 31/12/2021:

- *Tổng số khách hàng sử dụng Ví Việt:* Trên 3 triệu khách hàng (trong đó hơn 720.000 khách hàng đã sử dụng ứng dụng LienViet24h từ 15/10/2020 đến hết 31/12/2021).
- *Tổng số điểm chấp nhận thanh toán Ví Việt/LienViet24h:* 51.000 merchant.
- *Tổng số lượng giao dịch phát sinh trên ứng dụng Ví Việt/LienViet24h trong năm 2021:* 15,5 triệu lượt.
- *Tổng giá trị giao dịch:* 195.500 tỷ VND.
- *Tổng số dư huy động cuối kỳ Ví Việt/LienViet24h thời điểm 31/12/2021:* Trên 6.000 tỷ VND tiền gửi có kỳ hạn và trên 400 tỷ VND tiền gửi không kỳ hạn.

c) Sản phẩm khác

Với chủ trương đẩy mạnh các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao và gia tăng tỷ trọng phí dịch vụ trong cơ cấu thu nhập của Ngân hàng, danh mục sản phẩm dịch vụ của LienVietPostBank được phát triển ngày càng đa dạng và phong phú:

LienVietPostBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai các sản phẩm dịch vụ mang lại giá trị gia tăng cao cho khách hàng nhằm cải thiện bảng cân đối tài sản theo hướng giảm dần tỉ trọng từ thu lãi tín dụng và tăng tỉ trọng thu từ dịch vụ, tăng tỷ trọng khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ. Danh mục các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng đa dạng từ các hình thức thu hộ, chi hộ, đến các sản phẩm quản lý dòng tiền cho các Khách hàng là các Tổng Công ty, Tập đoàn lớn. Đối tác của LienVietPostBank ngày càng được mở rộng và bao quát các nhu cầu của Khách hàng như: bảo hiểm, học phí, tiền điện, tiền nước, viễn thông, các công ty tài chính cho đến các dịch vụ quản lý dòng tiền, dịch vụ thu chi hộ tiền mặt tại địa điểm chỉ định cho các Tập đoàn lớn. Cụ thể LienVietPostBank đã phát triển các dịch vụ thu hộ cho 5 Tổng công ty điện lực, 26 đối tác thu hộ tiền nước, 8 đối tác là các trường Đại học, 3 đối tác là các công ty viễn thông. Bên cạnh đó, LienVietPostBank còn hợp tác với các Tổng Công ty, Tập đoàn lớn như Viettel, Mobifone, Mai Linh, các tổng công ty điện lực. Các đối tác này đều được LienVietPostBank phát triển các sản phẩm quản lý dòng tiền đặc biệt theo nhu cầu của Khách hàng nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

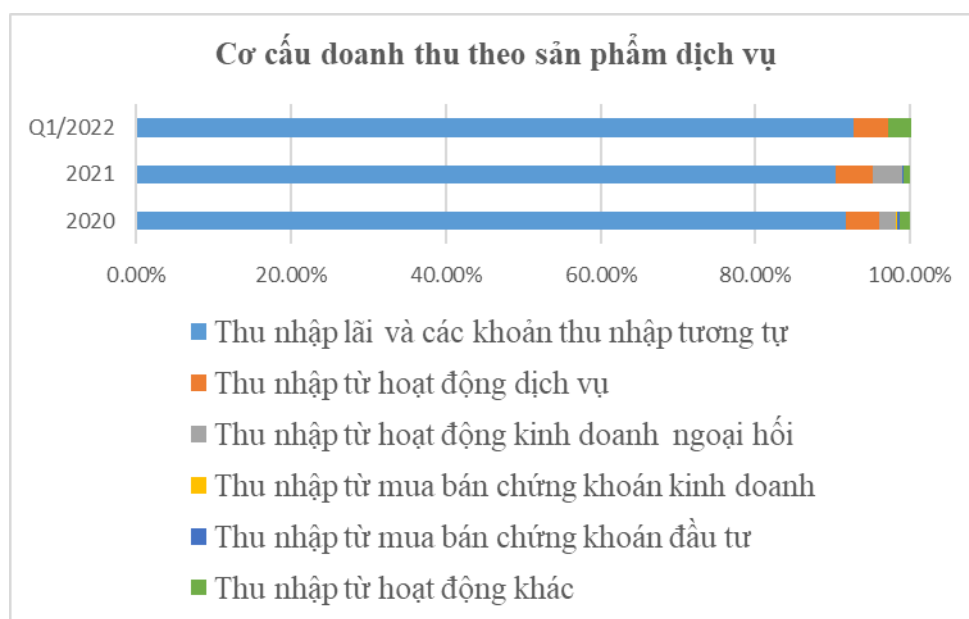
Ngoài ra, LienVietPostBank tiếp tục duy trì các chính sách ủy thác thanh toán lương, thu hộ học phí để đẩy mạnh huy động vốn thông qua hoạt động cung cấp dịch vụ ngân hàng tới các tổ chức, doanh nghiệp. Với các ưu đãi của chương trình thu hộ học phí, LienVietPostBank đã bước đầu tiếp cận và thu hút được các đối tượng là các trường Đại học lớn trên toàn quốc như Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Công Nghiệp Hà Nội, Đại học Luật Hà Nội, Học Viện Tài Chính, Học Viện Phụ Nữ Việt Nam, Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kiên Giang và Đại học Nha Trang. Với lợi thế về mạng lưới rộng khắp trên cả nước, LienVietPostBank sẽ có

khả năng thu hút các trường Đại học/Cao đẳng/Trung cấp và các trung tâm đào tạo khác trên cả nước sử dụng dịch vụ nhằm đẩy mạnh việc thanh toán học phí qua LienVietPostBank, giảm thiểu tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt và gia tăng tỷ lệ thu phí dịch vụ tại LienVietPostBank. Bên cạnh đó, chương trình ủy thác thanh toán lương đã góp phần thúc đẩy gia tăng mạnh mẽ số lượng Khách hàng mới sử dụng các dịch vụ tại LienVietPostBank.

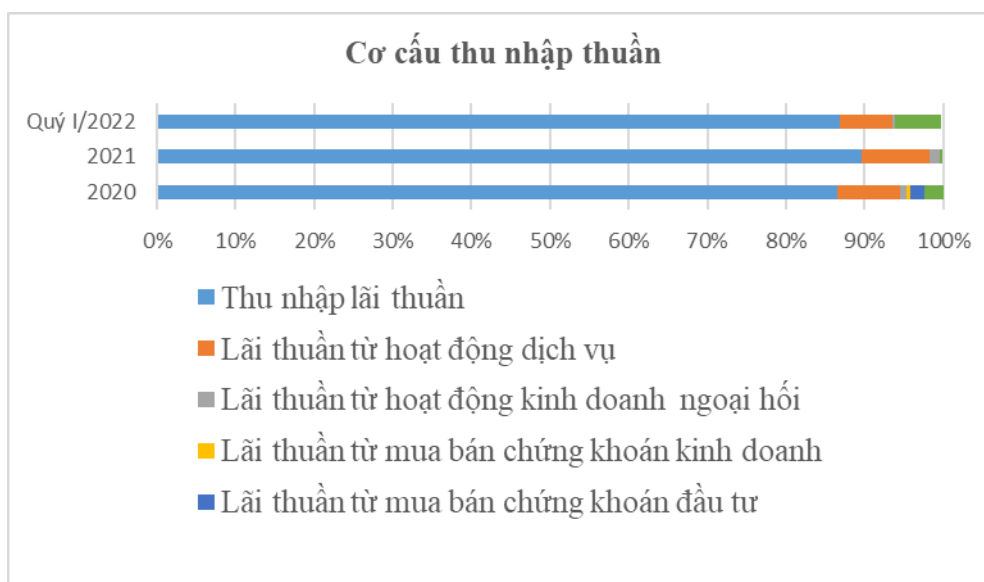
Đặc biệt, năm 2021, LienVietPostBank đã phối hợp với KBNN kết nối thành công chương trình thanh toán song phương điện tử, qua đó đa dạng hoá các loại thuế, phí trong hoạt động thu Ngân sách Nhà nước được thực hiện qua LienVietPostBank. Đồng thời lệnh thanh toán thuế, phí của Khách hàng được hạch toán trực tiếp vào tài khoản KBNN mở tại LienVietPostBank, và dữ liệu được truyền trực tiếp sang KBNN giúp công tác đối soát số liệu được nhanh chóng, góp phần đẩy mạnh doanh số thu phí dịch vụ tại LienVietPostBank.

Trong năm 2021, LienVietPostBank tiếp tục chú trọng công tác tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác lớn nhằm cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ đồng thời cũng ban hành các chương trình thi đua thúc đẩy công tác bán hàng tại các Chi nhánh/Phòng giao dịch trên toàn quốc.

Hình 3: Cơ cấu thu nhập của LienVietPostBank giai đoạn 2020 -2021 và quý I/2022 theo sản phẩm dịch vụ



Hình 4: Cơ cấu thu nhập thuần của LienVietPostBank giai đoạn 2020 – 2021 và Quý I/2022 theo sản phẩm dịch vụ



Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

6.1.2. Hoạt động huy động vốn

Ngân hàng đang tập trung khai thác thị trường nội địa, nguồn vốn huy động hiện tại của LienVietPostBank phần lớn từ thị trường trong nước.

Tổng quan Nguồn vốn huy động

Hoạt động huy động vốn là một trong những hoạt động chủ đạo trong quá trình vận hành kinh doanh của LienVietPostBank. Với lợi thế về mạng lưới rộng lớn cùng với sự tin tưởng từ Khách hàng, việc huy động vốn thông qua các kênh huy động, đặc biệt là qua kênh PGDBĐ đã đạt được những thành tựu nhất định. Nguồn vốn huy động của LienVietPostBank bao gồm:

- o Tiền gửi và vay NHNN
- o Tiền gửi và vay các TCTD khác
- o Tiền gửi của Khách hàng
- o Phát hành giấy tờ có giá
- o Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro

Bảng 4: Cơ cấu và tỷ trọng nguồn vốn huy động

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		% tăng/ giảm	31/03/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	224	0,10	1.703	0,64	660,27	154	0,06
Tiền gửi và vay các TCTD khác	14.745	6,65	46.281	17,46	213,88	42.435	16,39
Tiền gửi của khách hàng	174.526	78,71	180.276	68,03	3,29	177.460	68,53

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		% tăng/ giảm	31/03/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Phát hành Giấy tờ có giá	32.251	14,54	36.738	13,86	13,91	38.888	15,02
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	0	0,00	0	0,00	0,00	0	0,00
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0,00	0	0,00	0,00	0	0,00
Tổng cộng	221.746	100	264.998	100	19,51	258.937	100

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Tổng số dư huy động vốn cuối năm 2021 của LienVietPostBank đạt 264.998 tỷ VND, tăng 19,5% so với cuối năm 2020, tập trung chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ Thị trường 1 (Tiền gửi của Khách hàng và Phát hành Giấy tờ có giá), chiếm trung bình 82% tổng nguồn vốn huy động. Loại tiền được sử dụng chủ yếu là Đồng Việt Nam (chiếm 91% - 92% tổng nguồn vốn huy động). Kết quả này là nỗ lực của cả hệ thống Ngân hàng trong tình hình dịch Covid tiếp tục ảnh hưởng phức tạp đến hoạt động sản xuất của toàn nền kinh tế.

Kết thúc Quý I năm 2022, tổng huy động toàn Ngân hàng đạt 258.937 tỷ VND đạt 97,7% so với cuối năm 2021.


Huy động từ Phát hành Giấy tờ có giá

Đối với hoạt động phát hành Giấy tờ có giá, trong năm 2021, LienVietPostBank đã phát hành thành công 22.549 tỷ VND Trái phiếu và Chứng chỉ tiền gửi Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, nâng tổng số dư Giấy tờ có giá phát hành tại thời điểm 31/12/2021 lên gần 36.738 tỷ VND. Trong đó, có một số đặc điểm nổi bật như sau:

- ❖ Các giao dịch phát hành riêng lẻ kỳ hạn 02-04 năm có giá trị 20.740 tỷ VND cho các nhà đầu tư là các tổ chức tài chính lớn, khẳng định uy tín và vị thế của Ngân hàng trên cả thị trường tài chính quốc tế và thị trường tài chính trong nước. Việc phát hành trái phiếu với chi phí rẻ hơn và kỳ hạn dài hơn so với huy động tiền gửi thông thường đã góp phần giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, đồng thời góp phần tăng quy mô vốn hoạt động của LienVietPostBank và cải thiện cơ cấu huy động vốn của Ngân hàng theo hướng đa dạng hóa về kỳ hạn và đối tượng khách hàng, từ đó nâng cao chất lượng các hệ số bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN.
- ❖ Tiếp nối những thành công trong năm 2020, LienVietPostBank tiếp tục là một trong những ngân hàng TMCP huy động vốn cấp 2 có uy tín trên thị trường thông qua hình thức phát hành trái phiếu ra công chúng trong năm 2021. Kết thúc 31/12/2021, Ngân hàng đã phát hành thành công 1.809 tỷ VND trái phiếu tăng vốn cấp 2 với kỳ hạn 07 năm và 10 năm và

1.695 tỷ VND kết thúc 28/02/2022. Thành công này không chỉ làm tăng quy mô vốn tự có, cải thiện hệ số an toàn vốn (CAR) mà còn giúp LienVietPostBank đa dạng hóa các sản phẩm huy động vốn để nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng và là thước đo uy tín, vị thế, thương hiệu của Ngân hàng trên thị trường.

Tính đến hết Quý I năm 2022, huy động từ phát hành giấy tờ có giá tăng nhẹ 5,85% lên mức 38.888 tỷ VND so với cuối năm 2021. Với những thành tựu đã đạt được, có thể nói năm 2021 là một năm thành công đối với hoạt động phát hành Giấy tờ có giá của LienVietPostBank, tạo đà cho sự tăng trưởng của hoạt động này trong năm 2022.

 **Huy động từ tiền gửi của khách hàng**

Tiền gửi của Khách hàng luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn huy động, chiếm trung bình 73% tổng nguồn vốn huy động của LienVietPostBank trong giai đoạn 2020-2021. Huy động từ tiền gửi khách hàng tăng trưởng liên tục, ổn định đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động đầu tư. Ngoài kênh huy động trực tiếp tại quầy, huy động kênh online năm 2021 cũng tăng trưởng tốt, đạt mức 49% so với năm 2020.

Bảng 5: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng

STT	Khoản mục	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
	Tổng tiền gửi của khách hàng (tỷ Đồng)	174.526	180.276	177.460
1	Phân theo khách hàng (%)			
-	Cá nhân	60,89	63,84	65,53
-	Tổ chức	39,11	36,16	34,47
2	Phân theo kỳ hạn (%)			
-	Tiền gửi không kỳ hạn	14,49	9,90	7,51
-	Tiền gửi có kỳ hạn	85,36	89,95	92,33
-	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,00	0,01	0,07
-	Tiền gửi ký quỹ	0,15	0,14	0,09
3	Phân theo loại tiền (%)			
-	VND	97,54	97,78	97,72
-	Ngoại tệ	2,46	2,22	2,28

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Về cơ cấu, tiền gửi của Khách hàng cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi của Khách hàng (chiếm hơn 63% tại thời điểm 31/12/2021 và hơn 65% tại thời điểm 31/03/2022). Điều này thể hiện sự ổn định của cơ cấu nguồn vốn huy động, theo đúng định hướng phát triển bán lẻ của LienVietPostBank trong những năm qua.

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn của LienVietPostBank chiếm tỷ trọng lớn, trên 85% tổng huy động từ tiền gửi của Khách hàng, đảm bảo tính ổn định cho nguồn vốn của toàn hệ thống. Kết thúc 31/12/2021, tiền gửi không kỳ hạn (CASA) chiếm 9,9%, tiền gửi có kỳ hạn chiếm 89,95% tổng tiền gửi của Khách hàng. Tại thời điểm 31/03/2022, tiền gửi không kỳ hạn giảm còn 7,51% và tiền gửi có kỳ hạn tăng lên 92,33% tổng tiền gửi của Khách hàng.

Về loại hình tiền tệ, tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn hơn nhiều so với tiền gửi ngoại tệ (trên 97% tổng tiền gửi của Khách hàng). Tại 31/12/2021, tổng số dư tiền gửi nội tệ đạt 176.266 tỷ VND, tăng 6.041 tỷ VND so với năm 2020 và chiếm 97,78% tổng số dư tiền gửi của khách hàng. Kết thúc ngày 31/03/2022, tiền gửi nội tệ đạt 173.419 tỷ VND, giảm nhẹ 1,62% so với kết thúc năm 2021 trong khi tiền gửi ngoại tệ không thay đổi nhiều.

Bảng 6: Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% tăng/giảm	31/03/2022
VND	170.225	176.266	3,55	173.419
Ngoại tệ	4.301	4.010	-6,77	4.041
Tổng	174.526	180.276	3,29	177.460

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

6.1.3. Hoạt động tín dụng

a) Quy mô, cơ cấu và tăng trưởng tín dụng

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của LienVietPostBank đều tăng trưởng qua các năm, trong đó năm 2020 là 25,65% và năm 2021 là 18,08%. LienVietPostBank là một trong những ngân hàng thương mại có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao trong ngành.

Xét về kỳ hạn các khoản vay:

LienVietPostBank đang thực hiện chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng tích cực, dư nợ tín dụng trung dài hạn có xu hướng chiếm tỷ trọng giảm dần và dư nợ tín dụng ngắn hạn có xu hướng chiếm tỷ trọng tăng dần. Tại ngày 31/12/2021, dư nợ cho vay trung hạn của LienVietPostBank đạt khoảng 44,26% trong cơ cấu dư nợ cho vay Khách hàng. Dư nợ ngắn hạn tại ngày 31/12/2021 là 70.667 tỷ VND (tương đương 33,82%) tăng 25,74% so với thời điểm 31/12/2020 và đạt 77.088 tỷ VND tại ngày 31/03/2022. Dư nợ dài hạn giữ ở mức ổn định quanh ngưỡng khoảng 22% trong giai đoạn năm 2020 – 2021 và quý 1 năm 2022. Với định hướng cơ cấu dư nợ theo kỳ hạn như trên, LienVietPostBank đã đảm bảo khả năng thanh khoản và sự cân đối giữa nguồn vốn huy động với các hoạt động cho vay của mình.

Bảng 7: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		% tăng/giảm	31/03/2022	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Nợ ngắn hạn	56.200	31,82	70.667	33,82	25,74	77.088	37,11
2	Nợ trung hạn	81.581	46,19	92.483	44,26	13,36	84.826	40,83
3	Nợ dài hạn	38.841	21,99	45.804	21,92	17,93	45.835	22,06
	Tổng	176.622	100,00	208.954	100,00	18,31	207.749	100,00

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Xét về đối tượng khách hàng:

Về đối tượng khách hàng, tập trung phát triển nền Khách hàng bền vững, có chất lượng. Trong đó, phù hợp với định hướng bán lẻ, LienVietPostBank tập trung tăng trưởng tín dụng bán lẻ tại các khu vực nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó, tỷ trọng dư nợ tín dụng của các lĩnh vực không khuyến khích như bất động sản, đầu tư kinh doanh chứng khoán liên tục giảm và giữ tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu tổng dư nợ. Tỷ lệ dư nợ hoạt động cho vay kinh doanh bất động sản trên tổng dư nợ cho vay giảm từ 1,98% tại 31/12/2020 xuống 0,49% tại 31/12/2021.

Với mục tiêu phát triển bền vững, LienVietPostBank xác định tăng trưởng tín dụng phải gắn với nhiệm vụ huy động vốn đồng thời phát triển dịch vụ cũng như kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đảm bảo các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN.

b) Hoạt động bảo lãnh

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng của LienVietPostBank. Tại thời điểm 31/12/2021, số dư bảo lãnh của LienVietPostBank đạt 955 tỷ VND.

c) Chất lượng nợ cho vay

Về phân loại dư nợ tín dụng, LienVietPostBank chú trọng công tác kiểm soát chất lượng nợ cho vay. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và khả năng tăng trưởng bền vững của LienVietPostBank. Tính đến ngày 31/12/2021, tỷ lệ nợ xấu của LienVietPostBank vẫn được duy trì ở mức an toàn, bằng 1,37% tổng dư nợ cho vay khách hàng (thuộc nhóm các TCTD có tỷ lệ nợ xấu thấp trong hệ thống dù tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng ở mức 18,08%). Kết thúc ngày 31/03/2022, tỷ lệ nợ xấu tăng nhẹ 1,42% tổng dư nợ cho vay khách hàng. Đặt trong bối cảnh điều kiện kinh tế và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh Covid thì đây thực sự là một kết quả vượt bậc của nỗ lực kiểm soát chất lượng tín dụng của toàn hệ thống và công tác thu hồi nợ quá hạn và nợ xấu, hạn chế phát sinh các khoản nợ quá hạn và nợ xấu mới trong chiến lược phát triển của LienVietPostBank.

Bảng 8: Phân loại nợ cho vay khách hàng theo chất lượng

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		% tăng/ giảm	31/03/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	172.778	97,82	204.090	97,67	18,12	202.646	97,54
Nợ cần chú ý	1.316	0,75	2.001	0,96	52,05	2.149	1,03
Nợ dưới tiêu chuẩn	405	0,23	460	0,22	13,58	482	0,23
Nợ nghi ngờ	356	0,20	1.070	0,51	200,56	451	0,22
Nợ có khả năng mất vốn	1.766	1,00	1.333	0,64	-24,52	2.020	0,97
Tổng cộng	176.622	100,00	208.954	100,00	18,31	207.749	100,00
Nợ xấu	2.527	1,43	2.863	1,37	13,30	2.953	1,42

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được LienVietPostBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định hiện hành, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) của ngân hàng hiện nay đạt trên 100%, đảm bảo hiệu quả phòng ngừa cho rủi ro tiềm tàng. Việc theo dõi, thực hiện trích lập dự phòng rủi ro đã hỗ trợ hữu ích cho Ngân hàng trong quản lý, giảm thiểu nợ xấu và tăng cường hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Bảng 9: Số dư dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Đơn vị: tỷ Đồng

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2020	953	1.312	2.265
31/12/2021	1.616	1.555	3.171
31/03/2022	1.884	1.593	3.477

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN quy định về phân loại tài sản Có, mức trích lập phương pháp trích lập và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung của NHNN từng thời điểm trong năm 2021 và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng.

d) Tỷ lệ an toàn vốn

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của LienVietPostBank tại thời điểm 31/12/2021 là 11,26%, tăng lên 0,45% so với thời điểm 31/12/2020. Tỷ lệ này qua các năm đều đáp ứng các quy định hiện hành của NHNN.

Bảng 10: Tỷ lệ an toàn vốn

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% tăng/giảm	31/03/2022
Vốn tự có	17.553	22.157	26,23	25.304
Vốn cấp 1	14.197	16.802	18,35	18.223
Vốn cấp 2	3.802	5.803	52,63	7.529
Các khoản phải trừ khỏi vốn tự có	447	447	0	447
Tổng tài sản “Có” rủi ro	162.302	196.761	21,23	199.242
Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	10,81%	11,26%		12,70%

Nguồn: LienVietPostBank, tỷ lệ tính theo Thông tư số 41

Tính đến ngày 31/12/2020, LienVietPostBank đã hoàn thành trước hạn đạt tiêu chuẩn Basel II của NHNN. Hiện tại, LienVietPostBank đang triển khai thực hiện theo tiêu chuẩn Basel III.

6.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán

a) Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Bảng 11. Hoạt động kinh doanh ngoại hối

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% tăng/giảm	31/03/2022
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	409	864	111,25	252
Chi phí cho hoạt động kinh doanh ngoại hối	347	725	108,93	267
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	62	139	124,19	-15

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Mục đích chủ yếu của hoạt động kinh doanh ngoại hối là phục vụ nhu cầu của Khách hàng, kinh doanh chênh lệch tỷ giá và điều hòa trạng thái ngoại tệ của Ngân hàng. Thu nhập của hoạt động kinh doanh ngoại hối của LienVietPostBank đến chủ yếu từ các công cụ tài chính phái sinh

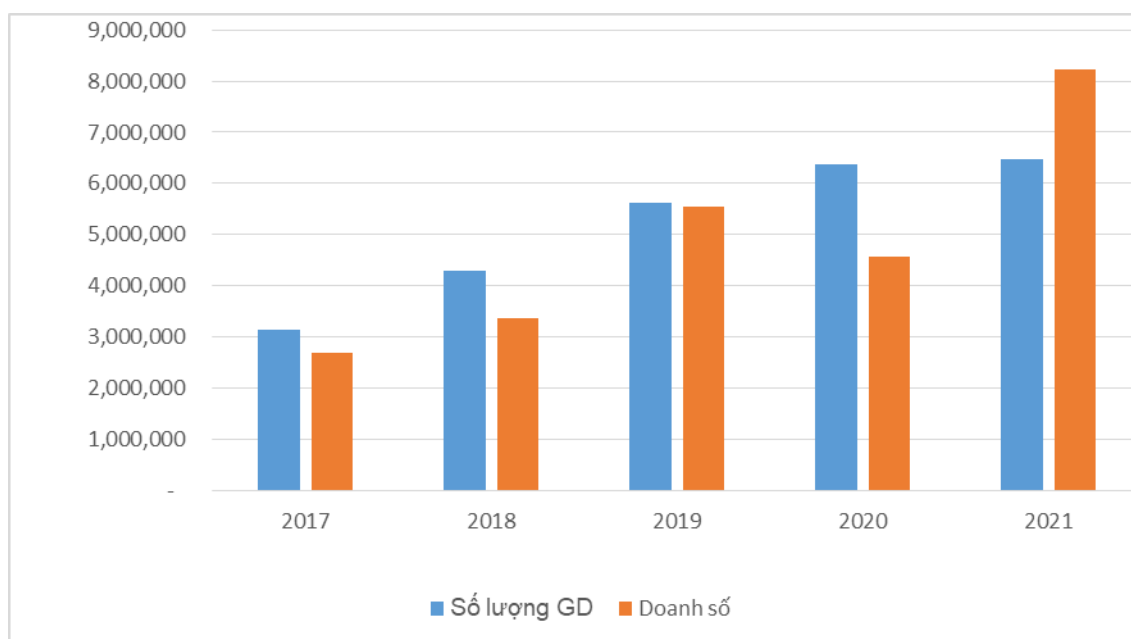
(chiếm hơn 80% doanh số) và ổn định qua các các năm. Kết thúc 31/12/2021, thu nhập từ kinh doanh ngoại hối của Ngân hàng đạt 864 tỷ VND với lãi thuần đạt 139 tỷ VND.

b) Hoạt động thanh toán trong nước

Kết thúc năm 2021 hoạt động thanh toán trong nước của LienVietPostBank vẫn đạt được kết quả khả quan trong bối cảnh tình hình dịch bệnh diễn biến rất phức tạp. Doanh số chuyển tiền và số lượng giao dịch vẫn tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2020. Số lượng giao dịch đạt 6.472.631 giao dịch; doanh số đạt 8.226.027,27 tỷ đồng, tăng trưởng ấn tượng 80% so với cùng kỳ năm 2020.

Biểu Đồ 1: Doanh số, số lượng giao dịch (GD) chuyển tiền đi trong nước

(Đơn vị: tỷ Đồng, giao dịch)



LienVietPostBank không ngừng nâng cao chất lượng xử lý giao dịch, 100% giao dịch được xử lý liên tục, an toàn, nhanh chóng, chính xác. Hệ thống thanh toán cũng được cải tiến, nâng cấp về công nghệ, đường truyền, kết nối đảm bảo xử lý trên 50.000 giao dịch/ngày. Việc nghiên cứu, xây dựng và triển khai quy trình phê duyệt giao dịch tự động đã rút ngắn thời gian xử lý chỉ còn 5 giây/1 giao dịch, đồng thời sự chính xác, bảo mật của giao dịch được kiểm soát nghiêm ngặt bởi hệ thống quét lọc và cảnh báo tự động. Toàn bộ khách hàng được rà soát, kiểm tra, khai báo tên trên hệ thống theo đúng quy định. Chất lượng dịch vụ tốt của Ngân hàng đã đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh toán của khách hàng và củng cố hơn nữa hình ảnh, thương hiệu của LienVietPostBank trên thị trường đầy cạnh tranh.

Bên cạnh đó, LienVietPostBank luôn chú trọng đẩy mạnh các sản phẩm, dịch vụ thanh toán tiên tiến, hiện đại, mang đến cho khách hàng nhiều trải nghiệm. Năm 2021, doanh số dịch vụ Chuyển tiền nhanh liên ngân hàng tại quầy đạt 24.378 tỷ VND, tăng 21%, số lượng giao dịch đạt gần 486.000 giao dịch và bằng số lượng giao dịch so với cùng kỳ năm 2020. Cuối tháng 03/2021, LienVietPostBank chính thức triển khai Dịch vụ chuyển tiền ưu tiên. Đây là dịch vụ chuyển tiền

với tốc độ nhanh, dành cho đối tượng khách hàng ưu tiên hoặc có nhu cầu sử dụng dịch vụ chuyển tiền ưu tiên tại LienVietPostBank. Tính đến hết 31/12/2021 đã có gần 10.500 giao dịch được thực hiện với doanh số xấp xỉ 25.500 tỷ VND. Các dịch vụ thanh toán trong nước của LienVietPostBank ngày càng trở nên hoàn thiện hơn trong mắt của người tiêu dùng, đã tạo ra sự khác biệt đối với các đối thủ cạnh tranh, góp phần hỗ trợ tích cực cho các dịch vụ khác phát triển.

Từ tháng 7/2021, nhằm chung tay và chia sẻ với người dân trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài, LienVietPostBank chính thức triển khai gói Combo Siêu ưu đãi dành cho Khách hàng cá nhân với các gói dịch vụ từ giảm cho đến miễn phí chuyển tiền đối với các khách hàng mới và khách hàng hiện hữu. Qua đó đã khuyến khích Khách hàng gia tăng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng, nâng cao mức độ hài lòng và sự gắn kết của Khách hàng với Ngân hàng, đồng thời tăng cường tính cạnh tranh và nhận diện thương hiệu của LienVietPostBank trên thị trường.

Nhiều năm qua LienVietPostBank vinh dự thực hiện chi trả Bảo hiểm xã hội (BHXH) qua tài khoản cho các đối tượng chính sách. LienVietPostBank luôn đáp ứng nhu cầu chuyển tiền của BHXH có số lượng lớn trong những ngày đầu tháng với chất lượng xử lý giao dịch tốt nhất. Từ việc xây dựng công cụ phân luồng giao dịch thanh toán tự động, LienVietPostBank đã thực hiện xử lý giao dịch trên các kênh thanh toán một cách linh hoạt, giảm thiểu rủi ro, sai sót và tiết kiệm tối đa chi phí đầu vào, gia tăng nguồn thu phí dịch vụ cho Ngân hàng. Từ tháng 10/2021, LienVietPostBank đã chung tay cùng các cơ quan BHXH trên cả nước thực hiện kịp thời việc chi trả hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh, giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động.

c) Hoạt động thanh toán quốc tế

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn và đầy thách thức với nền kinh tế toàn cầu do những ảnh hưởng nghiêm trọng và chưa có tiền lệ của dịch Covid-19, đặc biệt đối với tình hình buôn bán, giao thương, xuất nhập khẩu của các quốc gia. Trong bối cảnh đó, hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT) của LienVietPostBank vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tổng doanh số TTQT năm 2021 đạt 919,27 triệu USD.

Trong năm 2021, hệ thống thanh toán quốc tế được vận hành trơn tru với tỷ lệ rủi ro và phát sinh chi phí xử lý sai sót nghiệp vụ bằng 0. Đồng thời, đội ngũ cán bộ Khối Thanh toán đã kịp thời ngăn chặn được nhiều giao dịch có dấu hiệu rửa tiền và vi phạm pháp luật, bảo vệ lợi ích hợp pháp cho khách hàng.

LienVietPostBank cũng đã tích cực, chủ động tìm kiếm và xây dựng quan hệ hợp tác với các công ty Fintech trong và ngoài khu vực, nhằm thiết kế những sản phẩm có tính đặc thù cao, đáp ứng nhu cầu của những bộ phận khách hàng tiềm năng. Tiêu biểu phải kể đến việc ký thỏa thuận hợp tác với Công ty dịch vụ Mạng lưới thông minh SmartNet trong lĩnh vực nhận tiền kiều hối. Theo đó, LienVietPostBank và SmartNet đã xây dựng được quy trình xử lý giao dịch thuận tiện hơn, nhanh chóng hơn, gần như khách hàng có thể nhận tiền ngay lập tức (real-time). SmartNet

và đối tác tại nước ngoài của SmartNet là những công ty đã có lượng khách hàng ổn định, vì vậy LienVietPostBank có thể tận dụng lợi thế này để gia tăng lượng Khách hàng, giúp tên tuổi LienVietPostBank và những sản phẩm dịch vụ chất lượng của Ngân hàng được biết đến rộng rãi hơn.

Mới đây, LienVietPostBank đã xây dựng và ban hành sản phẩm UPAU L/C, bổ sung thêm cho đối tượng Khách hàng doanh nghiệp một lựa chọn về sản phẩm tài trợ thương mại (TTTM) đầy tiềm năng. Đây được coi là “người anh em” với UPAS L/C, một sản phẩm vốn đã quen thuộc trên thị trường và được Khách hàng nhập khẩu tin dùng, với khả năng ưu việt trong việc linh hoạt sử dụng nguồn vốn. Thu phí dịch vụ cũng đạt được sự tăng trưởng ấn tượng chính từ những sản phẩm này. Trong năm 2021, thu thuần phí dịch vụ của LienVietPostBank cho mảng TTQT – TTTM là 26,31 tỷ VND, tăng gần 10% so với năm 2020.

Bảng 12: Kết quả hoạt động thanh toán

Chỉ tiêu	2020		2021		31/03/2022
	Giá trị	So với 2019	Giá trị	So với 2020	Giá trị
Thanh toán trong nước					
Doanh số thanh toán đi và đến (tỷ Đồng)	4.577.424	-17%	8.226.027	80%	2.370.724
Số lượng giao dịch	6.380.499	13%	6.472.631	1%	1.395.248
Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại					
Tổng doanh số TTQT (triệu USD)	940,35	31%	919,27	-2%	259,72
Số lượng giao dịch TTQT	12.059	5%	12.393	3%	3.264
Doanh số thanh toán xuất nhập khẩu (triệu USD)	915,36	32%	884,7	-3%	235,18
Số lượng giao dịch thanh toán xuất nhập khẩu	10.114	4%	10.554	4%	2.474

Nguồn: LienVietPostBank

6.1.5. Hoạt động kinh doanh khác

a) Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán nợ

LienVietPostBank tiếp tục mở rộng danh mục Trái phiếu Chính phủ trong năm 2021 theo hướng đa dạng hóa về kỳ hạn, đảm bảo hiệu quả sử dụng nguồn cũng như hỗ trợ thanh khoản cho hoạt động kinh doanh của LienVietPostBank. Cụ thể, trong năm 2021, trên cơ sở đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư, LienVietPostBank thực hiện mua mới hơn 4.000 tỷ VND Trái phiếu Chính

phủ, với kỳ hạn trả dài từ 07 năm đến 20 năm. Bên cạnh đó, doanh số giao dịch của hoạt động tự doanh tiếp tục duy trì ở mức cao, đạt gần 52.000 tỷ VND trong năm 2021. Với việc đẩy mạnh thực hiện các giao dịch thứ cấp trên thị trường liên ngân hàng, LienVietPostBank tiếp tục khẳng định được vai trò và vị thế trên thị trường đồng thời củng cố và tăng cường mối quan hệ hợp tác tốt đối với các đối tác trong hệ thống tài chính ngân hàng nói chung.

Hoạt động Repo của LienVietPostBank trong năm 2021 tiếp tục diễn biến sôi động với tổng doanh số giao dịch Repo đạt hơn 11.000 tỷ VND. Hoạt động Repo ngoài mục đích tự doanh còn góp phần hỗ trợ thanh khoản cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Kết thúc Quý I năm 2022, doanh số giao dịch Repo tăng mạnh, đạt hơn 26.000 tỷ VND.

Năm 2021 tiếp tục chứng kiến sự phát triển sôi động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp nói chung và thị trường trái phiếu TCTD nói riêng. Năm bắt được xu thế này, LienVietPostBank đã chủ động đẩy mạnh hoạt động đầu tư Giấy tờ có giá của các TCTD từ rất sớm và xuyên suốt trong năm 2021 và đầu năm 2022 đem lại lợi nhuận cao cho Ngân hàng.

Kết thúc Quý I/2022, hoạt động đầu tư được đa dạng hóa trên cơ sở tận dụng cơ hội của thị trường và xu hướng lãi suất để cơ cấu lại danh mục đầu tư, tối đa hóa lợi nhuận gắn liền với kiểm soát và quản lý rủi ro thanh khoản, lãi suất.

Bảng 13: Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán

Đơn vị: tỷ Đồng, %

STT	Chỉ tiêu	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	So với 2019 (%)	Giá trị	So với 2020 (%)	Giá trị	So với 31/03/2021 (%)
I	Chứng khoán đầu tư	33.360	-4,13	38.689	16,0	41.408	30,19
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	33.360	-3,62	38.689	16	41.408	30,19
A	Chứng khoán nợ	32.943	-4,10	38.276	16,2	40.994	30,60
B	Chứng khoán vốn	431	0,00	431	0,00	431	0,00
C	Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	-14	-91,76	-17	21,43	-17	21,43
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	-100,00	0	0	0	0
A	Mệnh giá trái	0	-100,00	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu	2020		2021		Quý I/2022	
		Giá trị	So với 2019 (%)	Giá trị	So với 2020 (%)	Giá trị	So với 31/03/2021 (%)
	<i>phiếu đặc biệt</i>						
B	<i>Dự phòng trái phiếu đặc biệt</i>	0	-100,00	0	0	0	0
II	Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	2.037	-8,46	1.695	-16,8	442	4,99

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

b) Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Với mục tiêu đẩy mạnh hoạt động bán lẻ tăng thu phí dịch vụ, Ngân hàng đã đồng bộ triển khai mạnh mẽ sản phẩm bảo hiểm nhân thọ trên toàn bộ hệ thống tại các CN và PGD trên toàn quốc.

Sở hữu lợi thế mạng lưới giao dịch trải đều rộng khắp toàn quốc, LienVietPostBank đã tiếp cận được nhiều đối tượng Khách hàng, đặc biệt là bộ phận người dân sinh sống ở vùng nông thôn - những người có ít cơ hội tiếp cận với dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Với gần 50.000 hợp đồng bảo hiểm nhân thọ năm 2021 (tăng 8.000 hợp đồng so với năm 2020), doanh số phí bảo hiểm nhân thọ năm đầu đạt 620 tỷ VND (tăng 38% so với năm 2020) đã giúp LienVietPostBank vươn lên vị thế Top đầu trên thị trường Bancassurance Việt Nam.

c) Hoạt động kinh doanh thẻ

Tháng 08/2020, LienVietPostBank đã hợp tác cùng Tổ chức Thẻ quốc tế JCB (Nhật Bản) ra mắt Thẻ tín dụng quốc tế LienVietPostBank JCB. Đây là dòng thẻ cao cấp với nhiều ưu đãi và đặc quyền đặc biệt, giúp khách hàng nâng cao trải nghiệm cuộc sống đẳng cấp thượng lưu. Tính đến thời điểm 31/12/2021 số lượng thẻ JCB được lưu hành trên hệ thống là hơn 70 nghìn thẻ. Sau hơn 1 năm hợp tác chiến lược, LienVietPostBank đã vinh dự nhận giải thưởng “Ngân hàng dẫn đầu về số lượng thẻ tín dụng phát hành mới” (Leading Licensee in New Credit Card Acquisition) do Tổ chức Thẻ quốc tế JCB trao tặng.

Tháng 12/2020, Ngân hàng hợp tác cùng Tổ chức Thẻ uy tín nhất thế giới Visa ra mắt Thẻ ghi nợ và Thẻ tín dụng quốc tế LienVietPostBank Visa. Đây là các loại thẻ cao cấp mang tới trải nghiệm đỉnh cao dành cho Khách hàng. Chủ thẻ quốc tế LienVietPostBank Visa được trải nghiệm công nghệ thanh toán thẻ không tiếp xúc contactless với chip EMV hiện đại và an toàn bậc nhất hiện nay, chỉ mất khoảng 1 giây để thực hiện giao dịch, cam kết mang đến sự an toàn tuyệt đối cho Khách hàng trong quá trình sử dụng. Trong năm 2021 hơn 30 nghìn thẻ tín dụng VISA được phát hành trên hệ thống đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, LienVietPostBank luôn chú trọng trong việc đa dạng hóa các sản phẩm, tối đa hóa quyền lợi, tiện ích cho khách hàng.

6.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

LienVietPostBank đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch ngân hàng quốc tế, trong đó, chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, hiệu quả. Hiện LienVietPostBank đã có 603 ngân hàng đại lý tại 63 thị trường chủ chốt của Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, và Trung Đông. Hệ thống quan hệ đại lý rộng khắp với các ngân hàng lớn tại nhiều thị trường quan trọng đã đảm bảo LienVietPostBank có thể thực hiện giao dịch thông suốt thông qua việc sử dụng mạng lưới của các đối tác này. Trong thời gian tới chiến lược của LienVietPostBank đối với hoạt động ngân hàng đại lý là tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng cường huy động vốn với lãi suất tốt, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Năm 2020 đánh dấu bước thành công đột phá trong hoạt động quản lý rủi ro của Ngân hàng với sự kiện LienVietPostBank đã hoàn thành trước hạn việc triển khai đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN. Như vậy đến 31/12/2020 Ngân hàng đã hoàn thành cả 03 trụ cột theo chuẩn mực Basel II.

Tiếp nối những thành công của triển khai Basel II, năm 2021 Ngân hàng đã bắt tay vào triển khai dự án Basel III, hướng đến mục tiêu đưa công tác quản trị rủi ro của ngân hàng tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế và dự kiến hoàn thành trong năm 2022.

Hoạt động Quản trị rủi ro sẽ tiếp tục được duy trì thường xuyên, liên tục, không tách rời với hoạt động kinh doanh và hướng đến mục tiêu quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu.

6.2.1. Quản lý rủi ro tín dụng

LienVietPostBank chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng song song với tăng trưởng tín dụng hiệu quả. Tính đến hết năm 2021, Ngân hàng đạt tốc độ tăng trưởng 18,08%; danh mục tín dụng có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu: tín dụng bán lẻ tăng trưởng mạnh mẽ trong đó tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực nông nghiệp nông thôn tiếp tục được mở rộng (dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn khoảng 76 nghìn tỷ VND) phù hợp với định hướng tín dụng của Chính phủ cũng như chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Mặc dù quy mô tăng trưởng tín dụng được mở rộng nhưng tỷ lệ nợ xấu vẫn được kiểm soát tốt ở mức 1,37%.

Để đạt được kết quả này, công tác quản lý rủi ro tín dụng áp dụng nhiều biện pháp, cụ thể:

- Công tác thẩm định, kiểm soát giải ngân, phê duyệt tín dụng tiếp tục được chuyển đổi theo hướng tập trung tại Hội sở đảm bảo tính độc lập, khách quan, tránh mọi mâu thuẫn về mặt lợi ích.
- Cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, nâng cao năng lực phân loại rủi ro Khách hàng, hỗ trợ tích cực cho công tác xây dựng chính sách sản phẩm tín dụng phù hợp.
- Đầu tư triển khai xây dựng Hệ thống phần mềm khởi tạo, phê duyệt và quản lý cấp tín dụng (LOS) và các ứng dụng hiện đại khác giúp Ngân hàng quản lý xuyên suốt toàn bộ quy trình tác nghiệp cấp tín dụng hiệu quả, toàn diện.

- Tăng cường các biện pháp phân luồng, xử lý, thu hồi nợ quá hạn, nợ xấu.
- Thực hiện giám sát thường xuyên các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng.
- Thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN

6.2.2. Quản lý rủi ro hoạt động

Công tác quản lý RRHĐ đã có nhiều chuyển biến với việc triển khai đồng bộ các công cụ chính: Thu thập sự kiện tổn thất (LDC) từ phần mềm QLRRHĐ; Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát (RCSA); Các chỉ số rủi ro chính (KRIs)

Hệ thống văn bản nội bộ không ngừng được rà soát, cập nhật thường xuyên, trong đó, đặc biệt chú trọng rà soát hoạt động chuyên đổi số của Ngân hàng đảm bảo hệ thống văn bản đầy đủ, cập nhật và tuân thủ theo các quy định hiện hành. Các dấu hiệu rủi ro, gian lận điển hình của hoạt động ngân hàng: gian lận giả mạo hồ sơ, tội phạm công nghệ, an toàn bảo mật thông tin, an toàn kho quỹ,... được tăng cường rà soát, cảnh báo sớm và xây dựng các phương án phòng ngừa hiệu quả.

Năm 2021 công tác quản lý RRHĐ được nâng cấp với việc tiếp tục đơn bảo hiểm gian lận nhằm bảo vệ Ngân hàng trước các tổn thất lớn phát sinh từ rủi ro gian lận, nâng cao năng lực, uy tín của Ngân hàng. Triển khai đồng bộ công tác quản lý kinh doanh liên tục toàn hệ thống góp phần duy trì tính liên tục của hoạt động kinh doanh đặc biệt trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 bùng phát; Dự án đánh giá an ninh an toàn công nghệ thông tin góp phần nâng cao năng lực quản trị rủi ro của Ngân hàng nhằm ứng phó với rủi ro hoạt động công nghệ thông tin, đặc biệt là trong bối cảnh Ngân hàng đang trong giai đoạn từng bước chuyển đổi số.

6.2.3. Quản lý rủi ro thị trường, thanh khoản

Thanh khoản hệ thống được đảm bảo duy trì thường xuyên, liên tục và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. Các tỷ lệ đảm bảo thanh khoản của Ngân hàng đáp ứng tốt các quy định của NHNN. Việc kiểm soát rủi ro thị trường và thanh khoản được thiết lập trên nguyên tắc độc lập giữa đơn vị thực hiện giao dịch và đơn vị kiểm soát rủi ro. Công tác kiểm tra, giám sát, đo lường trạng thái rủi ro và xây dựng các kịch bản kiểm thử được thực hiện thường xuyên, liên tục. Kết quả, chất lượng giám sát được nâng cao nhờ ứng dụng các công nghệ hiện đại và sử dụng linh hoạt, hiệu quả các công cụ quản trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản (mô hình định giá, mô hình khe hở nhạy cảm rủi ro lãi suất, khe hở thanh khoản...). Hệ thống các hạn mức rủi ro thị trường và thanh khoản liên tục được rà soát, điều chỉnh hoặc thiết lập các hạn mức mới đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành cũng như thực tế hoạt động và kiểm soát độc lập đảm bảo tính tuân thủ và hạn chế rủi ro cho Ngân hàng.

6.2.4. Phòng chống rửa tiền (PCRT)

Công tác PCRT được nâng cấp hướng đến tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế. Các chương trình đào tạo, cảnh báo về PCRT/Tài trợ khủng bố (TTKB) được chú trọng và triển khai trên phạm vi toàn hệ thống nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các cán bộ, nhân viên góp phần xây dựng văn hóa tuân thủ, đặc biệt là trong công tác PCRT/TTKB tại Ngân hàng.

Công tác PCRT/TTKB không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả qua việc triển khai đồng bộ các nội dung của khung công tác PCRT/TTKB. Ngân hàng tiếp tục ứng dụng hệ thống quét lọc giao dịch tự động trong công tác phòng, chống rửa tiền; tập trung nguồn lực thực hiện nâng cấp hệ thống và chú trọng tăng cường hoạt động giám sát giao dịch có dấu hiệu đáng ngờ.

6.2.5. Định hướng công tác quản lý rủi ro năm 2022

Trong năm 2022 công tác quản lý rủi ro sẽ tiếp tục được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của Ngân hàng với sự đầu tư, hoạch định các kế hoạch, chiến lược mới nhằm: (i) hoàn thành triển khai dự án Basel III; (ii) Hiện đại hóa công tác quản lý rủi ro; (iii) Đầu tư phát triển các công cụ cảnh báo sớm rủi ro.

Để giảm thiểu rủi ro tập trung, Ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh phát triển cho vay nhỏ lẻ, nông nghiệp nông thôn đồng thời phát triển các sản phẩm dịch vụ để gia tăng tỷ trọng doanh thu phi tín dụng.

Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư nguồn lực triển khai xây dựng, nâng cấp các công cụ, mô hình quản lý rủi ro để giám sát, tính toán, đo lường và đưa ra các cảnh báo kịp thời về diễn biến của các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động đảm bảo luôn đáp ứng tốt theo quy định của Pháp luật.

6.3. Thị trường hoạt động

6.3.1. Mạng lưới chi nhánh

Sau chặng đường hơn 13 năm, LienVietPostBank tự hào đã trở thành một trong số ngân hàng TMCP có mạng lưới chi nhánh, văn phòng giao dịch lớn nhất tại Việt Nam. Mạng lưới hoạt động của LienVietPostBank đang được mở rộng tới khắp 63 tỉnh thành trên cả nước. Tại ngày 31/03/2022, Ngân hàng có 01 Trụ sở chính, 03 Văn phòng đại diện, 76 Chi nhánh, 480 Phòng Giao dịch, 613 PGDBĐ trên cả nước. Số lượng nhân viên là 10.981 người.

Với mong muốn cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng chất lượng tới tất cả người dân kể cả vùng sâu vùng xa, công tác phát triển mạng lưới tại LienVietPostBank luôn được chú trọng hàng đầu. Ngày 31/12/2015, NHNN ban hành Thông tư số 43/2015/TT-NHNN về tổ chức và hoạt động của PGDBĐ trực thuộc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, tạo hành lang pháp lý để LienVietPostBank là ngân hàng duy nhất được phép mở Phòng Giao dịch Ngân hàng đến tất cả các đơn vị hành chính cấp huyện trên cả nước. Từ thời điểm 31/12/2020, LienVietPostBank đã có Phòng Giao dịch tại hầu hết các quận, huyện trên toàn quốc, đưa sản phẩm dịch vụ ngân hàng chất lượng đến với mọi người dân trên 63 tỉnh thành.

LienVietPostBank chưa có văn phòng giao dịch ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Bảng 14: Tình hình doanh thu và lợi nhuận theo khu vực địa lý

Đơn vị: tỷ Đồng

Stt	Khu vực thị trường	2020		2021	
		Doanh thu	Lợi nhuận	Doanh thu	Lợi nhuận
1	Miền Bắc	16.397	1.822	18.742	3.009

2	Miền Trung	2.024	79	2.478	258
3	Miền Nam	8.396	1.222	9.544	1.293
4	Không phân miền (*)	14.886	(1.261)	16.358	(1.686)
Tổng cộng		41.703	1.862	47.123	2.873

Nguồn: BCTC năm 2020 và năm 2021 đã kiểm toán của LienVietPostBank

Lưu ý (*): số liệu không phân miền chủ yếu là số liệu ở Hội sở chính của Ngân hàng

BCTC Quý 1 năm 2022 không chi tiết số liệu doanh thu và lợi nhuận theo khu vực thị trường

6.3.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Mạng lưới khách hàng

Tính đến thời điểm 31/12/2021, mạng lưới khách hàng của LienVietPostBank phân loại theo từng đối tượng khách hàng gồm có:

- *KHDN lớn*: bao gồm 1.630 khách hàng, chiếm 5,1% tổng số KHDN và tăng 0,6% so với đầu năm 2020. Theo địa bàn hoạt động, số lượng khách hàng tại miền Bắc là 824 (chiếm 50,6%), miền Trung là 235 (chiếm 14,4%) và miền Nam là 571 (chiếm 35,0%).
- *KHDN nhỏ và vừa*: gồm có 30.556 khách hàng, chiếm 94,9% tổng số KHDN và tăng 6,4% so với năm 2020. Phân theo địa bàn hoạt động: miền Bắc có 16.580 khách hàng (chiếm 54,3%), miền Trung có 4.548 khách hàng (chiếm 14,9%) và miền Nam có 9.428 khách hàng (chiếm 30,8%).
- *Khách hàng cá nhân (KHCCN)*: quy mô KHCCN của LienVietPostBank đạt gần 6,5 triệu khách hàng tại thời điểm 31/12/2021, tăng 6,3% so với năm 2020.

Các loại dịch vụ cho khách hàng

✓ Các Sản phẩm dịch vụ dành cho cá nhân: bao gồm:

- *Ngân hàng số*: bao gồm các dịch vụ ngân hàng, được số hóa để khách hàng có thể thực hiện giao dịch 24/7 trên nền tảng ứng dụng Ngân hàng số LienViet24h mà không phải đến ngân hàng, bao gồm các sản phẩm, dịch vụ như: gửi tiết kiệm online, vay cầm cố sổ tiết kiệm online, vay theo hạn mức thẻ tín dụng, thanh toán (hóa đơn, học phí, trả nợ/thanh toán khoản vay/thẻ tín dụng, đóng phí bảo hiểm...), mua sắm online (đặt hoa, đặt phòng khách sạn, mua vé máy bay, đặt dịch vụ dọn vệ sinh/giúp việc theo giờ, mua xổ số vietlott...), rút/ nạp/chuyển tiền, quản lý tài khoản/thẻ và nhiều tính năng, tiện ích khác;
- *Tiền gửi*: đa dạng hóa các sản phẩm tiền gửi đáp ứng nhu cầu của các phân khúc Khách hàng bao gồm các sản phẩm tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn (Tiền gửi thanh toán, Tiết kiệm KKH), tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (Tiết kiệm Thường, tiết kiệm Hưu trí, tiết kiệm Bảo toàn), tiết kiệm online trên kênh Ngân hàng Số và sản phẩm GTCG khác như trái phiếu;

- *Thẻ*: bao gồm các sản phẩm thẻ, dịch vụ thanh toán thẻ và các dịch vụ khác dành cho thẻ;
 - *Cho vay*: bao gồm các sản phẩm cho vay phục vụ mục đích tiêu dùng và SXKD;
 - *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ dành cho nhu cầu cá nhân.
- ✓ *Các Sản phẩm dịch vụ dành cho doanh nghiệp*: bao gồm:
- *Tiền gửi*: gồm tiền gửi không kỳ hạn trên tài khoản thanh toán; tiền gửi ký quỹ; tiền gửi có kỳ hạn thông thường; đầu tư tự động; tiền gửi bậc thang, tiền gửi bảo toàn;
 - *Cho vay*: xét về kỳ hạn vay, ngân hàng triển khai cho vay theo các kỳ hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; xét theo đối tượng cho vay: LPB tập trung khai thác ba nhóm khách hàng chính với các sản phẩm được thiết kế riêng cho từng nhóm đối tượng khách hàng mang tính cạnh tranh trên thị trường: các KHDN hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp, các KHDN hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất. Một số sản phẩm mang tính cạnh tranh trên thị trường bao gồm Gói sản phẩm cho vay nhà thầu thi công công trình có vốn NSNN, ODA, sản phẩm cho vay theo thư tín dụng xuất khẩu, sản phẩm cho vay theo hợp đồng xuất khẩu, chiết khấu bộ chứng từ, Sản phẩm cấp tín dụng ngắn hạn có TSBĐ là hàng hóa nhập khẩu hình thành trong tương lai và hàng hóa thế chấp tại kho của Công ty CP Liên Việt Logistics;
 - *Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại*: gồm các sản phẩm dành cho doanh nghiệp xuất/nhập khẩu; chuyển tiền ngoại tệ; bảo lãnh; tài trợ thương mại nội địa;
 - *Thanh toán và quản lý dòng tiền*: các dịch vụ quản lý khoản; quản lý dòng tiền; chuyển tiền và quản lý tài khoản; các dịch vụ thu hộ, chi hộ;
 - *Kinh doanh ngoại tệ và thị trường vốn*: gồm các dịch vụ ngân hàng đầu tư; kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh lãi suất; ngân hàng lưu ký giám sát và các sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa;
 - *Ngân hàng điện tử*: hỗ trợ khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet;
 - *Bảo hiểm*: gồm các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp...

6.3.3. Thị phần và khả năng cạnh tranh

Tại thời điểm 31/12/2021, thị phần của LienVietPostBank về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành lần lượt là 2,65%; 2,81% và 2,37%.

Bảng 15: Thị phần về tổng tài sản, dư nợ cho vay và tiền gửi của khách hàng so với các ngân hàng trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
LienVietPostBank (tỷ đồng)	289.194	208.954	180.276
Thị phần LienVietPostBank so với các ngân hàng trong ngành (*)	2,65%	2,81%	2,37%

Nguồn: (*) Số liệu được tính toán theo dữ liệu từ BCTC hợp nhất năm 2021 của 27 ngân hàng đang niêm yết trên HOSE, HNX và UPCOM

6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Một số dự án đã và đang được Ngân hàng triển khai để phát triển hoạt động kinh doanh như sau:

STT	Tên Dự án/Nội dung	Tiến độ triển khai	Đánh giá ảnh hưởng của Dự án tới hoạt động kinh doanh của LienVietPostBank
1	<p>Dự án LienViet24h (tên cũ: Ví Việt):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự án triển khai mới mục tiêu triển khai sản phẩm, dịch vụ trên nền tảng hợp kênh: Ngân hàng số, thẻ và Ví Việt - Mục tiêu chiến lược: Xây dựng hệ sinh thái tài chính số toàn diện không dùng tiền mặt và hỗ trợ phát triển tài chính vi mô; hợp nhất trải nghiệm khách hàng trên cả kênh trực tiếp và online - Đây được xác định là sản phẩm ngân hàng số chiến lược của LienVietPostBank 	<p>Dự án đã triển khai được 85% khối lượng công việc và dự kiến cơ bản hoàn thành vào Quý I/2022.</p>	<p>Việc đẩy mạnh cung ứng sản phẩm, dịch vụ trên LienViet24h giúp Ngân hàng tiết kiệm được các chi phí về nhân sự, thuê mặt bằng, tối đa hóa hiệu quả về hạ tầng công nghệ. Mặt khác, ứng dụng này giúp Ngân hàng huy động tối đa nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư, tạo sự chuyển biến rõ rệt về thanh toán không dùng tiền mặt.</p>
2	<p>Dự án Datawarehouse: là dự án quản lý dữ liệu hệ thống được thiết kế để cho phép và hỗ trợ kinh doanh thông minh hoạt động BI, đặc biệt là phân tích. Data Warehouse chỉ nhằm mục đích thực hiện các truy vấn và phân tích</p>	<p>Đã golive giai đoạn 1 Đang triển khai tiếp giai đoạn 2</p>	<p>Trong hoạt động quản lý tín dụng và quản lý rủi ro: Hỗ trợ người dùng khai thác nhanh và hiệu quả thông tin khoản vay, thông tin khách hàng và dữ liệu lịch sử trên hệ</p>

	và thường chứa một lượng lớn dữ liệu		thống trong quá trình quản lý và cấp tín dụng
3	Dự án IFRS9: là dự án xây dựng công cụ thực hiện báo cáo tài chính theo chuẩn mực IFRS9.	Đã golive hệ thống	Việc chuyển đổi từ các chuẩn mực kế toán Việt Nam sang IFRS là một yếu tố quan trọng giúp cho các doanh nghiệp ở Việt Nam có thể hội nhập và gia nhập ở mức độ cao hơn nữa với các thị trường tài chính quốc tế
4	Dự án LOS: là dự án khởi tạo, phê duyệt và quản lý cấp tín dụng	Đã golive hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - LOS quản lý vòng đời của khoản cấp tín dụng. - Trong công tác QLRR, tính năng về quản lý cấp tín dụng cho đối tượng cầm, hạn chế, người có liên quan đã được xây dựng và quản lý trên LOS
5	Dự án Thông tư 41: dự án về Tỷ lệ an toàn vốn, là trụ cột I và trụ cột III của Basel II – Quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Quốc tế	Đã golive hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo tuân thủ theo yêu cầu của NHNN - Góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro, từng bước tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế. - Cho phép Ngân hàng xây dựng và quản lý các chiến lược về vốn an toàn, hiệu quả và chủ động hơn.
6	Dự án ICAAP: Dự án đánh giá mức độ đủ vốn, là trụ cột II của Basel II	Đã golive hệ thống	Hoàn thành dự án ICAAP đánh dấu bước ngoặt đưa Ngân hàng tiếp cận đầy đủ

			với 3 chuẩn mực của Basel II về an toàn vốn, nâng cao năng lực quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế và giúp Ngân hàng thiết lập chiến lược kinh doanh hài hòa giữa ba yếu tố lợi nhuận, rủi ro và quản lý vốn
7	Dự án Basel III: dự án về Quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực Basel III của Ủy ban Basel	Đang triển khai	Góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro, từng bước tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế.
8	Dự án nâng cấp hệ thống Corebanking	Đang triển khai	Dự án nâng cấp hệ thống Corebanking sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động toàn diện của Ngân hàng trong đó bao gồm hoạt động quản lý rủi ro.

Nguồn: LienVietPostBank

Tổng mức đầu tư các dự án nêu trên dự kiến vào khoảng 150 tỷ đồng. Các dự án trên đây là các dự án trọng điểm đã được HĐQT LienVietPostBank phê duyệt và sẽ được hoàn thành trong tương lai gần. Điển hình là dự án LienViet24h cung cấp dịch vụ ngân hàng số toàn diện, đem đến cho khách hàng nhiều dịch vụ trong một ứng dụng duy nhất bao gồm dịch vụ ngân hàng số (tiết kiệm, cho vay, giao dịch thông thường), Ví Việt và dịch vụ thẻ.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng trong 02 năm và quý gần nhất

a) Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 16: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh cơ bản

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng/giảm	Quý I/2022
Tổng giá trị tài sản	242.343	289.194	19,33	284.918

Vốn chủ sở hữu	14.232	16.802	18,06	18.223
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	17.869	20.926	17,11	5.806
Thu nhập lãi thuần	6.720	9.017	34,18	2.876
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	627	858	36,84	217
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	62	139	124,19	(15)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	34	5	-85,29	0
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	138	-1	-100,72	(10)
Lãi thuần từ hoạt động khác	190	34	-82,11	191
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	0	0	0	0
Chi phí hoạt động	4.645	5.090	9,58	1.153
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí DPRR tín dụng	3.126	4.960	58,67	2.108
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	699	1.322	89,13	3.12
Lợi nhuận trước thuế	2.427	3.638	49,90	1.795
Lợi nhuận sau thuế	1.862	2.873	54,30	1.421
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	13,89	18,52	33,33	8,11

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Năm 2021 mặc dù nền kinh tế bị chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid nhưng LienVietPostBank đã hoàn thành toàn bộ các mục tiêu kinh doanh, với kết quả ấn tượng của một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau: Tổng tài sản tại 31/12/2021 đạt 289.194 tỷ VND với mức tăng trưởng là 19,33% so với cùng kỳ năm 2020; Quy mô vốn chủ sở hữu tại 31/12/2021 đạt 16.802 tỷ VND, tương ứng với mức tăng 18,06% so với cùng kỳ 2020. Hiệu quả kinh doanh

được cải thiện mạnh mẽ, với LNST đạt mức cao lịch sử kể từ khi thành lập Ngân hàng đến nay là 2.873 tỷ VND, tương ứng với mức tăng trưởng cao là 54,30% so với năm 2020.

Lợi nhuận của LienVietPostBank đạt kết quả tích cực là nhờ: (i) thu nhập lãi thuần từ lãi và các khoản thu nhập tương tự chiếm tỷ trọng lớn đạt 9.017 tỷ VND, tăng 34,18% so với cùng kỳ năm 2020; (ii) lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, trong đó cơ cấu thu phí dịch vụ năm 2021 tiếp tục chiếm tỷ trọng cao ở phí thanh toán (hơn 58%) theo đúng định hướng phát triển ngân hàng thanh toán hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và trải nghiệm của khách hàng, đặc biệt là phát triển kênh Lienviet24h; (iii) thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối tăng trưởng mạnh mẽ; và (iv) thu hồi từ nợ xử lý rủi ro tăng mạnh.

Kết thúc Quý I năm 2022, thu nhập lãi thuần của Ngân hàng tăng 40%, đóng góp lớn vào tăng trưởng lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng là 62% so với cùng kỳ 2021, chủ yếu do Ngân hàng tăng quy mô cho vay bán lẻ, thu hồi lãi của các khoản vay cơ cấu Covid-19 khi các khách hàng đã khôi phục được hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, Ngân hàng linh hoạt cân đối nguồn vốn để phù hợp với tốc độ tăng tín dụng, do vậy tối ưu hóa được hiệu quả sử dụng nguồn.

b) Các chỉ tiêu khác

i. Cơ cấu lãi thuần

Cơ cấu lãi thuần của LienVietPostBank năm 2021 bao gồm 2 cấu phần chính: Thu nhập lãi thuần và Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ. Trong đó, Thu nhập lãi thuần (thu nhập ròng từ hoạt động tín dụng và các khoản thu nhập có tính chất lãi: thu nhập lãi tiền gửi, thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ) vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất và có xu hướng tăng trong năm 2021, đạt 89,72%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (thu nhập ròng từ các hoạt động nghiệp vụ như: nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ; nghiệp vụ ủy thác và tư vấn, đại lý bảo hiểm...) chiếm tỷ trọng 8,54% tăng trưởng 36,87% so với năm 2020. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu lãi thuần của Ngân hàng.

Bảng 17: Cơ cấu lãi thuần

Chỉ tiêu	2020	2021	Q1/2022
Thu nhập lãi thuần	86,48%	89,72%	87,44%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	8,07%	8,54%	6,60%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	0,80%	1,38%	0,46%
Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh,	2,20%	0,05%	0,00%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	0,00%	0,00%	-0,30%
Lãi/Lỗ thuần từ hoạt động khác	2,45%	0,34%	5,81%

Chỉ tiêu	2020	2021	QI/2022
Tổng thu nhập thuần từ các hoạt động kinh doanh	100%	100%	100%

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

ii. Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Trong giai đoạn 2020-2021, các tỷ trọng chi phí trong thu nhập tương ứng có xu hướng tăng. Việc các tỷ trọng chi phí tại thời điểm năm 2021 đều tăng so với năm 2020 do LienVietPostBank phát triển hệ thống mạng lưới mới theo cấp phép của NHNN làm tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, hạ tầng công nghệ và đặc biệt là chi phí nhân sự, quản lý, phân bổ công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản, phân bổ chi phí cải tạo sửa chữa trụ sở ban đầu.

Bảng 18: Cơ cấu chi phí trong thu nhập tương ứng

Đơn vị: tỷ Đồng

TT	Chỉ tiêu	2020	2021	% tăng/giảm	QI/2022
1	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	11.149	11.908	6,81	2.930
	<i>Tỷ trọng trong Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự</i>	<i>62,39%</i>	<i>56,91%</i>		<i>50,47%</i>
2	Chi phí hoạt động dịch vụ	233	256	9,87	59
	<i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động dịch vụ</i>	<i>27,09%</i>	<i>22,98%</i>		<i>21,44%</i>
3	Chi phí hoạt động (chi phí tiền lương, khấu hao và khấu trừ, chi phí hoạt động khác)	4.645	5.090	9,58	1.153
	<i>Tỷ trọng trong thu nhập hoạt động</i>	<i>59,77%</i>	<i>50,64%</i>		<i>35,39%</i>
4	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	699	1.322	89,13	312
	<i>Tỷ trọng trong Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>22,36%</i>	<i>26,65%</i>		<i>14,81%</i>

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

iii. Cơ cấu chi phí hoạt động

Trong cơ cấu chi phí hoạt động của LienVietPostBank, chi phí nhân viên luôn có tỷ trọng cao nhất, chiếm 53,77% chi phí hoạt động năm 2021, 48,20% chi phí hoạt động trong năm 2020; chi cho hoạt động quản lý công vụ có tỷ trọng cao thứ hai trong tổng chi phí hoạt động lần lượt là

28,81% năm 2020 và 23,79% năm 2021; chi phí về tài sản có tỷ trọng cao thứ ba trong tổng chi phí hoạt động lần lượt là 17,46% năm 2020 và 16,80% năm 2021.

Bảng 19: Cơ cấu chi phí hoạt động

Đơn vị: tỷ Đồng

Chỉ tiêu	2020		2021		% tăng/giảm	Q1/2022	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)		Giá trị	Tỷ trọng (%)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	104	2,24	108	2,12	3,85	27	2,23
Chi phí nhân viên	2.239	48,20	2.737	53,77	22,24	642	55,63
Chi về tài sản	811	17,46	855	16,80	5,43	203	17,59
Chi cho hoạt động quản lý công vụ và phân bổ lợi thế thương mại	1.338	28,81	1.213	23,83	(9,34)	235	20,36
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	146	3,14	170	3,34	16,44	45	3,9
Chi phí hoạt động khác	7	0,15	6	0,12	(14,29)	2	0,17
Tổng chi phí hoạt động	4.645	100,00	5.090	100,00	9,58	1.153	100,00

Nguồn: BCTC năm 2020, năm 2021 đã kiểm toán và BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

Trong Quý I năm 2022, Ngân hàng kiểm soát tốt các khoản mục chi phí, chỉ tiêu chi phí trên thu nhập CIR (Cost to Income Ratio) cho thấy Ngân hàng đã tối ưu việc quản lý chi phí hoạt động.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Năm 2020 - 2021 đã ghi nhận nhiều biến chuyển lớn trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng được đánh giá từ góc độ các nhân tố thuận lợi cũng như khó khăn như sau:

a) Những nhân tố thuận lợi

- NHNN điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, đảm bảo mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định giá trị đồng tiền;
- Có sự chỉ đạo thường xuyên, kịp thời của HĐQT, sự năng động của Ban điều hành và nỗ lực của toàn thể Cán bộ công nhân viên;

- Thương hiệu LienVietPostBank ngày càng khẳng định tính chuyên nghiệp và được nhiều người biết đến, quan hệ ngân hàng ngày càng mở rộng;
- Bộ máy tổ chức đã dần ổn định, mô hình tổ chức mới được triển khai hoạt động mang lại nhiều kết quả tốt;
- Quy trình, quy chế hoạt động đầy đủ tạo hành lang pháp lý cho các nghiệp vụ;
- Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại đã hỗ trợ nhiều trong việc quản trị rủi ro và mang lại nhiều tiện ích cho Khách hàng;

b) Những yếu tố bất lợi

- Tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 làm cho nhiều doanh nghiệp bị phá sản, thất nghiệp gia tăng, cầu tiêu dùng sụt giảm;
- Tăng trưởng tín dụng chưa cao và ngày càng khó khăn do cạnh tranh của hệ thống và các doanh nghiệp thu hẹp kinh doanh;
- Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Hầu hết các tổ chức tín dụng đều tập trung củng cố nội lực, tăng quy mô về vốn, mạng lưới hoạt động, hiện đại hóa công nghệ thông tin, cải tiến về cách thức tiếp cận Khách hàng, đưa ra thị trường nhiều sản phẩm đa dạng, linh hoạt, hấp dẫn với hàng loạt các chương trình khuyến mãi.
- Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (fin-tech) ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới các khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.

7.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết trong năm báo cáo

Sự bùng phát trở lại của dịch bệnh Covid-19 từ đầu năm 2021 đến nay đã lan rộng trên quy mô toàn quốc dẫn tới chính sách giãn cách và tạm thời ngưng phần lớn các hoạt động sản xuất kinh doanh trừ ngành nghề thiết yếu. Biến động này đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động kinh tế-xã hội, tất cả các ngành nghề kinh tế và tổ chức, cá nhân là khách hàng của ngân hàng nói chung và LienVietPostBank nói riêng. Hệ lụy của ảnh hưởng này có thể dẫn tới khả năng thanh toán và trả nợ vay của các doanh nghiệp, phát sinh nhiều tiềm ẩn rủi ro và gia tăng nợ xấu.

Trong năm 2021, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 của NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Thực hiện các chính sách miễn, giảm lãi, phí, cơ cấu lại thời hạn trả nợ của NHNN, bên cạnh việc hỗ trợ và đồng hành cùng khách hàng ổn định hoạt động, LienVietPostBank vẫn đang nỗ lực tích cực để giảm thiểu tối đa

các rủi ro có thể xảy ra đồng thời vẫn hoàn thành các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đã được ĐHĐCĐ Ngân hàng thông qua trong năm.

Bước sang năm 2022, với tỷ lệ bao phủ vacxin trên toàn quốc và chính sách sống chung với Covid, dự kiến nền kinh tế và hoạt động sản xuất của tổ chức, cá nhân sẽ trở lại bình thường mới, do đó kỳ vọng sẽ không gây biến động lớn đến hoạt động kinh doanh của ngành ngân hàng nói chung và LienVietPostBank nói riêng.

8. Vị thế của Ngân hàng trong ngành

8.1. Vị thế của LienVietPostBank trong ngành

Trải qua hơn 13 năm xây dựng và phát triển, LienVietPostBank đang dần khẳng định vị thế vững chắc cũng như uy tín, thương hiệu của mình trên thị trường, tạo dựng được niềm tin đối với khách hàng. Mỗi năm, LienVietPostBank luôn ghi những dấu ấn trên hành trình phát triển của mình. Năm 2021 tiếp tục được đánh giá là một năm thành công cả về quy mô và chất lượng của Ngân hàng.

Năm 2020 ghi dấu mốc son trong chặng đường phát triển của Ngân hàng khi cổ phiếu LienVietPostBank được chấp thuận niêm yết trên Sàn Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE). Sự kiện này là bước chuyển đổi lớn về vị thế của Ngân hàng trên thị trường, khẳng định năng lực quản trị minh bạch, hiệu quả, nâng tầm thương hiệu và giá trị của LienVietPostBank đối với các nhà đầu tư, đồng thời nâng cao thanh khoản của cổ phiếu, từ đó đem lại lợi ích tối đa cho cổ đông.

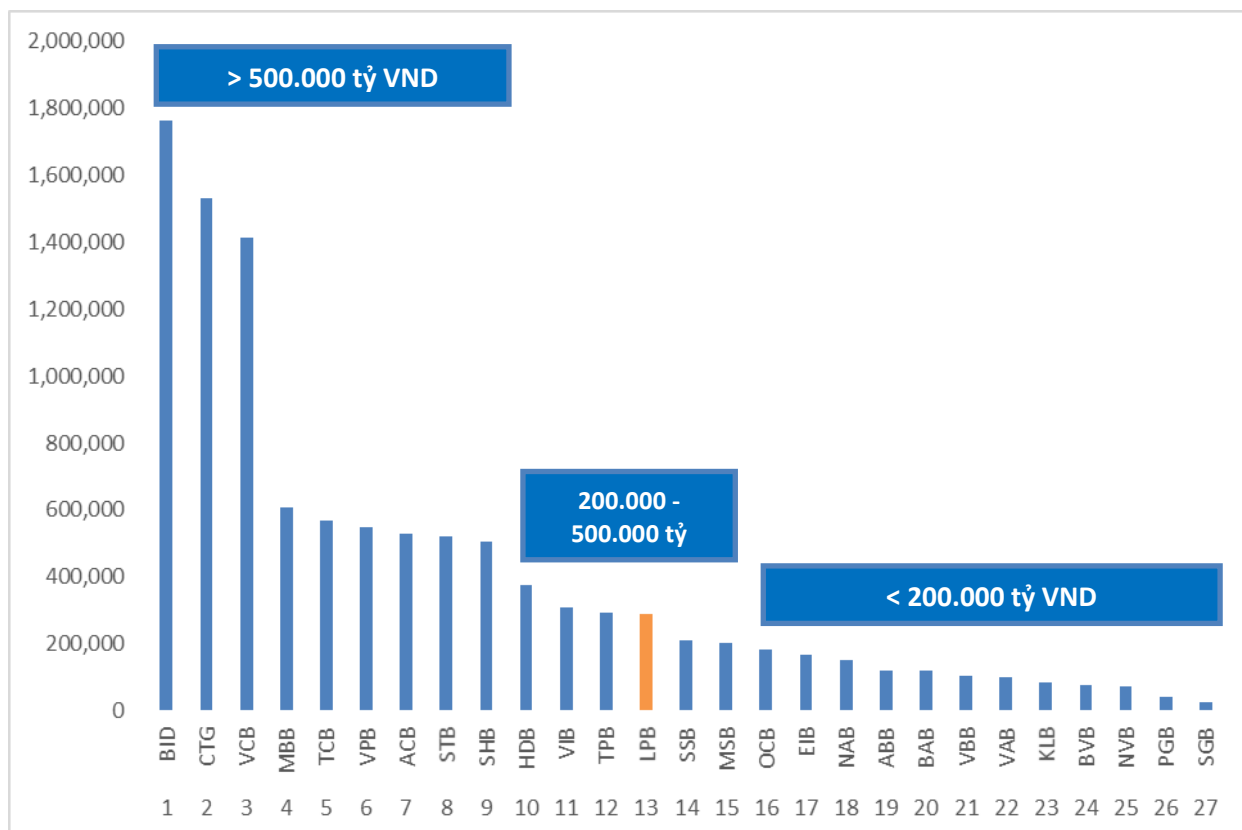
Xét về mặt quy mô:

Từ 2019, LienVietPostBank đã gia nhập nhóm ngân hàng có tổng tài sản trên 200.000 tỷ VND, đó là bước đột phá lớn của Ngân hàng. Tính đến 31/12/2021, TTS của Ngân hàng đạt 289.194 tỷ VND, tăng 19,3% so với năm 2020, và vốn chủ sở hữu đạt 16.802 tỷ VND, thuộc trong top 13 NHTM niêm yết và đăng ký giao dịch (Upcom) lớn nhất tại Việt Nam.

Xét về hiệu quả hoạt động:

Lợi nhuận trước thuế của LienVietPostBank năm 2021 tiếp tục ghi nhận mức cao nhất trong lịch sử 13 năm hoạt động, đạt 3.638 tỷ VND, vượt kế hoạch ĐHĐCĐ giao phó, và thuộc top 15 NHTM có lợi nhuận cao nhất hệ thống. Mặc dù quy mô tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và LNTT của LienVietPostBank xếp thứ 13 nhưng biên lợi nhuận ròng NIM của LienVietPostBank đứng thứ 11 trong hệ thống NHTM, ở mức 3,53% tính đến cuối năm 2021. Bên cạnh đó, tỷ lệ nợ xấu (NPL) chỉ chiếm 1,37% là một trong số 10 NHTM niêm yết có tỷ lệ thấp nhất toàn hệ thống. Điều này chứng tỏ tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro và chất lượng tài sản của Ngân hàng.

Biểu đồ 2: TTS của 27 NHTM niêm yết/Upcom, không tính Agribank



Nguồn: BCTC của các ngân hàng.

Ghi chú: Tên của các ngân hàng so sánh được viết tắt theo mã chứng khoán niêm yết của các ngân hàng đó

Tỷ lệ an toàn vốn:

So với nhóm các NHTM tư nhân trong nhóm quy mô TTS từ 200.000 tỷ VND tới 500.000 tỷ VND thì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của LPB ở mức trung bình. Kết thúc năm 2021, tỷ lệ CAR của LienVietPostBank đạt 11,26% tăng đáng kể so với năm 2020 và đứng thứ 6 trong hệ thống NHTM. Bên cạnh đó, điểm đáng ghi nhận là LienVietPostBank là một trong số ít các NHTM hoàn thành đầy đủ 03 trụ cột của Basel II trước thời hạn trong năm 2020 và dự kiến hoàn thiện tiêu chuẩn Basel III trong năm 2022.

Bảng 20: Vị thế của LienVietPostBank trong ngành

Đơn vị: tỷ Đồng

STT	Các NHTM	TTS 2021	Vốn CSH 2021	LNTT 2021	NIM 2021	NPL 2021	CAR 2021
1	BID	1.761.939	86.367	13.602	2,92%	0,98%	9,00%
2	CTG	1.531.468	93.653	17.589	3,02%	1,26%	8,52%
3	VCB	1.414.765	111.171	27.376	3,17%	0,64%	9,47%

4	MBB	607.140	62.486	16.527	5,09%	0,90%	11,20%
5	TCB	568.811	93.056	23.238	5,79%	0,66%	15,00%
6	VPB	547.626	86.451	14.580	7,70%	4,47%	14,27%
7	ACB	527.770	44.901	11.998	4,09%	0,77%	10,41%
8	STB	521.196	34.261	4.400	2,60%	1,47%	9,75%
9	SHB	506.556	35.676	6.224	3,69%	1,43%	11,60%
10	HDB	374.612	30.790	8.070	4,44%	1,65%	14,00%
11	VIB	309.517	24.291	8.011	4,38%	2,32%	11,00%
12	TPB	292.827	25.988	6.038	4,32%	0,82%	14,00%
13	LPB	289.194	16.802	3.638	3,53%	1,37%	11,26%

Nguồn: Tổng hợp từ các BCTC và báo cáo thường niên của các ngân hàng

Vị thế của LienVietPostBank theo đánh giá của tổ chức Moody's Investors Service (Moody's)

Theo công bố mới nhất vào ngày 31/05/2021 của tổ chức đánh giá tín nhiệm quốc tế Moody's, LienVietPostBank được đánh giá như sau:

STT	Tiêu chí	Xếp hạng
1	Rủi ro đối tác dài hạn (bằng ngoại tệ)	B1
2	Rủi ro đối tác dài hạn (bằng nội tệ)	B1
3	Rủi ro đối tác ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	NP
4	Rủi ro đối tác ngắn hạn (bằng nội tệ)	NP
5	Tiền gửi dài hạn (bằng ngoại tệ)	B1
6	Tiền gửi dài hạn (bằng nội tệ)	B1
7	Tiền gửi ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	NP
8	Tiền gửi ngắn hạn (bằng nội tệ)	NP
9	Đánh giá rủi ro đối tác dài hạn	B1(cr)
10	Đánh giá rủi ro đối tác ngắn hạn	NP(cr)
11	Nhà phát hành dài hạn (bằng ngoại tệ)	B1
12	Nhà phát hành dài hạn (bằng nội tệ)	B1
13	Nhà phát hành ngắn hạn (bằng ngoại tệ)	NP
14	Nhà phát hành ngắn hạn (bằng nội tệ)	NP
15	Đánh giá tín dụng cơ sở	b2

16	Đánh giá tín dụng cơ sở điều chỉnh	b2
----	------------------------------------	----

Nguồn: Moody's

8.2. Triển vọng phát triển ngành ngân hàng

Kinh tế tăng trưởng hồi phục kéo tăng trưởng ngành ngân hàng

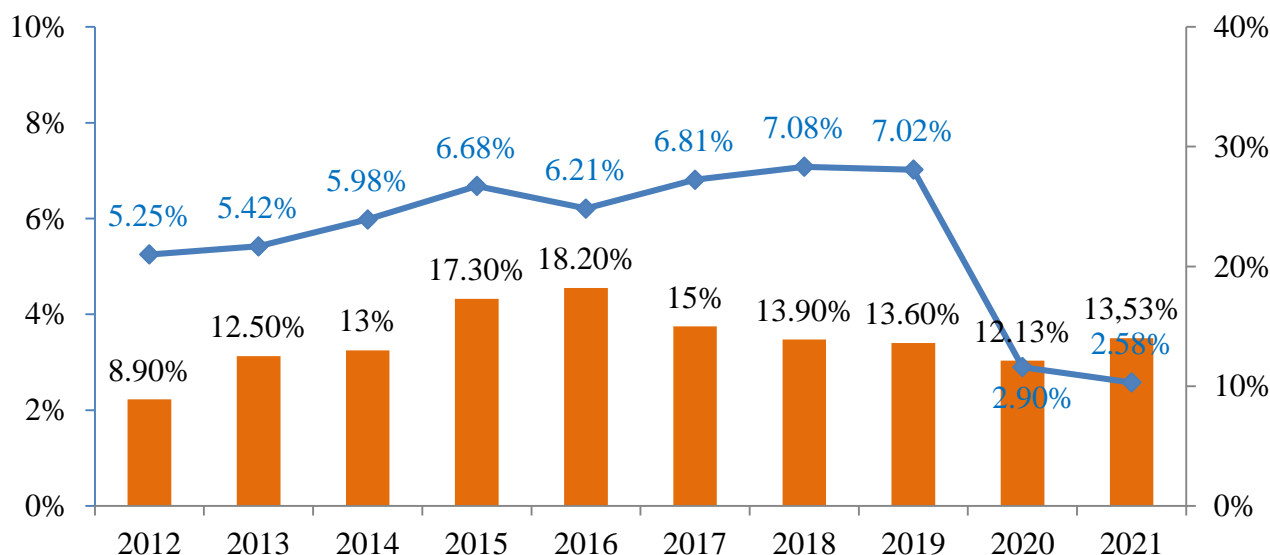
Đại dịch Covid-19 xuất hiện cuối năm 2019 và đầu năm 2020 đã làm gián đoạn hoạt động kinh doanh ở nhiều lĩnh vực khác nhau trong hơn 2 năm qua, bao gồm xuất nhập khẩu, du lịch, khách sạn, công nghiệp, dịch vụ, giáo dục, giao thông vận tải, bán lẻ và nông nghiệp. Sự đóng cửa tạm thời của các doanh nghiệp và các nền kinh tế lớn dẫn đến gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh toàn cầu, ảnh hưởng lớn đến tình hình kinh tế của toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Sự gián đoạn này đã gây ra sự sụt giảm về nhu cầu tín dụng và gia tăng rủi ro nợ xấu trên toàn hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, năm 2022, khi tỷ lệ tiêm vắc xin kì vọng đạt mức trên 70%, cùng với chính sách “sống chung với Covid” thì nền kinh tế Việt Nam sẽ hồi phục và tăng trưởng từ 6,5% đến 7% theo dự báo của nhiều tổ chức tài chính quốc tế và Chính phủ Việt Nam. Một số động lực tăng trưởng chính trong năm 2022 bao gồm: (i) Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) kì vọng tăng trưởng trở lại khi dịch được kiểm soát, khi Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của làn sóng FDI toàn cầu bởi những cam kết thu hút đầu tư nước ngoài ổn định; (ii) các gói kích thích nền kinh tế được Chính phủ và Quốc hội thúc đẩy và triển khai, hoạt động đầu tư công được đẩy mạnh làm tăng động lực chi tiêu lên toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh khác; (iii) thương mại toàn cầu được cải thiện sẽ hỗ trợ hoạt động xuất khẩu của Việt Nam; và (iv) Thặng dư cán cân thanh toán và linh động trong chính sách ngoại hối của NHNN tiếp tục hỗ trợ VND trong trung hạn. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ kinh tế, duy trì mặt bằng cho vay thấp, ổn định vĩ mô, và việc thúc đẩy chuyển đổi số chính phủ và doanh nghiệp đóng vai trò rất quan trọng trong sự hồi phục của nền kinh tế.

Ngành ngân hàng tiếp tục duy trì sự tăng trưởng

Nhận thấy tác động không nhỏ của đại dịch Covid-19 tới nền kinh tế Việt Nam, Chính phủ, NHNN và toàn ngành ngân hàng đã vào cuộc rất sớm, chủ động, linh hoạt với nhiều biện pháp như giảm lãi suất điều hành để hỗ trợ giảm chi phí vay vốn của người dân và doanh nghiệp, điều hành linh hoạt và đồng bộ các công cụ thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát, đảm bảo thanh khoản cho nền kinh tế, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nói chung và tín dụng nói riêng. Ngoài ra, hàng loạt các chương trình tín dụng hỗ trợ người dân và doanh nghiệp được đưa ra, các thủ tục vay vốn, thủ tục hành chính được đơn giản hóa nhằm tăng cường khả năng tiếp cận vốn của người dân và doanh nghiệp. Việc NHNN ban hành kịp thời Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid – 19 và các thông tư, văn bản sửa đổi, bổ sung trong từng thời điểm thực tế trong năm 2021, đã giúp các doanh nghiệp bù đắp được một phần nào đó thiệt hại gây ra bởi dịch bệnh Covid-19 đồng thời giúp doanh nghiệp tồn tại vượt qua dịch bệnh tăng khả năng vực dậy sau khi hết dịch.

Dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2022 của Việt Nam sẽ đạt khoảng 14%, không thấp hơn so với mức 13,53% của năm 2020.

Hình 5: Tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng GDP qua các năm



(Nguồn: GSO và WorldBank)

Theo chủ trương của NHNN, năm 2022, tín dụng sẽ được tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Trong đó, NHNN cũng vẫn chủ trương sẽ điều hành lãi suất theo diễn biến thị trường, cân đối với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, lạm phát và mục tiêu của chính sách tiền tệ.

Một số động lực thúc đẩy triển vọng ngành ngân hàng trong những năm tới:

- (i) Định hướng tăng trưởng quy mô vươn tầm thế giới và tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng

Theo Quyết định số 986/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 08/08/2018 về Chiến lược phát triển ngành ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đưa ra chỉ tiêu phấn đấu tới cuối năm 2025, có ít nhất từ 2 - 3 ngân hàng thương mại nằm trong top 100 ngân hàng lớn nhất (về tổng tài sản) trong khu vực Châu Á và 3 - 5 ngân hàng niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài; tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của các NHTM lên khoảng 16% - 17%. Nhằm thực hiện mục tiêu và chiến lược này, trong các năm qua, các NHTM đã có những chuyển hướng mạnh mẽ trong quy mô tổng tài sản (nhờ tăng trưởng lợi nhuận) và cơ cấu hoạt động bằng việc đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ, hạn chế sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng, giảm thiểu những tác động tiêu cực của nền kinh tế. Cơ cấu thu nhập chuyển dịch sang hướng bền vững hơn khi các nguồn thu của ngân hàng trở nên đa dạng hơn với kinh doanh nguồn vốn, doanh thu thẻ, bảo hiểm, thanh toán, kinh doanh giấy tờ có giá, tư vấn giải pháp kinh doanh, tư vấn quản lý tài sản (wealth management) kinh doanh ngoại tệ...

Trong 03 năm qua, tỷ lệ thu nhập lãi thuần/tổng thu nhập hoạt động (NII/TOI) của các ngân hàng ngày càng có xu hướng giảm dần rõ rệt.

(ii) Ứng dụng chuyển đổi số sẽ tạo ra bước phát triển đột phá cho hoạt động kinh doanh ngân hàng

Cùng với sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (được gọi là công nghiệp 4.0), với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật (IOT – Internet of Things), nền kinh tế nhân loại đang bước sang một giai đoạn phát triển mới và ngân hàng là một trong những ngành nghề đầu tiên “phải” chuyển đổi để thích ứng và đột phá trong cách thức vận hành và hoạt động kinh doanh. Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ ngân hàng hiện đại như ngân hàng số, internet banking, mobile banking, ví điện tử, liên kết thanh toán với các trang thương mại điện tử, các công ty cung ứng dịch vụ thanh toán..., các công ty fintech, số hóa toàn bộ việc thanh toán... góp phần tạo ra doanh thu dịch vụ (phi tín dụng) cho ngân hàng, quyết định vị thế, tính cạnh tranh và phát triển bền vững của hoạt động ngân hàng ngày nay.

Đi đầu trong xu hướng số hóa cũng chính là những ngân hàng có tỷ lệ CASA cao trong hệ thống như Techcombank, Vietcombank, MB Bank, Vietinbank, ACB, TP Bank... Với tỷ lệ CASA cao sẽ giúp ngân hàng có chi phí vốn thấp, tăng khả năng cạnh tranh và thị phần, biên lợi nhuận cao hơn và có dư địa phát triển nhiều sản phẩm mới, giảm thiểu rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng, từ đó tăng sức bật lợi nhuận toàn hệ thống.

(iii) Chính sách tiền tệ linh hoạt

Chính sách tiền tệ của NHNN hướng đến mục tiêu ưu tiên cao nhất là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, góp phần giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả huy động và phân bổ nguồn vốn trong nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững; tăng tính độc lập của NHNN trong điều hành chính sách tiền tệ.

Điều hành chính sách tiền tệ chuyển dần từ điều hành theo khối lượng tiền sang chủ yếu điều hành theo giá; sử dụng công cụ gián tiếp, tiến tới dỡ bỏ dần các biện pháp hành chính về lãi suất khi điều kiện cho phép; tiếp tục điều hành nghiệp vụ thị trường mở theo hướng là công cụ chủ yếu điều tiết vốn khả dụng của các tổ chức tín dụng, nhằm đạt được mục tiêu chính sách tiền tệ trong từng thời kỳ.

Minh chứng cho điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt này đã được NHNN thể hiện rất rõ qua 02 năm bùng phát của dịch Covid-19, NHNN đã luôn theo sát diễn biến của nền kinh tế để có những điều chỉnh kịp thời trong các biện pháp nhằm ổn định mặt bằng lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát, tạo điều kiện giảm chi phí vay vốn cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế.

8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Để có thể vươn lên nhóm dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam, rút ngắn khoảng cách về quy mô với các ngân hàng thương mại có vốn Nhà nước, LienVietPostBank liên

tục thiết lập và thực thi các kế hoạch phát triển tận dụng lợi thế, đặc thù riêng để đạt mục tiêu tăng trưởng mạnh về tổng tài sản, lợi nhuận, huy động vốn và dư nợ tín dụng... Đồng thời, LienVietPostBank cũng chú trọng các vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động ngân hàng thông qua công tác quản trị cũng như điều hành hệ thống theo các chuẩn mực quốc tế, hướng đến mô hình hoạt động hiện đại, cạnh tranh, bền vững.

Mặt khác, LienVietPostBank định hướng xây dựng một thương hiệu mạnh trên cơ sở phát huy nội lực, hoạt động minh bạch và gắn xã hội trong kinh doanh. Ngân hàng luôn đề cao tính minh bạch trong hoạt động nhằm xây dựng và củng cố niềm tin từ khách hàng và cổ đông, làm tiền đề cho sự phát triển trong tương lai. Từng bước, LienVietPostBank đã và đang xây dựng nền tảng, định hướng, chiến lược tương thích với xu hướng phát triển chung của ngành, sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Ngân hàng

Ngân hàng Bưu điện Liên Việt luôn xem nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá của Ngân hàng. Chính sách nhân sự của LienVietPostBank được xây dựng với mục đích đảm bảo nguồn nhân lực trở thành một ưu thế cạnh tranh của LienVietPostBank. Số lượng cán bộ nhân viên (CBNV) của LienVietPostBank đến thời điểm 31/03/2022 là 10.981 người. Quy mô nguồn nhân lực của LienVietPostBank được mở rộng với số lượng nhân sự tuyển dụng mới liên tục tăng qua các năm. Năm 2021, LienVietPostBank đã ghi nhận chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động của toàn hệ thống được cải thiện hơn các năm trước. Có được kết quả trên là nhờ những cải tiến trong cơ chế quản lý, đào tạo và chính sách nhân sự thông qua việc triển khai cơ chế tính lương KPIs tại các Đơn vị kinh doanh và Bộ tiêu chuẩn cam kết chất lượng dịch vụ SLA tại Hội sở.

Tại ngày 31/03/2022 số lượng CBNV của LienVietPostBank là 10.981 người, cụ thể:

Bảng 21: Số lượng lao động tại ngày 31/03/2022

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ
I. Phân theo giới tính	10.981	100%
Nam	5.653	51,48%
Nữ	5.328	48,52%
II. Phân loại theo trình độ	10.981	100%
Tiến sĩ	1	0,01%
Thạc sĩ	407	3,71%
Đại học	7.759	70,66%
Cao đẳng	926	8,43%
Trung cấp	282	2,57%
Trung học phổ thông trở xuống	1.606	14,63%
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	10.981	100%
Cán bộ quản lý	1.420	12,93%
Chuyên viên/Nhân viên	9.561	87,07%

(Nguồn: LienVietPostBank)

9.2. Chính sách đối với người lao động

Các chế độ, chính sách nhân sự được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản trị nhân sự và phù hợp với xu hướng của ngành ngân hàng và của thị trường. Bên cạnh việc duy trì các chính sách phúc lợi hàng năm cho CBNV như: Bảo hiểm tai nạn sức khỏe, bảo hiểm xã hội, khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Năm 2021, Ngân hàng cũng đã kịp thời xây dựng chính sách, chế độ hỗ trợ đối với CBNV bị ảnh hưởng bởi dịch Covid19, tiếp tục khẳng định và hiện thực hóa quan điểm chiến lược coi con người là nguồn vốn tài sản quý giá nhất cần được bảo tồn và phát triển của LienVietPostBank.

Nhằm tri ân, ghi nhận những đóng góp, cống hiến của CBNV đối với sự phát triển của LienVietPostBank cũng như thu hút và giữ chân những cán bộ chủ chốt giỏi, giàu năng lực, năm 2021 Ngân hàng đã triển khai chương trình ESOP phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trên toàn hệ thống. Chương trình ESOP được triển khai theo đúng kế hoạch cũng đã bổ sung thêm nguồn huy động vốn để LienVietPostBank thực hiện mục tiêu tăng trưởng quy mô, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng trong tương lai theo định hướng chiến lược HĐQT đã đề ra.

- ☺ Chính sách tuyển dụng của LienVietPostBank ngày càng được hoàn thiện, hàng năm thu hút được nhiều ứng viên trẻ, có chất lượng, được đào tạo, góp phần trẻ hóa đội ngũ nhân sự.
- ☺ Nhằm thực hiện mục tiêu hiện đại hóa công tác quản trị nhân sự của Ngân hàng, chuyển dần công tác Quản trị nhân sự của Ngân hàng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại theo chuẩn quốc tế, LienVietPostBank đã ứng dụng công nghệ trong công tác quản trị nhân sự bằng việc triển khai sử dụng phần mềm People Soft (Phần mềm Quản trị nhân sự hàng đầu của Oracle) cho các Đơn vị trên toàn hệ thống.
- ☺ Chính sách đào tạo của LienVietPostBank được xây dựng như một phần của chế độ đãi ngộ nhằm giữ chân CBNV của Ngân hàng. Bên cạnh việc tăng cường triển khai các chương trình đào tạo mang tính thường xuyên như đào tạo tân tuyển, đào tạo chuyên sâu về kỹ năng, nghiệp vụ thì công tác đào tạo tại LienVietPostBank đặc biệt chú trọng tới đội ngũ cán bộ nguồn cho các vị trí quản lý nhằm nâng cao năng lực điều hành hiệu quả hoạt động kinh doanh và đội ngũ bán hàng trực tiếp.
- ☺ Cùng với việc tăng cường ứng dụng hình thức đào tạo trực tuyến (E-Learning) trong tình hình dịch bệnh Covid diễn ra phức tạp, LienVietPostBank đang tích cực xây dựng tài nguyên các bài giảng số hóa nhằm không ngừng nâng cao chất lượng bài giảng, đồng bộ kiến thức tới toàn bộ CBNV trên toàn hệ thống.

10. Chính sách cổ tức và chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

10.1. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của LienVietPostBank được quy định tại Điều lệ của LienVietPostBank, cụ thể dựa trên các yếu tố sau:

- Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng trong thời gian tới;
- Quyết định của ĐHCĐ thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức.

Bảng 22: Tình hình chi trả cổ tức của LienVietPostBank giai đoạn 2015 - 2020

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức/ mệnh giá cổ phần	Ghi chú
2015	4,5%	Bằng tiền mặt
2016	10%	4% bằng tiền mặt và 6% bằng cổ phiếu
2017	15%	10% bằng tiền mặt và 5% bằng cổ phiếu
2018	10%	9,278% bằng cổ phiếu và 0,713% bằng cổ phiếu thưởng
2019	10%	Bằng cổ phiếu
2020	12%	Bằng cổ phiếu

Nguồn: LienVietPostBank

10.2. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

❖ Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu

Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN và/hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng quy mô vốn hoạt động, tùy từng thời điểm LienVietPostBank có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

❖ Thứ tự ưu tiên thanh toán

Các Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Nguyên tắc hạch toán kế toán

LienVietPostBank thiết lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các TCTD do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Những nguyên tắc chính:

- Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính của Ngân hàng là đồng Việt nam (“VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”), trừ chỉ tiêu về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày đến hàng đơn vị. Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ;
- Các nghiệp vụ bằng tiền ngoại tệ: Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của Ngân hàng tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán (“tỷ giá giao ngay”), nếu tỷ giá này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán. Trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán thì Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ kế toán để quy đổi. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản thu nhập và chi phí bằng tiền tệ khác VND của Ngân hàng được quy đổi sang VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ khác VND sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vào cuối kỳ kế toán năm.

Dự phòng rủi ro tín dụng

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021: Theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân

hàng nước ngoài (“**Thông tư 02**”), dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm. Dự phòng rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ tại ngày 31 tháng 12.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021: Theo quy định của Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 của NHNN (“**Thông tư 11**”) về thay thế Thông tư 02, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Ngoài ra, Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu thời hạn, miễn, giảm lãi theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13/03/2020 về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 (“**Thông tư 01**”), Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/04/2021 về sửa đổi, bổ sung Thông tư 01 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 07/09/2021 về sửa đổi bổ sung Thông tư 01) như sau:

Dự phòng bổ sung từng giai đoạn	Thời hạn
Tối thiểu 30% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Thông tư 11 và các nguyên tắc sau:

- Tài sản bảo đảm có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là bên có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng và tài sản bảo đảm có giá trị từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá; và

- Đối với các trường hợp khác các trường hợp nêu trên, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.
- Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định của Thông tư 11 thì giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm đó phải coi bằng 0 (không).

Tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với các tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản bảo đảm	Tỷ lệ khấu trừ tối đa
(a) Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng Đồng Việt Nam tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	100%
(b) Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng, chứng chỉ tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ tại chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	95%
(c) Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá do chính tổ chức tín dụng phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Có thời hạn còn lại dưới 1 năm ▪ Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm ▪ Có thời hạn còn lại trên 5 năm 	95% 85% 80%
(d) Chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	70%
(e) Chứng khoán do doanh nghiệp (trừ tổ chức tín dụng) phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	65%
(f) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	50%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do tổ chức tín dụng không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	30%

(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành;	30%
Chứng khoán chưa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giấy tờ có giá do doanh nghiệp không có đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán phát hành	10%
(h) Bất động sản	50%
(i) Các loại tài sản bảo đảm khác	30%

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác. Dự phòng rủi ro tín dụng chung tại ngày 31 tháng 12 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ tại ngày 31 tháng 12.

Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021

Theo Thông tư 11, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác, khoản mua giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng khác phát hành, khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Chứng khoán kinh doanh:

Là chứng khoán Nợ hoặc chứng khoán Vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn. Ngân hàng ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào ngày Ngân hàng trở thành một bên đối tác của Hợp đồng cung cấp các chứng khoán này (kế toán theo ngày giao dịch)

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh.

Chứng khoán đầu tư: chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Trái phiếu đặc biệt do Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)

phát hành: là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Định kỳ, Ngân hàng sẽ tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành để mua nợ xấu của TCTD. Đối với trái phiếu đặc biệt có kỳ hạn từ 5 năm và dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập mỗi năm là khoản chênh lệch dương giữa (Mệnh giá của Trái phiếu đặc biệt chia kỳ hạn của trái phiếu đó nhân với số năm lũy kế kể từ thời điểm phát hành) trừ (tổng số tiền thu hồi nợ lũy kế của khoản nợ xấu tính đến thời điểm trích lập và số tiền dự phòng

cụ thể lũy kế đã trích lập tính đến thời điểm trích lập liền trước đó của trái phiếu đó). Ngân hàng không trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu đặc biệt.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại: được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích BCTC và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

❖ ***Trích khấu hao tài sản***

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Bảng 23: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa	6-50 năm
Máy móc thiết bị	3-7 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Tài sản cố định khác	3-5 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, nhượng bán và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí nhượng bán, thanh lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí phát sinh để đảm bảo quyền sử dụng đất. Giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời gian được khấu hao theo thời gian sử dụng đất.

Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý, nhượng bán và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí nhượng bán, thanh lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

❖ ***Trích lập các quỹ***

Theo Nghị định 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 về chế độ tài chính đối với các TCTD, Ngân hàng phải trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

Bảng 24: Trích lập các quỹ

Loại	Tỷ lệ phần trăm của LNST	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% LNST	100% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% LNST	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được ĐHĐCĐ phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và chủ yếu được dùng để chi trả cho cán bộ, công nhân viên của Ngân hàng. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được ghi nhận là khoản nợ phải trả.

❖ **Thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước**

Bảng 25: Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 31/12/2021	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 31/03/2022
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế giá trị gia tăng	17.831	19.870	31.065	6.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	185.000	374.628	200.528	359.100
Các loại thuế khác	27.856	85.137	105.254	7.739
Tổng	230.687	480.830	338.042	373.475

Nguồn: BCTC Quý I năm 2022 của LienVietPostBank

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 26: Một số chỉ tiêu hoạt động của Ngân hàng từ 2020 đến Quý I năm 2022

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2020	31/12/2021	31/03/2022
1. Chỉ tiêu về vốn				

Vốn điều lệ	tỷ Đồng	10.746	12.036	12.036
Tổng tài sản có	tỷ Đồng	242.343	289.194	284.918
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) (*)	%	10,81	11,26	12,70
2. Kết quả hoạt động kinh doanh				
Huy động khách hàng	tỷ Đồng	206.777	217.014	216.348
Dư nợ cho vay khách hàng	tỷ Đồng	176.622	208.954	207.749
Doanh số thu nợ khách hàng (**)	tỷ Đồng	129.436	169.979	56.191
Nợ quá hạn	tỷ Đồng	3.844	4.864	5.103
Nợ khó đòi	tỷ Đồng	2.527	2.863	2.953
Hệ số sử dụng vốn (tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn) (***)	%	28,18	29,38	24,60
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	%	0	0	0
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ	%	2,18	2,33	2,46
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ	%	1,43	1,37	1,42
3. Khả năng thanh toán				
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	14,79	11,54	10,88
Tỷ lệ dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi (LDR)	%	79,48	79,99	83,40

Nguồn: LienVietPostBank

Lưu ý:

(*) Chỉ tiêu nêu này được LienVietPostBank áp dụng theo quy định Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 do NHNN ban hành quy định về tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định, hướng dẫn hiện hành của NHNN.

(**) Doanh số thu nợ khách hàng là giá trị các khoản vay đáo hạn, nợ quá hạn thu hồi được từ đầu kỳ đến thời điểm báo cáo; bao gồm cho vay, thẻ và trái phiếu doanh nghiệp.

(***) Các tỷ lệ về khả năng thanh khoản của LienVietPostBank được thực hiện theo quy định và hướng dẫn của NHNN tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 và chỉ được tính số liệu Công ty mẹ.

12. Thông tin thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên HĐQT

Bảng 27: Danh sách Hội Đồng Quản Trị tại ngày 28/03/2022

STT	Họ và tên	Chức vụ
-----	-----------	---------

1	Huỳnh Ngọc Huy	Chủ tịch HĐQT
2	Phạm Doãn Sơn	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Dương Công Toàn	Phó Chủ tịch HĐQT
4	Nguyễn Đức Thụy	Phó Chủ tịch HĐQT
5	Lê Hồng Phong	Thành viên HĐQT
6	Dương Hoài Liên	Thành viên HĐQT độc lập

Nguồn: LienVietPostBank

Thông tin chi tiết của từng thành viên HĐQT như sau:

12.1.1. Ông Huỳnh Ngọc Huy – Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam/Canada
- Số CMND/CCCD: 024875690
- Năm sinh: 1966
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1989 - 1994	Sĩ quan máy 2	Công ty Seaprodex TP. Hồ Chí Minh
1998 - 2001	Lập trình viên	Làm việc cho hãng Nortel, Ottawa, Canada
2002 - 2005	Quản lý	Làm việc cho hãng Logical Software, Ottawa, Canada
2006 - 2007	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn
2006 - 2008	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Miền Tây
2008 - 2010	Tổng Giám đốc	Khu Công nghiệp Đại Đồng - Hoàng Sơn (Bắc Ninh)
2010 - 2014	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt
2010 - 2015	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Liên Việt Holdings (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Liên Việt)
2015 - 2018	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn Liên Việt
2016 - 03/2018	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2016 - Nay	Tổng Thư ký	Hiệp hội Mác-ca Việt Nam
03/2018 - 12/2019	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
12/2019 - Nay	Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Tổng Thư ký Hiệp hội Mác-ca Việt Nam
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 107.792 cổ phần, tương ứng 0,009% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.1.2. Ông Phạm Doãn Sơn - Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001067031094
- Năm sinh: 1967
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1990 - 1994	Cán bộ	Công ty Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội
1994 - 2001	Kiểm toán viên Kiểm toán Doanh nghiệp Nhà nước	Kiểm toán Nhà nước
2001 - 2004	Phó Trưởng phòng thuộc Kiểm toán Doanh nghiệp Nhà nước	Kiểm toán Nhà nước
2004 - 2008	Trưởng phòng thuộc Kiểm toán các Tổ chức Tài chính – Ngân hàng	Kiểm toán Nhà nước
2008 - 04/2012	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
04/2012 - 01/2016	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
01/2016 - 04/2017	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
04/2017 - 06/2017	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
06/2017 - Nay	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 22.875.754 cổ phần, tương ứng 1,9% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 484.464 cổ phần, tương ứng 0,039% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.1.3. Ông Dương Công Toàn - Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 027079002724
- Năm sinh: 1979
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2005 - 2008	Trợ lý Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Him Lam
04/2008 - 06/2009	Phó chánh Văn phòng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
06/2009 - 07/2011	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt) - Chi nhánh Chợ Lớn
07/2011 - 03/2012	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Chợ Lớn
04/2012 - 12/2013	Phó Giám đốc Chi nhánh Chợ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt -

	Lớn kiêm Giám đốc PGD An Đông	Chi nhánh Chợ Lớn - PGD An Đông
01/2014 - 01/2015	Giám đốc Chi nhánh	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Chợ Lớn
01/2015 - 03/2018	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Đông Nam Bộ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
03/2018 - 03/2019	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Đông Nam Bộ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
04/2019 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 158.117 cổ phần, tương ứng 0,013% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 13.244.979 cổ phần, tương ứng 1,069% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.1.4. Ông Nguyễn Đức Thụy - Phó Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 013125555
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
07/2003 - 08/2005	Chủ tịch HĐQTV	Công ty TNHH Mỹ Hạnh
12/2004 - 12/2009	Chủ tịch HĐQTV	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Xuân Thái
09/2007 - 04/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần - Tập đoàn Thaingroup
03/2011 - 02/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Thaiholdings

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
07/2011 - 10/2019	Phó Giám đốc Ban Tài chính - Kế toán	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Xuân Thành
04/2012 - 04/2014	Chủ tịch HĐQT và đại diện theo pháp luật	Công ty Cổ phần Chứng khoán Xuân Thành (VIX)
01/2016 - 05/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên
05/2017 - 11/2020	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Enclave Phú Quốc
05/2021 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 34.244.089 cổ phần, tương ứng 2,76% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 92 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.1.5. Ông Lê Hồng Phong - Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001062007494
- Năm sinh: 1962
- Trình độ học vấn: Tiến sỹ
- Năng lực chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/1996 - 01/1997	Trưởng phòng Thanh toán Quốc tế	Ngân hàng Nông nghiệp, Chi nhánh Hà Nội
02/1997 - 03/2000	Phó Giám đốc	Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Láng Hạ
04/2000 - 02/2003	Giám đốc	Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Láng Hạ
03/2003 - 06/2009	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam
07/2009 - 01/2010	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là

		Ngân hàng TMCP Liên Việt)
02/2010 - 03/2012	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
03/2012 - Nay	Thành viên HĐQT	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 91.825 cổ phần, tương ứng 0,007% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.1.6. Bà Dương Hoài Liên - Thành viên HĐQT độc lập

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001181004188
- Năm sinh: 1981
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2004 - 2005	Cán bộ tín dụng	Ngân hàng VIB - Sở Giao dịch
2005 - 2007	Cán bộ tín dụng	Sacombank - Chi nhánh Hà Nội
2007 - 2009	Cán bộ tái thẩm định	Sacombank - Hội sở
2009 - 2010	Trưởng phòng	Sacombank - PGD Hà Tây
2010 - 2014	Trưởng phòng Kinh doanh	Sacombank - Chi nhánh Đống Đa
2014 - 2015	Trưởng phòng Kinh doanh	Sacombank - Chi nhánh 8/3 Hà Nội
2015 - 02/2018	Phó Giám đốc Chi nhánh	Sacombank - Chi nhánh 8/3 Hà Nội
03/2018 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT độc lập
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 134.545 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.2. Danh Sách BKS

Bảng 28: Danh sách thành viên BKS tại ngày 28/03/2022

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Thanh Tùng	Trưởng BKS
2	Phùng Thế Việt	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên BKS

Thông tin chi tiết của từng thành viên như sau:

12.2.1. Ông Trần Thanh Tùng – Trưởng BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 013250639
- Năm sinh: 1967
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1992 - 2004	Cán bộ	Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai
2005 - 2007	Cán bộ	Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Cầu Giấy, Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Long Biên
2008 - 04/2017	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
04/2017 - Nay	Trưởng BKS	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban Kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 99.444 cổ phần, tương ứng 0,008% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.2.2. Ông Phùng Thế Việt – Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001089016445
- Năm sinh: 1989
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
11/2013 - 03/2017	Cán bộ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long
04/2017 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 8.323 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.2.3. Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thành viên BKS

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001158012280
- Năm sinh: 1958
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1979 - 1981	Giáo viên Toán	Trường Văn hoá, Bộ Nội thương
1981 - 1985	Sinh viên	Đại học Thương nghiệp
1986 - 1987	Nhân viên	Tổng cục Hải quan

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1987 - 03/2013	Chi cục trưởng	Chi cục Hải quan Quản lý hàng đầu tư gia công - Cục Hải quan TP. Hà Nội - Tổng cục Hải quan
03/2013 - Nay	Thành viên BKS	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Thành viên BKS
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 28.435 cổ phần, tương ứng 0,002% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Thù lao nhận theo quyết định của ĐHĐCĐ
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3. Danh sách ban TGD Và Kế toán trưởng

Bảng 29: Danh sách Ban TGD tại ngày 28/03/2022

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phạm Doãn Sơn	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Hồ Nam Tiến	Phó Tổng Giám đốc thường trực
3	Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
4	Bùi Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc
5	Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
6	Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
8	Nguyễn Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc
9	Kim Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
10	Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
11	Lê Thị Thanh Nga	Phó Tổng Giám đốc
12	Vũ Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc
13	Nguyễn Quý Chiến	Phó Tổng Giám đốc

14	Hoàng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc
15	Lê Anh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin chi tiết của từng thành viên Ban TGD

12.3.1. Ông Phạm Doãn Sơn - Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Xem tại thông tin Thành viên HĐQT

12.3.2. Ông Hồ Nam Tiến - Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 031071006929
- Năm sinh: 1971
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
06/1993 - 09/1995	Cán bộ Phòng Tín dụng đầu tư	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
09/1999 - 06/2001	Phó Phòng Pháp chế	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
01/2002 - 03/2005	Phó phòng Tín dụng, Phó Giám đốc, Giám đốc Chi nhánh Cầu Giấy	Ngân hàng TMCP Quốc tế
04/2005 - 07/2005	Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Nông thôn Hải Hưng
08/2005 - 09/2007	Giám đốc Chi nhánh Thăng Long	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
10/2007 - 03/2009	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Thăng Long	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
04/2009 - 10/2009	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Ngân hàng cá nhân	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
11/2009 - 07/2010	Giám đốc Khối Ngân hàng Cá nhân, Trung tâm dịch vụ kiều hối Western Union, Trung tâm thẻ	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
08/2010 - 07/2020	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Thẩm định, Giám đốc Chi nhánh Thăng Long, Giám đốc Khối Kiểm toán Nội bộ, Giám đốc Khối Thẩm	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	định	
07/2020 - Nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Thẩm định	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Thẩm định
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 106.935 cổ phần, tương ứng 0,009% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.3. Bà Nguyễn Thị Gấm - Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 036170009096
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Kiểm soát
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1995 - 2000	Kế toán trưởng	Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội
2001 - 2003	Kiểm toán trưởng	Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội
2003 - 2007	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Hành chính Nhân sự	Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội
2008 - 02/2010	Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
02/2010 - 07/2011	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính, Kế	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)

	toán trưởng	
07/2011 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính, Kế toán trưởng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tài chính, Kế toán trưởng
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 13.392 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 66.411 cổ phần, tương ứng 0,005% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.4. Ông Bùi Thái Hà - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001076002576
- Năm sinh: 1976
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
01/1994 - 01/2007	Phó Giám đốc	Công ty TNHH TM & KT ALPHA
01/2007 - 01/2009	Cán bộ kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Hà Nội
01/2009 - 11/2011	Trưởng Phòng Kinh doanh	Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Thanh Xuân
11/2011 - 05/2013	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD Thanh Nhàn
05/2013 - 05/2013	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long
06/2013 - 06/2014	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long
06/2014 - 06/2014	Giám đốc Khối Pháp chế, Quản lý	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	rủi ro và Phòng, chống rửa tiền	Việt
06/2014 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Pháp chế và Quản lý Rủi ro	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Pháp chế và Quản lý Rủi ro
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 404.013 cổ phần, tương ứng 0,033% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 2.072.187 cổ phần, tương ứng 0,167% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.5. Bà Nguyễn Ánh Vân - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001172007338
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1995 - 2008	Trưởng phòng Nguồn vốn, Trưởng phòng Kiểm soát Tín dụng	Ngân hàng Thương mại Chinfon - Chi nhánh Hà Nội
03/2008 - 05/2009	Trưởng phòng Nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
05/2009 - 09/2009	Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn kiêm Trưởng phòng Nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
09/2009 - 02/2010	Giám đốc Khối Nguồn vốn kiêm Trưởng phòng Nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
02/2010 - 05/2010	Giám đốc Khối Nguồn vốn kiêm	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

	Trưởng phòng Quản lý vốn	(tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
05/2010 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 239.185 cổ phần, tương ứng 0,019% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 33.390 cổ phần, tương ứng 0,0023% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.6. Ông Vũ Quốc Khánh - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001081033446
- Năm sinh: 1981
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
2006 - 2008	Phó Trưởng phòng phụ trách Thẩm định	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Thăng Long
04/2008 - 08/2009	Phó Trưởng phòng/Trưởng phòng Tái thẩm định - Khối Quản lý Rủi ro	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
09/2009 - 02/2010	Phó Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
02/2010 - 07/2010	Phó Giám đốc Khối Thẩm định	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
07/2010 - 09/2011	Giám đốc Khối Thẩm định	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
09/2011 - 11/2012	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Thẩm định	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
11/2012 - 01/2014	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Sản phẩm	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
02/2014 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Bưu điện	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Bưu điện
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 628.888 cổ phần, tương ứng 0,051% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 5.200 cổ phần, tương ứng 0,000% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.7. Ông Nguyễn Thanh Tùng - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 350985503
- Năm sinh: 1973
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế Tài chính - Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
06/2005 - 08/2006	Trưởng phòng Tín dụng	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh An Giang
08/2006 - 11/2007	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Quốc tế Chi nhánh An Giang
02/2008 - 03/2008	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh An Giang
03/2008 - 10/2009	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Đồng Tháp
11/2009 - 10/2013	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt) - Chi nhánh An Giang

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
10/2013 - 12/2013	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Cần Thơ
12/2013 - 03/2014	Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
03/2014 - 05/2015	Phó Tổng Giám đốc phụ trách KV Tây Nam Bộ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
05/2015 - Nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách KV Tây Nam Bộ kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện Khu vực tây Nam Bộ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc phụ trách KV Tây Nam Bộ kiêm Trưởng Văn phòng Đại diện Khu vực tây Nam Bộ
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 11.384 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.8. Ông Nguyễn Quốc Thành - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 033083005999
- Năm sinh: 1983
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Công nghệ thông tin
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
10/2011 - 03/2012	Phó Giám đốc kinh doanh	Tổng Công ty Viễn thông Quân đội Viettel - Chi nhánh Cần Thơ
03/2012 - 07/2013	Học viên	Tổng Công ty Viễn thông Quân đội Viettel - Trung tâm đào tạo
08/2013 - 12/2013	Trưởng phòng Nghiên cứu thị	Tổng Công ty Viễn thông Viettel

	trường	
01/2014 - 04/2014	Phó Giám đốc Khối Dịch vụ/Trưởng phòng 3G	Tổng Công ty Viễn thông Viettel
05/2014 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Công nghệ Thông tin
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 286.798 cổ phần, tương ứng 0,023% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.9. Ông Kim Minh Tuấn - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001075001863
- Năm sinh: 1975
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
04/1999 - 10/2001	Cán bộ	Trung tâm Hỗ trợ phát triển các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, Liên minh HTX Việt Nam
11/2001 - 05/2004	Trưởng phòng HC-TH, phụ trách Kế toán	Trung tâm Hỗ trợ phát triển các Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, Liên minh HTX Việt Nam
06/2004 - 05/2005	Phó chánh văn phòng, phụ trách Kế toán	Trung tâm Khoa học Công nghệ và Môi trường, Liên minh HTX Việt Nam
06/2005 - 08/2007	Phụ trách Kế toán tổng hợp	Trung tâm Tiếp thị - Triển lãm Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

09/2007 - 02/2008	Thành viên	Ban trụ bị thành lập Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
03/2008 - 01/2010	Phó trưởng phòng Nhân sự	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
01/2010 - 05/2010	Phó trưởng phòng Tài chính	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
05/2010 - 09/2012	Phó Giám đốc Khối Tài chính kiêm Trưởng phòng Thống kê và Quản lý Tài sản Nợ - Có	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
10/2012 - 09/2014	Giám đốc PGD Hà Đông	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
10/2014 - 04/2018	Phó Tổng Giám đốc Kiêm Giám đốc Khối Nhân sự	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
04/2018 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Kiêm Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân lực	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc Kiêm Giám đốc Khối Quản lý Nguồn Nhân lực
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.10. Ông Nguyễn Ngọc Nam - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 200997931
- Năm sinh: 1966
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
01/1991 - 07/1995	Thư ký tòa án, Cán bộ thi hành	TAND TP. Đà Nẵng, Tỉnh Quảng Nam -

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
	án, Kế toán	Đà Nẵng (cũ)
07/1995 - 04/1997	Thẩm phán	TAND TP. Đà Nẵng, Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ)
04/1997 - 12/1998	Thẩm phán	TAND Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
01/1999 - 06/1999	Nhân viên Phòng nghiệp vụ Kinh doanh – Tổng hợp	Sở Giao dịch III, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Đà Nẵng
07/1999 - 04/2000	Phó phòng – Phòng nghiệp vụ Kinh doanh – Tổng hợp	Sở Giao dịch III, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Đà Nẵng
04/2000 - 12/2001	Phó phòng Tín dụng Hộ sản xuất	Sở Giao dịch III, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Đà Nẵng
12/2001 - 09/2002	Phó Phòng tín dụng Dân doanh	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Đà Nẵng
09/2002 - 08/2007	Trưởng phòng Phát triển dịch vụ và Chăm sóc khách hàng	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại Đà Nẵng
09/2007 - 05/2009	Giám đốc điều hành	Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng
06/2009 - 12/2009	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt) - Chi nhánh Dung Quất
12/2009 - 03/2010	Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Đà Nẵng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
03/2010 - 11/2014	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP. HCM - Chi nhánh Đà Nẵng
11/2014 - 06/2016	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực miền Trung kiêm Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
07/2016 - Nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực miền Trung	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực miền Trung
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có

- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 5.430 cổ phần, tương ứng 0,000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 9.972 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.11. Bà Lê Thị Thanh Nga - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 031180009313
- Năm sinh: 1980
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
10/2001 - 05/2003	Nhân viên	Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm Toán
06/2003 - 12/2004	Chuyên viên	Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu Thủy
01/2005 - 05/2006	Phó Phòng Kinh doanh	Công ty Tài chính Công nghiệp Tàu Thủy
06/2006 - 04/2008	Trưởng phòng Kế toán	Công ty TNHH Panasonic Electronic Devices Việt Nam
05/2008 - 08/2010	Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
09/2010 - 04/2012	Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
05/2012 - 01/2016	Trưởng Ban Kiểm soát	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/2016 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Sản phẩm	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Sản phẩm
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 122.510 cổ phần, tương ứng 0,01% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 10.188 cổ phần, tương ứng 0,001% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.12. Bà Vũ Thu Hiền - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 031170006239
- Năm sinh: 1970
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
1993 - 1998	Trưởng bộ phận Tài chính - Thương vụ	Công ty CP Container Phía Nam
1998 - 2003	Trưởng bộ phận Dịch vụ Khách hàng	Tổng Công ty Vận tải và Thuê tàu
2003 - 2009	Trưởng phòng Dịch vụ Khách hàng	Công ty 100% vốn nước ngoài APL
2009 - 2013	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông
04/2013 - 03/2014	Phó Trưởng phòng Khách hàng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long
03/2014 - 09/2014	Trưởng phòng Khách hàng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long
09/2014 - 12/2015	Phó Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long
01/2016 - 02/2019	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long
03/2019 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Chiến lược	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Chiến lược
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 68 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần

- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.13. Ông Nguyễn Quý Chiến - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 001071013013
- Năm sinh: 1971
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật và Tài chính Ngân hàng
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
03/2002 - 09/2002	Phó phòng Phụ trách PGD số 1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP. HCM
10/2002 - 01/2005	Phó Giám đốc Phụ trách	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tôn Đức Thắng
02/2005 - 06/2007	Giám đốc	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tôn Đức Thắng
07/2007 - 04/2019	Giám đốc Chi nhánh Tân Bình; Giám đốc lưu động	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
01/04/2019 - Nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Đông Nam Bộ kiêm Trưởng Văn phòng đại diện khu vực Phía Nam	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc phụ trách khu vực Đông Nam Bộ kiêm Trưởng Văn phòng đại diện khu vực Phía Nam
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 33.416 cổ phần, tương ứng 0,0028% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.14. Ông Hoàng Văn Phúc - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 013039017
- Năm sinh: 1977
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ

- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ An ninh phi truyền thống
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
02/2000 - 02/2002	Giám sát kinh doanh khu vực Hà Nội	Công ty Cổ phần thực phẩm Quốc tế (Wonderfarm)
02/2002 - 05/2004	Cán bộ Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu	Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế tỉnh Phú Thọ
05/2004 - 03/2006	Cán bộ Phòng Kinh doanh đối ngoại	Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Thọ
03/2006 - 08/2007	Chuyên viên tín dụng	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
09/2007 - 08/2008	Phó Trưởng phòng Giao dịch 06	Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội
09/2008 - 08/2009	Trưởng phòng Giao dịch 17	Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội
08/2009 - 12/2010	Trưởng phòng KHCN - Khối Ngân hàng Bán lẻ	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở
01/2011 - 08/2011	Quản lý cao cấp Phòng Tái thẩm định - Khối Quản lý rủi ro	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở
08/2011 - 12/2011	Phó Trưởng Ban Công nghệ	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
01/2012 - 05/2012	Phó Trưởng phòng Pháp chế kiêm Trưởng bộ phận Văn bản định chế	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
05/2012 - 10/2014	PGĐ Khối Quản lý Nguồn nhân lực kiêm Giám đốc Phòng Đào tạo	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
10/2014 - 10/2015	Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Khách hàng/Trưởng ban Hỗ trợ Hoạt động	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD lớn Hoàng Quốc Việt
05/2016 - 08/2017	Giám đốc Phòng Giao dịch	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - PGD lớn Sơn Tây
08/2017 - 06/2019	Giám đốc Khối Văn phòng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt
06/2019 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Văn phòng	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Văn phòng
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 42 cổ phần, tương ứng 0,000% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 3.662 cổ phần, tương ứng 0,000% vốn cổ phần

- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có

12.3.15. Ông Lê Anh Tùng - Phó Tổng Giám đốc

- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD: 012072000015
- Năm sinh: 1972
- Trình độ học vấn: Đại học
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Kinh nghiệm công tác:

Thời gian	Chức vụ	Nơi công tác
09/1993 - 12/1998	Trưởng phòng Kinh doanh	CT TNHH bao bì xuất khẩu Thành Nam
01/1999 - 12/2002	Cán bộ	Ngân hàng Phục vụ Người nghèo Việt Nam
01/2003 - 12/2007	Cán bộ	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam
01/2008 - 03/2008	Ban trụ bị	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt)
04/2008 - 04/2012	Giám đốc PGD Trần Đăng Ninh	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (tên cũ là Ngân hàng TMCP Liên Việt) - Chi nhánh Hà Nội
04/2012 - 05/2019	Phó Giám đốc Chi nhánh Đông Đô kiêm Giám đốc PGD Cầu Giấy.	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô - PGD Cầu Giấy
01/06/2019 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Giám sát kinh doanh và Xử lý nợ	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt

- Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Giám sát kinh doanh và Xử lý nợ
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Số lượng chứng khoán tại LienVietPostBank: 266.790 cổ phần, tương ứng 0,022% vốn cổ phần
- Số lượng chứng khoán của những người có liên quan tại LienVietPostBank: 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với LienVietPostBank: Hưởng lương theo quyết định của HĐQT; cổ tức nhận theo tỷ lệ sở hữu cổ phần
- Các khoản nợ đối với LienVietPostBank: Không có.

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 30: Chi tiết tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2020				31/12/2021			
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ nguyên giá
Nhà cửa	601	189	412	68,55	632	233	399	63,13
Máy móc thiết bị	673	470	203	30,16	700	529	171	24,43
Phương tiện vận tải truyền dẫn	845	424	421	49,82	885	459	426	48,14
Tài sản cố định khác	290	179	111	38,28	314	217	97	30,89
Tổng cộng	2.409	1.262	1.147	47,61	2.531	1.438	1.093	43,18

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và năm 2021 của LienVietPostBank

13.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 31: Chi tiết tài sản cố định vô hình

Đơn vị: tỷ Đồng

Tài sản	31/12/2020				31/12/2021			
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/ nguyên giá
Quyền sử dụng đất có thời hạn	373	14	360	96,51	410	17	393	95,85
Phần mềm máy vi tính	252	138	114	45,24	263	164	99	37,64
Tổng cộng	625	151	474	75,84	673	181	492	73,11

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 và năm 2021 của LienVietPostBank

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

14.1 Chỉ tiêu

Bảng 32: Kế hoạch lợi nhuận năm 2022

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022		Năm 2023
		Kế hoạch dự kiến (*)	% tăng/giảm so với năm 2021	
Doanh thu thuần (tỷ đồng) (**)	10.050	12.390	23,28%	Tại thời điểm lập Bản Cáo Bạch này, Cấp có thẩm quyền của LienVietPostBank chưa phê duyệt và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2023
LNST (tỷ đồng)	2.873	3.840	33,66%	
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	12.036	20.500	70,32%	
Tỷ lệ LNST trên Doanh thu thuần (%)	28,59	31%		
Tỷ lệ LNST trên VDL (%)	23,87	18,73		
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	15%	12%		

(Nguồn: Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐQT ngày 11/03/2022 của HĐQT LienVietPostBank (dự kiến trình ĐHCĐ thường niên năm 2022))

(*) Các chỉ tiêu kế hoạch nói trên có thể sẽ được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của thị trường của các cấp có thẩm quyền của Ngân hàng.

(**) Bao gồm Thu nhập lãi thuần, Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ, Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối, Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh, Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư, Lãi thuần từ hoạt động khác và Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần.

Kết thúc 03 tháng đầu năm 2022, LienVietPostBank đã đạt 3.259 tỷ VND doanh thu thuần và 1.421 tỷ VND lợi nhuận sau thuế, lần lượt đạt 26,3% và 37% kế hoạch năm 2022 và tăng trưởng lần lượt 40% và 62% so với cùng kỳ năm 2021.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Tiếp tục triển khai kinh doanh theo định hướng xuyên suốt là phát triển khách hàng bán lẻ trên cơ sở khai thác thế mạnh mạng lưới, kết quả kinh doanh năm LienVietPostBank năm 2021 đã có những bước tiến vững chắc và hoàn thành tốt kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Lợi nhuận hoàn thành 114% kế hoạch, tăng 50% so với năm 2020, trong đó thu dịch vụ tăng trưởng tốt, đạt 858 tỷ tăng 37% đẩy tỷ trọng thu thuần dịch vụ trong tổng thu nhập tăng lên theo đúng định hướng.

Trong năm 2022 LienVietPostBank vẫn đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh hiệu quả, an toàn, bền vững, đáp ứng các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN. Để hoàn thành các kế hoạch nêu trên, trên cơ sở chủ động và quyết liệt trong điều hành, LienVietPostBank xác định các giải pháp triển khai cụ thể như sau:

- a) Thực hiện các biện pháp nhằm tăng trưởng và sử dụng nguồn vốn hiệu quả
- Tối ưu nguồn vốn đầu vào thông qua việc điều chỉnh chính sách lãi suất và kỳ hạn huy động trong từng giai đoạn đảm bảo cân đối nguồn đầu vào từng thời điểm song song với đảm bảo tỷ lệ an toàn theo quy định.
 - Xây dựng các chương trình thúc đẩy huy động hấp dẫn, phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng từng giai đoạn, trong đó, chú trọng đẩy mạnh nguồn huy động online, giao chỉ tiêu kinh doanh cụ thể tới tất cả điểm giao dịch để triển khai ngay từ đầu năm.
 - Tăng số dư tiền gửi huy động không kỳ hạn bao gồm cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp thông qua chương trình ưu đãi miễn phí chuyển tiền, chính sách áp dụng cho khách hàng trả lương qua thẻ, nâng cao chất lượng dịch vụ các sản phẩm Thẻ, LienViet24h, Ngân hàng số để thu hút khách hàng... từ đó tăng tỷ trọng nguồn vốn giá rẻ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh cho Ngân hàng.
 - Tiếp tục phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi trung dài hạn với mức lãi suất hợp lý để tăng nguồn vốn cấp 2, đáp ứng các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của NHNN tại mọi thời điểm.
- b) Tập trung tăng trưởng tín dụng theo hướng bán lẻ
- Xây dựng các sản phẩm mới theo đặc thù từng địa bàn, thiết kế các gói sản phẩm kết hợp tín dụng, bảo hiểm, thanh toán, thẻ,... nhằm khai thác tối đa nhu cầu tài chính của khách hàng, qua đó cũng tăng số lượng sản phẩm dịch vụ sử dụng trên một khách hàng.
 - Ngân hàng tiếp tục phát triển tín dụng vào đối tượng khách hàng nhỏ lẻ, an toàn, đặc biệt tại khu vực nông thôn trên cơ sở khai thác thế mạnh mạng lưới, thực hiện tuyển dụng mới chuyên viên bán hàng để bổ sung nguồn lực cho các ĐVKD mà chủ yếu sẽ tập trung cho các PGD.
 - Khai thác thế mạnh mạng lưới để phát triển khách hàng bán lẻ trên 63 tỉnh/thành, đến tận các cấp huyện.
- c) Chú trọng phát triển dịch vụ, nâng cao tỷ trọng thu nhập ngoài lãi
- Triển khai hợp tác toàn diện với các Cơ quan, Tập đoàn, KHDN lớn để khai thác tối đa hệ sinh thái của khách hàng trong việc bán chéo các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng.
 - Tăng doanh thu từ dịch vụ Bảo hiểm nhân thọ thông qua các biện pháp: (i) Đẩy nhanh tiến độ tìm kiếm đối tác ký kết Hợp đồng độc quyền bảo hiểm; (ii) Đưa ra các công cụ để thúc đẩy ĐVKD tăng doanh số bảo hiểm.
 - Tập trung tư vấn, bán chéo thẻ, ngân hàng số cho toàn bộ khách hàng hiện hữu và khách hàng mới đến giao dịch tại quầy. Đồng thời xây dựng các chương trình, chính sách cạnh

tranh để khuyến khích khách hàng ưu tiên tiêu dùng bằng thẻ, ngân hàng số của LienVietPostBank.

- Tăng cường khai thác dịch vụ khách hàng cá nhân ưu tiên, dịch vụ chuyển tiền quốc tế (du học, khám chữa bệnh, kiều hối...) trên cơ sở thiết kế các sản phẩm ưu điểm vượt trội và chú trọng triển khai bán hàng hiệu quả.

d) Kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động

- Chi phí cho nhân viên chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động, vì vậy, Ngân hàng sẽ thường xuyên rà soát hiệu quả hoạt động và năng suất lao động của các Đơn vị trên toàn hệ thống để sắp xếp, điều chuyển, ưu tiên bổ sung nguồn nhân lực cho các hoạt động kinh doanh trực tiếp, hạn chế tình trạng dư thừa lao động, đặc biệt tại các bộ phận hỗ trợ, gián tiếp.
- Kiểm soát các khoản chi phí đảm bảo tăng trưởng thấp hơn tốc độ tăng trưởng thu nhập, qua đó giảm tỷ lệ chi phí hoạt động/tổng thu nhập hoạt động thuần (CIR).

e) Quyết liệt trong công tác thu hồi nợ xấu

Quyết liệt trong công tác thu hồi nợ xấu với các biện pháp như: Xây dựng phương án, kế hoạch thu hồi đối với từng khoản nợ xấu; Tăng cường đào tạo và tuyển dụng bổ sung cán bộ xử lý nợ có kiến thức, nghiệp vụ phục vụ công tác xử lý nợ tại các ĐVKD; Phân giao kế hoạch thu hồi nợ tới từng ĐVKD và thường xuyên giám sát, đốc thúc ĐVKD thực hiện.

f) Tiếp tục ưu tiên kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro

- Tăng cường kiểm soát hoạt động rủi ro tín dụng, đáp ứng yêu cầu quản lý số lượng lớn các khoản vay nhỏ lẻ thông qua việc duy trì mô hình quản trị rủi ro từ cấp Hội sở đến các ĐVKD, đề cao vai trò và trách nhiệm của Trung tâm Giám sát kinh doanh.
- Thường xuyên đánh giá, phân tích tình hình thị trường để đưa ra những cảnh báo về rủi ro tiềm ẩn và xây dựng các kịch bản ứng phó để chủ động và linh hoạt trong công tác quản trị điều hành.
- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị rủi ro đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn quản trị rủi ro quốc tế cao hơn nữa.

g) Đầu tư phát triển nhân sự, cơ cấu lao động hợp lý giúp tăng năng suất lao động

- Thúc đẩy tăng năng suất lao động trên toàn hệ thống thông qua việc cơ cấu lại nhân sự theo hướng tăng cường nguồn lực bán hàng và rà soát, điều chỉnh quy định KPIs cho các vị trí tại ĐVKD đảm bảo phù hợp với thực tế, bám sát định hướng kinh doanh.
- Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, đảm bảo giữ chân các nhân sự tốt thông qua các chính sách đãi ngộ hấp dẫn, lộ trình tăng lương thưởng.
- Thường xuyên tổ chức đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên.

- h) Đầu tư công nghệ, hiện đại hóa ngân hàng, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số
- Nâng cao chất lượng hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, an toàn và bảo mật.
 - Tự động hóa các quy trình giao dịch, xử lý hồ sơ nhằm tiết kiệm thời gian, nguồn lực nhưng vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ tốt nhất cho Khách hàng.
 - Xây dựng nền tảng ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, chú trọng đáp ứng nhu cầu và trải nghiệm cho khách hàng theo hướng tăng cường cá nhân hóa, đa dạng hóa lựa chọn.
- i) Tiếp tục phát triển mạng lưới

Tiếp tục rà soát thực trạng mạng lưới để đề xuất thành lập Chi nhánh, PGD mới theo Thông tư 21 nhằm khai thác tiềm năng phát triển tại các địa bàn LienVietPostBank chưa phủ sóng đảm bảo phù hợp với định hướng kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị của Ngân hàng.

14.3 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Ngày 14/02/2022, LienVietPostBank đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động theo Công văn số 669/UBCK-QLCB. Theo đó, Ngân hàng đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 12.036 tỷ đồng lên 12.386 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021. Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Ngân hàng đang làm các thủ tục để đăng ký vốn điều lệ mới với các cơ quan có liên quan.

Dự kiến ĐHCĐ thường niên năm 2022, HĐQT LienVietPostBank sẽ trình ĐHCĐ thông qua phương án tăng vốn để tăng vốn điều lệ từ 12.386 tỷ đồng lên 20.500 tỷ đồng trong năm 2022 thông qua các hình thức phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài, phát hành cho cổ đông hiện hữu.

15. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, SHS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá về kế hoạch lợi nhuận của LienVietPostBank.

LienVietPostBank có những lợi thế lớn về mạng lưới chi nhánh, PGD, PGDBĐ phủ sóng khắp cả nước tới tận huyện, xã và song song với đó, Ngân hàng đã bắt kịp xu thế số hóa trong công nghệ ngân hàng để nhanh chóng tận dụng lợi thế đó. Chúng tôi cũng đánh giá cao đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên Ngân hàng có trình độ, kinh nghiệm và tâm huyết đối với sự phát triển của LienVietPostBank.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của LienVietPostBank, SHS cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng dự kiến cho năm 2022 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chúng tôi cũng đặc biệt lưu ý trong trường hợp diễn biến phức tạp hơn của các biến chủng virus của dịch bệnh Covid -19 có thể ảnh hưởng sâu rộng lên nền kinh tế chung toàn cầu thì các tác động của nó có thể trực tiếp ảnh hưởng lên hoạt động Ngân hàng và kế hoạch lợi nhuận.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các Nhà Đầu Tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào trái phiếu LienVietPostBank

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, theo thông tin và tin tưởng tốt nhất, không có bất kỳ thông tin, tranh chấp kiện tụng nào liên quan tới LienVietPostBank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả Trái Phiếu niêm yết.

V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại Trái Phiếu

Trái Phiếu không chuyên đổi, không có bảo đảm, không kèm chứng quyền, là Nợ Thứ Cấp và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của LienVietPostBank theo quy định hiện hành (*Theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 283/GCN-UBCK ngày 10/12/2021 của UBCKNN cấp*).

2. Tính chất Trái Phiếu

- Trái Phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác (không phải là chủ Nợ Thứ Cấp) hiện tại và trong tương lai của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Các Trái Phiếu phát hành trong cùng đợt phát hành tại mọi thời điểm có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.
- Trong thời hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.
- Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chỉ được mua lại, trả nợ trước thời gian đáo hạn với điều kiện sau khi thực hiện việc mua lại, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn

bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát

3. Mã Trái Phiếu

LPB121036

4. Mệnh giá

Mỗi Trái Phiếu có mệnh giá là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).

5. Tổng số lượng Trái Phiếu niêm yết

1.731.000 (Một triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn) Trái Phiếu

6. Tổng giá trị theo mệnh giá phát hành thành công

173.100.000.000 VND (Một trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm triệu Đồng)

7. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá

173.100.000.000 VND (Một trăm bảy mươi ba tỷ, một trăm triệu Đồng)

8. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

- Không có

9. Thời Hạn Trái Phiếu

- Ngày Phát Hành: ngày 30/12/2021

- Ngày Đáo Hạn: ngày 30/12/2031

- Thời hạn Trái Phiếu: 10 (mười) năm kể từ Ngày Phát Hành

10. Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại

Là ngày tròn 05 (năm) năm kể từ Ngày Phát Hành: ngày 30/12/2026

- a) Trên cơ sở đảm bảo tuân thủ và phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định của NHNN, bằng việc gửi thông báo cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông báo này là không hủy ngang) theo quy định tại Điều 10 c) dưới đây, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có quyền mua lại trước hạn toàn bộ nhưng không mua lại một phần Trái Phiếu tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại tương ứng với giá mua bằng mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu đó tính đến thời điểm mua lại.
- b) Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và nhận được 100% khoản tiền Gốc do mình sở hữu; khi đó Trái Phiếu sẽ bị hủy bỏ và các Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu liên quan (nếu có ban

hành) sẽ tự động hết hiệu lực lưu hành. Kể từ Thời Điểm Khóa Sổ của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho đến Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được chuyển nhượng, sử dụng Trái Phiếu để chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, tạo lập các nghĩa vụ hoặc biện pháp bảo đảm đối với Trái Phiếu hoặc tham gia các giao dịch dân sự, thương mại khác liên quan đến Trái Phiếu mà dẫn đến hoặc có thể dẫn đến việc thay đổi quyền sở hữu Trái Phiếu.

- c) Vì mục đích mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại như quy định tại Điều 10 này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ thông báo việc mua lại (“**Thông Báo Mua Lại**”) trên trang thông tin điện tử chính thức của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ít nhất 10 (mười) ngày nhưng không sớm hơn 60 (sáu mươi) ngày trước Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc một thời hạn cụ thể theo quy định của pháp luật liên quan và của VSD. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu không nhận được thông báo mua lại của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết mà không do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc VSD hoặc không thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc bán lại Trái Phiếu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết (nếu có), Người Sở Hữu Trái Phiếu vẫn có nghĩa vụ bán lại toàn bộ số Trái Phiếu đang sở hữu cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và tiền thanh toán mua lại Trái Phiếu sẽ được chuyển vào Tài Khoản Đăng Ký của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định.
- d) Để làm rõ, trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thực hiện quyền mua lại theo quy định tại Điều 10 này, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế thu nhập cá nhân (nếu có) bằng chi phí của mình cho các Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân.

11. Xếp hạng tín nhiệm

- Không có

12. Mục đích phát hành Trái Phiếu

LienVietPostBank sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu này để bổ sung nguồn vốn huy động trung dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu tăng quy mô vốn hoạt động và vay vốn trung, dài hạn của khách hàng

13. Nguồn thanh toán Trái Phiếu

- **Thanh toán Lãi:** Lãi thu được từ các lĩnh vực mà LienVietPostBank giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán Lãi cho các Nhà Đầu Tư với điều kiện việc thanh toán Lãi không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Ngân hàng bị lỗ.
- **Thanh toán Gốc:** LienVietPostBank sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ gốc/lãi của các khoản vay được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu; và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của LienVietPostBank để thanh toán Gốc tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu

14. Lãi suất

Lãi suất áp dụng cho Trái Phiếu là lãi suất thả nổi tính theo công thức sau: Lãi Suất = Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 2,2%/năm (Hai phẩy hai phần trăm một năm)

Trong đó:

Lãi Suất Tham Chiếu có nghĩa là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) công bố tại trang thông tin điện tử chính thức của Các Ngân Hàng Tham Chiếu, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tại Ngày Xác Định Lãi Suất.

Ngày Xác Định Lãi Suất đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu. Ngày Xác Định Lãi Suất đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi.

15. Kỳ trả lãi

Định kỳ vào ngày tròn 01 (một) năm liên tục từ Ngày Phát Hành đến Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại hoặc ngày đến hạn khác (trong trường hợp Trái Phiếu bị mua lại trước hạn, nếu có)

16. Phương pháp tính giá

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Trong đó:

- PV: là Giá của Trái Phiếu
- FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu
- CF_i: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i
- n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu
- k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá Trái Phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau. Để tính giá Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư có thể tham khảo các bước tính toán như sau:

1. Xác định ngày thanh toán thực tế (ở Việt Nam là ngày t+1 so với ngày giao dịch);
2. Xác định số kỳ hưởng lãi coupon còn lại và các ngày nhận lãi coupon;
3. Xác định các kỳ hưởng lãi coupon theo lãi suất thả nổi và dự phóng theo mô hình phù hợp;

4. Xác định mức lợi suất yêu cầu phù hợp (căn cứ lợi suất giao dịch thứ cấp/sơ cấp của tài sản có tính chất tương tự có thời gian đáo hạn tương tự hoặc trên cơ sở dự báo biến động của đường cong lợi suất);

5. Lựa chọn phương thức tính ngày (Day-count Convention) phù hợp theo thông lệ thị trường và loại tài sản (ví dụ: Actual/Actual ICMA, Actual/Actual ISDA, Actual/365 Fixed, Actual/360, Actual/364, Actual/365L, Actual/Actual AFB, 30/360...).

6. Áp dụng công thức nêu trên để tính giá Trái Phiếu.

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
- Ngày phát hành: 30/12/2021
- Ngày đáo hạn: 30/12/2031
- Lãi suất trái phiếu = Lãi Suất Tham Chiếu và 2,2%/năm

Trong đó: Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi Kỳ Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam bao gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày định giá (ngày niêm yết dự kiến): 15/05/2022
- Số kỳ hưởng lãi và ngày nhận lãi còn lại: 10 kỳ
- Lãi coupon chưa xác định: Dự báo trong giai đoạn tới chưa có nhiều biến động; Lãi suất coupon cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất (năm 1) theo thực tế là 7,725% và giả sử lãi suất áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo là 8,2%.
- Lợi suất yêu cầu hay Lãi suất chiết khấu (k) = Lãi Suất Tham Chiếu và 1,2%/năm. Lãi Suất Tham Chiếu giả định tại ngày niêm yết là 6%/năm.
- Cơ sở tính ngày (day count convention): Actual/365

Với các đặc điểm và giả định nêu trên, giả sử tại ngày niêm yết dự kiến là 15/05/2022, giá của trái phiếu là:

Kỳ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	30/12/2022	30/12/2023	30/12/2024	30/12/2025	30/12/2026	30/12/2027	30/12/2028	30/12/2029	30/12/2030	30/12/2031
Lãi suất coupon	7.725%	8.200%	8.200%	8.200%	8.200%	8.200%	8.200%	8.200%	8.200%	8.200%
Dòng tiền lãi										
$CF(i) = Coupon \times$ số ngày thực tế của kỳ tính lãi/365	7725	8200	8222	8200	8200	8200	8222	8200	8200	8200
Gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100000
Số ngày nắm giữ	229	594	960	1.325	1.690	2.055	2.421	2.786	3.151	3.516
Lãi suất chiết khấu	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%	7.2%

$$\begin{aligned}
 PV = & \frac{7.725}{(1+7,2\%)^{229/365}} + \frac{8.200}{(1+7,2\%)^{594/365}} + \frac{8.222}{(1+7,2\%)^{960/365}} + \frac{8.200}{(1+7,2\%)^{1325/365}} \\
 & + \frac{8.200}{(1+7,2\%)^{1690/365}} + \frac{8.200}{(1+7,2\%)^{2055/365}} + \frac{8.222}{(1+7,2\%)^{2421/365}} + \frac{8.200}{(1+7,2\%)^{2786/365}} \\
 & + \frac{8.200}{(1+7,2\%)^{3151/365}} + \frac{108.200}{(1+7,2\%)^{3516/365}}
 \end{aligned}$$

Tương ứng:

$$PV = 7.395 + 7.323 + 6.848 + 6.371 + 5.943 + 5.544 + 5.185 + 4.823 + 4.499 + 55.381 = 109.313 \text{ VND}$$

17. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi nhuận kỳ hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi nhuận (Tỷ suất lợi nhuận) mà Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu khi mua và giữ Trái Phiếu đến hạn. Nói cách khác, YTM bằng với mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền Nhà Đầu Tư nhận được từ Trái Phiếu với giá trị ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, Nhà Đầu Tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

Một trái phiếu có các đặc tính như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu
- Ngày phát hành: 30/12/2021
- Ngày đáo hạn: 30/12/2031
- Lãi suất trái phiếu giả định: 10%/năm
- Kỳ trả lãi: 01 năm/lần
- Ngày giao dịch dự kiến: 15/05/2022
- Giá giao dịch dự kiến: 108.000 đồng/trái phiếu.

Với các đặc điểm trên, nếu nhà đầu tư giao dịch với giá 108.000 đồng/trái phiếu và nắm giữ tới ngày đáo hạn thì Lợi suất trái phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:

Ngày trả lãi	30/12/2022	30/12/2023	30/12/2024	30/12/2025	30/12/2026	30/12/2027	30/12/2028	30/12/2029	30/12/2030	30/12/2031
Kỳ Tính Lãi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Lãi suất (%/năm)	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%	10%
Dòng tiền trả lãi CFi	10,000	10,000	10,027	10,000	10,000	10,000	10,027	10,000	10,000	10,000
Dòng tiền gốc trái phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100000
Số ngày tính đến ngày trả lãi	229	594	960	1.325	1.690	2.055	2.421	2.786	3.151	3.516

$$\begin{aligned}
 & \frac{10.000}{(1+k)^{229/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{594/365}} + \frac{10.027}{(1+k)^{960/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{1325/365}} \\
 & + \frac{10.000}{(1+k)^{1690/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{2055/365}} + \frac{10.027}{(1+k)^{2421/365}} + \frac{10.000}{(1+k)^{2786/365}} \\
 & + \frac{10.000}{(1+k)^{3151/365}} + \frac{110.000}{(1+k)^{3516/365}}
 \end{aligned}$$

Áp dụng phương pháp nội suy: $k = 9,29\%$. Do đó $YTM = 9,29\%$

18. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết

Tỷ lệ lạm phát là chỉ tiêu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Lạm phát là sự tăng mức giá chung một cách liên tục của hàng hóa và dịch vụ theo thời gian và sự mất giá trị của một loại tiền tệ nào đó. Khi mức giá chung tăng cao, một đơn vị tiền tệ sẽ mua được ít hàng hóa và dịch vụ hơn so với trước đây, do đó, lạm phát phản ánh sự suy giảm sức mua trên một đơn vị tiền tệ. Do đó, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp và ổn định sẽ tạo ra các điều kiện cho chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Chỉ số giá tiêu dùng CPI – Consumer Price Index là chỉ số tính theo phần trăm phản ánh mức thay đổi của giá hàng tiêu dùng theo thời gian và được sử dụng phổ biến để đo lường sự thay đổi của mức giá, tức là lạm phát.

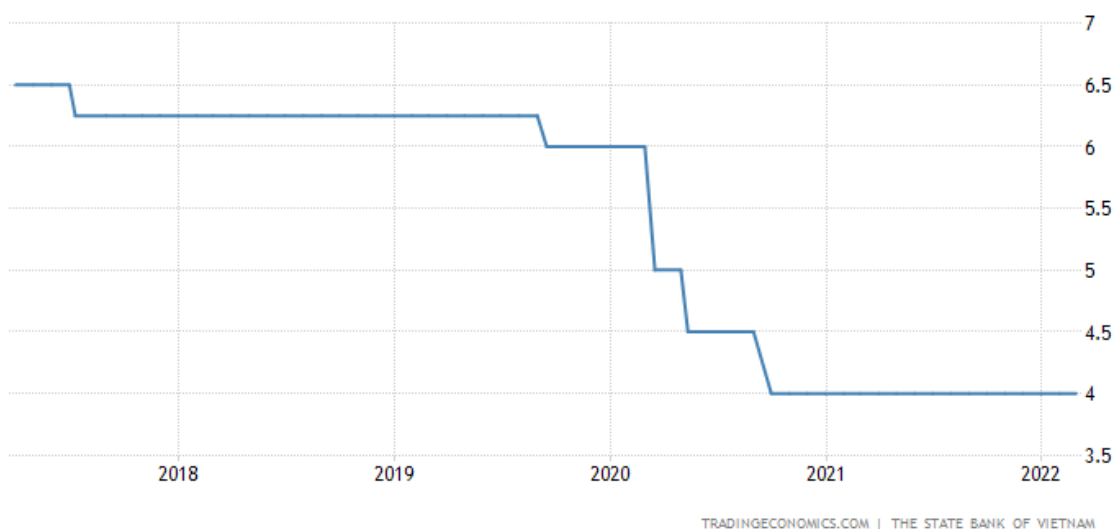
Trong những năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, biện pháp quyết liệt để kiềm chế lạm phát và nhằm ổn định kinh tế vĩ mô. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân đã giảm từ 18,58% năm 2011 xuống ổn định ở mức khoảng 2,98% giai đoạn 2017-2021.

Hình 3: Diễn biến lạm phát giai đoạn 2018-2022



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 4: Diễn biến lãi suất thị trường giai đoạn 2018-2022



Nguồn: tradingeconomics.com

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại với hệ số lãi suất dựa trên lợi suất yêu cầu (lãi suất chiết khấu) là lãi suất thị trường kỳ vọng. Do đó, giá trị Trái Phiếu chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm xuống khi lãi suất thị trường tăng và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường trung bình sẽ có xu hướng tăng tương ứng, làm cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm, làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Như vậy, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn của Trái Phiếu không có diễn biến bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình trạng lạm phát và lãi suất do một số nguyên nhân sau:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 1 năm/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.

Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng, NHNN và Chính Phủ luôn đưa ra mục tiêu kiềm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

19. Cam kết về bảo đảm

Trái Phiếu không có bảo đảm nên không có cam kết về bảo đảm

20. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Đối với loại Trái Phiếu do LienVietPostBank đã phát hành và đăng ký niêm yết, hiện tại không có quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu và nắm giữ đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài. Tuy nhiên, tùy thuộc tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam trong tương lai, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và khi đó, có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà Đầu Tư trong nước cho Nhà Đầu Tư nước ngoài.

21. Các loại thuế có liên quan

Phần trình bày về thuế trong phần này dựa trên luật hiện hành tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào mà có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản Cáo Bạch. Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với tất cả các Nhà Đầu Tư, một số Nhà Đầu Tư (như người môi giới chứng khoán hoặc môi giới mua bán hàng hoá) phải tuân theo các quy định riêng.

a) Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân sẽ được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/08/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2013 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 30/07/2015 và sẽ được khấu trừ thuế với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ Lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập từ đầu tư vốn. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%; và
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 02/08/2014, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/06/2015 và có hiệu lực từ ngày 06/08/2015 sẽ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ở mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận từ năm 2016.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06/08/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/10/2014 với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%; và
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu: 0,1% trên tổng thu nhập doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2014, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu không là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.

d) Khấu trừ thuế thu nhập cá nhân

Việc khấu trừ thuế thu nhập cá nhân sẽ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của VSD và quy định của Bản Cáo Bạch này nếu không mâu thuẫn.

Để làm rõ, khoản tiền mà LienVietPostBank sẽ khấu trừ, giữ lại và nộp thuế thu nhập cá nhân đối với tiền Lãi trước khi thanh toán cho Người Sở Hữu Trái Phiếu và LienVietPostBank không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người sở hữu Trái Phiếu. Để làm rõ, trong trường hợp LienVietPostBank thực hiện quyền mua lại trước hạn tại Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, LienVietPostBank cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán thuế thu nhập cá nhân (0,1% trên tổng giá trị Trái Phiếu mua lại cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có)) áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng (bán lại trước hạn) Trái Phiếu.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1 – 5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 38 181 888 *Fax:* (84 24) 38 181 688

Website: www.shs.com.vn

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Khu E6, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84 24) 3946 1600 *Fax:* (84 24) 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. **Phụ lục II:** Điều lệ của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt;
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020, năm 2021 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2022;
4. **Phụ lục IV:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống để chuyển tiếp sang nội dung trang tiếp theo của Bản Cáo Bạch]

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2022

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CHỦ TỊCH HĐQT



Huỳnh Ngọc Huy

TRƯỞNG BKS



Trần Thanh Tùng



TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Doãn Sơn

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ánh Vân

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Gấm

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thu Thanh